

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

---

**ĐỖ HỒNG LĨNH**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM  
TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐIỂM *NHỚ NGUỒN*  
Ở SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5 (TẬP HAI)**

*Chuyên ngành: Lí luận và PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt*

*Mã số: 8140111*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Phan Thị Hồng Xuân**

**HÀ NỘI - 2020**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các ngữ liệu, trích dẫn trong luận văn là hoàn toàn trung thực. Những số liệu và kết luận của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kì tài liệu hay công trình khoa học nào khác.

*Hà Nội, ngày ... tháng 10 năm 2020*

**Tác giả luận văn**

**Đỗ Hồng Lĩnh**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS Phan Thị Hồng Xuân, người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, chỉ bảo, động viên tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Tôi cũng xin cảm ơn các ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học, sự tạo điều kiện, giúp đỡ của quý thầy cô trong Khoa Ngữ văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội – nơi tác giả học tập và nghiên cứu, Lãnh đạo khoa Tiểu học – Mầm non, Ban Giám hiệu trường Đại học Hoa Lư – nơi tác giả đang công tác, Ban Giám hiệu các trường Tiểu học – nơi tác giả tiến hành khảo sát, thăm dò ý kiến và tổ chức thực nghiệm.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn những người thân trong gia đình, những người bạn và các đồng nghiệp đã luôn động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, ngày ...tháng 10 năm 2020*

**Tác giả luận văn**

**Đỗ Hồng Linh**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề .....	4
3. Mục đích nghiên cứu.....	7
4. Đối tượng nghiên cứu.....	7
5. Giả thuyết khoa học .....	8
6. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	8
7. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	8
8. Phương pháp nghiên cứu.....	8
9. Đóng góp của luận văn.....	9
10. Cấu trúc luận văn .....	9
<b>NỘI DUNG</b> .....	10
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI</b> .....	10
<b>1.1. Cơ sở lý luận</b> .....	10
1.1.1. Hoạt động trải nghiệm .....	10
1.1.2. Cơ sở tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai).....	26
1.1.3. Một số hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông.....	30
<b>1.2. Cơ sở thực tiễn</b> .....	38
1.2.1. Khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (Tập hai) .....	38
1.2.2. Phân tích kết quả và đánh giá thực trạng .....	40
<b>Tiểu kết chương 1</b> .....	50
<b>CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC HĐTN TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐIỂM NHỚ NGUỒN Ở SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5 (TẬP HAI)</b> .....	51
<b>2.1. Các yêu cầu trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt (tập hai)</b> .....	51
2.1.1. Yêu cầu đảm bảo mục tiêu môn học, bài học. ....	51

2.1.2. Yêu cầu đảm bảo có sự kết hợp với các hoạt động khác .....	52
2.1.3. Yêu cầu đảm bảo có sự đa dạng các phương pháp, hình thức hoạt động.....	53
2.1.4. Yêu cầu đảm bảo hoạt động phù hợp với đối tượng học sinh .....	54
<b>2.2. Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai) .....</b>	<b>55</b>
<b>2.3. Một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai) .....</b>	<b>64</b>
2.3.1. Hình thức trò chơi.....	64
2.3.2. Hình thức xem phim truyện, phim tài liệu.....	69
<b>2.4. Một số phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai) .....</b>	<b>72</b>
2.4.1. Phương pháp đóng vai .....	72
2.4.2. Phương pháp dạy học hợp tác.....	77
<b>Tiểu kết chương 2 .....</b>	<b>85</b>
<b>CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM SỬ PHẠM .....</b>	<b>86</b>
<b>3.1. Mục đích thực nghiệm .....</b>	<b>86</b>
<b>3.2. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm .....</b>	<b>86</b>
3.2.1. Đối tượng thực nghiệm.....	86
3.2.2. Địa bàn thực nghiệm.....	86
<b>3.3. Nội dung và cách thức tiến hành thực nghiệm.....</b>	<b>87</b>
3.3.1. Nội dung thực nghiệm .....	87
3.3.2. Cách thức tiến hành thực nghiệm .....	87
<b>3.4. Tiêu chí đánh giá .....</b>	<b>88</b>
<b>3.5. Thiết kế giáo án thực nghiệm .....</b>	<b>89</b>
<b>3.6. Kết quả thực nghiệm.....</b>	<b>109</b>
<b>3.7. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm.....</b>	<b>111</b>
<b>Tiểu kết chương 3 .....</b>	<b>113</b>
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ .....</b>	<b>114</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>116</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Nghĩa</b>
1	BGDĐT	Bộ Giáo dục Đào tạo
2	DHTV	Dạy học Tiếng Việt
3	ĐC	Đối chứng
4	GDPT	Giáo dục phổ thông
5	GV	Giáo viên
6	SGK TV	Sách giáo khoa Tiếng Việt
7	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
8	HTTC	Hình thức tổ chức
9	HĐGD	Hoạt động giáo dục
10	HS	Học sinh
11	HĐTNST	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
12	NDDH	Nội dung dạy học
13	PPDH	Phương pháp dạy học
14	LTV	Tập làm văn
15	TN	Thực nghiệm
16	TV5	Tiếng Việt 5
17	Tr	Trang

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1.	Khảo sát thực trạng dạy học của GV lớp 5 .....	46
Bảng 1.2.	Khảo sát thực trạng học của HS lớp 5 .....	48
Bảng 3.1.	Đối tượng và địa bàn dạy học TN và ĐC .....	87
Bảng 3.2.	Bảng thống kê kết quả bài kiểm tra của HS lớp TN và ĐC trường Tiểu học Ninh Vân .....	109
Bảng 3.3.	Bảng tổng hợp kết quả bài kiểm tra của HS lớp TN và ĐC trường Tiểu học Ninh Vân .....	110
Bảng 3.4.	Bảng so sánh tỉ lệ tăng giảm kết quả giữa lớp TN và ĐC .....	110

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ - HÌNH

Biểu đồ 1.1.	Thống kê kết quả khảo sát thực trạng vận dụng HĐTN trong DHTV lớp 5 của GV .....	47
Biểu đồ 3.1.	Đồ thị biểu diễn kết quả học tập của HS lớp ĐC và TN trường Tiểu học Ninh Vân .....	110
Hình 1.1.	Mô hình HĐTN của K. Lewin .....	17
Hình 1.2.	Mô hình học tập trải nghiệm của David Kolb.....	20
Hình 1.3.	Chu trình học qua trải nghiệm của Bùi Ngọc Diệp.....	20

## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

1.1. Ở mỗi thời đại, giáo dục luôn có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của xã hội. Bước sang thế kỉ XXI, thế giới đang phải đứng trước những thách thức to lớn trên mọi mặt của tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội mà giáo dục cũng không nằm ngoài quy luật đó. Trong bối cảnh như hiện nay, giáo dục đào tạo càng có ý nghĩa quyết định bởi mục đích của giáo dục phù hợp với sự phát triển của cá nhân, vì sự tiến bộ của xã hội. Giáo dục luôn không ngừng thích nghi với sự thay đổi của xã hội; đồng thời còn thực hiện trọng trách chuyển giao những thành tựu văn hoá xã hội của loài người từ thế hệ này đến thế hệ khác. Muốn phát triển một cách sáng tạo những thành tựu giáo dục trong quá khứ, tiếp cận với các tư tưởng giáo dục hiện đại, chúng ta cần kế thừa các thành tựu và kinh nghiệm giáo dục trong lịch sử giáo dục của nhân loại. Toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hoá thương mại đang là xu thế nổi bật của kinh tế thế giới đương đại. Trong điều kiện quốc tế như hiện nay, khi quá trình hội nhập ngày càng được xúc tiến nhanh, Việt Nam luôn quan tâm phát triển mọi lĩnh vực của xã hội, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục để hòa chung dòng chảy với thế giới.

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013, Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” là một cột mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển mình của giáo dục Việt Nam. Chương trình giáo dục trước đây định hướng dạy học cung cấp nội dung nay trở thành chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực người học nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra của giáo dục, để sản phẩm đào tạo mang tính chất lượng cao. Theo đó, “đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời”. Sự thay đổi về nội dung, phương pháp, HTTC dạy học cũng như vị trí, vai trò của người dạy và người học đã làm giáo dục Việt Nam giai đoạn mới có nhiều biến



chuyển tích cực. Vai trò của người học với tư cách là chủ thể của quá trình nhận thức được nhấn mạnh. Người học cần được phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù trong từng môn học thông qua loại bỏ cách học thụ động, một chiều, tích cực tham gia trực tiếp vào các hoạt động học tập, thường xuyên giao lưu, tương tác, trải nghiệm... để thay đổi và hoàn thiện bản thân. Trong việc dạy học lấy HS làm trung tâm GV phải biết dạy cách học, học cách học hoặc hướng vào người học để phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Ở Việt Nam, giáo dục và đào tạo đang giành được vị thế xứng đáng, thực hiện chiến lược đào tạo nguồn tri thức mới phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước.

**1.2.** Thực hiện Nghị quyết về đổi mới “*căn bản*”, “*toàn diện*” giáo dục và đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* công bố tháng 7/2017, và *Chương trình giáo dục phổ thông các môn học* (ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT/-BGDĐT ngày 26/12/2018) ngoài nội dung các môn học cơ bản còn có nội dung “hoạt động trải nghiệm” ở tiểu học, “HĐTN, hướng nghiệp” ở trung học cơ sở, trung học phổ thông. Đây là một hoạt động giáo dục bắt buộc chiếm hơn 1/10 tổng thời lượng của năm học. “HĐTN là các hoạt động giáo dục bắt buộc, trong đó HS dựa trên sự huy động tổng hợp kiến thức và kỹ năng từ nhiều lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội, tham gia hoạt động hướng nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục. Bằng HĐTN của bản thân, mỗi HS vừa là người tham gia, vừa là người thiết kế và tổ chức các hoạt động cho chính mình, qua đó tự khám phá, điều chỉnh bản thân, điều chỉnh cách tổ chức hoạt động, tổ chức cuộc sống để sinh hoạt và làm việc có kế hoạch, có trách nhiệm. HS cũng bắt đầu xác định được năng lực, sở trường và chuẩn bị một số năng lực cơ bản của người lao động tương lai và người công dân có trách nhiệm.” (Trích *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* công bố tháng 7/2017). Hoạt động giáo dục trải nghiệm với vai trò là một môn học bắt buộc có vị trí quan trọng trong việc hình thành phẩm chất và năng lực người học thông qua trải nghiệm thực tiễn, ở đó người học được sáng tạo không ngừng. Đồng thời, HĐTN còn được coi trọng trong từng môn học. Thay vì chỉ “nghe và thấy” thì nay người học được “làm”, có cơ hội tham gia vào quá trình giáo dục, được trải nghiệm cá nhân, được tương tác với các yếu tố khác giúp phát triển được các năng lực và phẩm chất quan trọng.

**1.3.** Trong những năm gần đây, thực tiễn dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông nói chung và DHTV ở Tiểu học nói riêng đã có những sự thay đổi tích cực. DHTV không chỉ đơn thuần là dạy HS có các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua nắm kiến thức lí thuyết hàn lâm về ngôn ngữ và văn học mà nó vừa giúp các em có một thế giới quan, nhân sinh quan tiến bộ, vừa có một vốn tri thức về ngôn ngữ, văn hoá, văn học... để có thể ứng xử, giao tiếp trong cuộc sống và học tập. Từ đây, những cảm xúc cá nhân trong việc khám phá cái hay, cái đẹp của văn chương và ngôn ngữ được khơi dậy, giúp hình thành và phát triển năng lực đặc thù ngôn ngữ đáp ứng được nhu cầu thực tiễn cuộc sống của người học. Việc tổ chức được các HĐTN trong DHTV là một trong những biện pháp tạo ra các môi trường khác nhau để HS được quan sát, suy ngẫm và trải nghiệm, trực tiếp tham gia vào các hoạt động thực tiễn. Những hoạt động này tạo động lực cho việc kích thích sự sáng tạo trong tư duy và hành động, có thái độ tích cực với nghiên cứu, tìm tòi những sáng kiến và giải pháp mới trên cơ sở vận dụng những điều đã biết và những gì được trải nghiệm trong cuộc sống... từ đó hình thành những phẩm chất và kĩ năng sống, phát triển năng lực chủ thể của HS. Học từ trải nghiệm và bằng trải nghiệm mang lại hiệu quả cao, phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục và đào tạo trong thời kì hội nhập và quốc tế hoá.

Đối với môn Tiếng Việt – một trong những môn học quan trọng nhất ở bậc tiểu học, là công cụ để học tốt các môn học khác thì việc tổ chức HĐTN vào dạy học là một trong những cách dạy học mới giúp HS đạt được mục tiêu bài học không bị nhàm chán, thụ động. Thông qua HĐTN, NDDH các phân môn như Tập đọc, TLV, Kể chuyện... trở nên hấp dẫn và lôi cuốn hơn, HS được tương tác trực tiếp với sự vật, hiện tượng, con người và hình thành được kinh nghiệm cho bản thân nhằm phục vụ tốt cho cuộc sống. Ở học kì II, lớp 5 HS được học Tiếng Việt theo 5 chủ điểm được phân bổ theo thời lượng 3 tuần/chủ điểm. Các chủ điểm được dạy ở các phân môn Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và Câu, Kể chuyện, TLV, phù hợp với sự phát triển trình độ nhận thức của HS. Hiện nay, việc DHTV ở Tiểu học đã được một số GV vận dụng HĐTN vào để thay đổi PPDH truyền thống lạc hậu và bước đầu đã thu được những kết quả đáng ghi nhận. Các giờ học Tiếng Việt trở nên hấp dẫn và mới lạ hơn thông qua việc HS được tham gia vào các hoạt động quan sát, suy nghĩ, khám phá và sáng tạo; giúp các em có những trải nghiệm bổ ích, từ đó phát triển ở HS những năng lực quan yếu.

Tuy nhiên, với ảnh hưởng lớn của cách dạy truyền thống từ trước đến nay và khái niệm HĐTN trong dạy học còn khá mơ hồ đối với người dạy và người học nên các giờ học TV ở tiểu học thường mới đạt được mục tiêu hình thành các kỹ năng đọc, viết, nghe, nói thuần túy mà chưa thể phát huy hết các năng lực cần thiết cho HS.

Với những lí do trên, đề tài **“Hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai)”** được lựa chọn và nghiên cứu.

## **2. Lịch sử vấn đề**

### **2.1. Lịch sử nghiên cứu về HĐTN trên thế giới**

Lịch sử phát triển giáo dục trên thế giới cho thấy HĐTN đã xuất hiện trong sự nhận thức của con người từ rất sớm. Nó được phản ánh ở các công trình nghiên cứu trong triết học của Khổng Tử, Mặc Tử hay sau này là Lenin, các công trình nghiên cứu trong tâm lí học của Lev Vygotsky, Zadek Kurt Lewin, và các nghiên cứu trong giáo dục học của Thomas More, J.A Comenius, Robe

Đối với các công trình nghiên cứu trong triết học, hơn 2000 năm trước, Khổng Tử (551-479 TCN) đã nói: *“Những gì tôi nghe, tôi sẽ quên; Những gì tôi thấy, tôi sẽ nhớ; Những gì tôi làm, tôi sẽ hiểu”*. Điều này cho thấy nhà hiền triết từ rất sớm đã khẳng định được vai trò quan trọng của việc học từ trải nghiệm và làm. Ông nói: *“Nhu có ai đã học thuộc hết ba trăm thiên trong Kinh Thi, được bất quốc trưởng trao quyền hành chính cho mình, nhưng cai trị chẳng xuôi; được phái đi sứ đến các nước bốn phương, nhưng tự mình chẳng có tài ứng đối, người ấy dẫu học nhiều cũng trở nên vô ích”* (Luận Ngữ, Tử Tôn). Nhà triết học Hy Lạp cùng thời Socrates (470-399TCN) cũng đưa ra quan điểm: *“Người ta phải học bằng cách làm một việc gì đó; với những điều bạn nghĩ là mình biết, bạn sẽ thấy không chắc chắn cho đến khi làm nó”*. Những quan niệm đầu tiên này được coi là nguồn gốc xuất hiện của “giáo dục trải nghiệm”. Sau này còn có rất nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập và chú trọng đến vai trò của việc dạy học thông qua trải nghiệm như Mặc Tử (475-309TCN) với nguyên tắc giáo dục: *“Học phải mang tính thực tiễn, học đi đôi với hành và miệng nói đi đôi với tay làm”*; V.I Lenin (1870-1924) với quan điểm: *“Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng về thực tiễn, đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lí, nhận thức hiện thực khách quan”*.

Bước sang thế kỉ XX, một số công trình nghiên cứu về tâm lí học cũng đã góp phần khẳng định vai trò của HĐTN trong giáo dục. Đầu tiên phải kể đến nhà

tâm lí học Lev Vygotsky (1896-1934), ông nhấn mạnh sự phát triển nhận thức của con người không thể tách rời với hoàn cảnh xã hội. Ông cho rằng sự hướng dẫn, tham dự của người lớn giúp cho trẻ phát triển nhận thức. Nhưng nhận thức ấy chỉ bền vững khi nó được áp dụng vào trò chơi với bạn đồng lứa hoặc trở thành nét tính cách thông qua giao tiếp và ứng xử trong nhóm bạn bè... trong quá trình chơi và giao tiếp với bạn bè, trẻ em thu nhận kiến thức và rèn luyện kĩ năng ứng xử xã hội. Kết quả nghiên cứu của Zadek Kurt Lewin (1890 - 1947) - nhà tâm lí học xã hội nghiên cứu về sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành cho thấy rằng để đạt được hiệu quả tối đa trong học tập cần có sự xung đột giữa kinh nghiệm cá nhân với việc tổ chức hoạt động học tập.

Lĩnh vực giáo dục học đã góp một phần không nhỏ trong việc xây dựng hệ thống lí thuyết về HĐTN, làm phong phú và vững chắc khái niệm giáo dục trải nghiệm. Những nhà giáo dục học nổi tiếng trên thế giới như Thomas More, J.A Comenius, Robert Owen, John Dewey, David Kolb và rất nhiều hậu tác giả đã khẳng định vị trí, vai trò của HĐTN trong giáo dục. John Dewey và David Kolb là hai nhà giáo dục học hàng đầu trong việc phát triển và hoàn thiện lí thuyết dạy học trải nghiệm. John Dewey (1859-1952) – nhà giáo dục có tầm ảnh hưởng nhất thế kỉ XX đã quan niệm “*học qua làm, học bắt đầu từ làm*”. Bàn về giáo dục trải nghiệm, ông khẳng định: “*có một mối quan hệ mật thiết và quan trọng giữa quá trình trải nghiệm thực tế và giáo dục*” (1938). Như vậy, John Dewey xác lập mối quan hệ giữa trải nghiệm và giáo dục, từ đó đề cao kinh nghiệm cá nhân trong hoạt động học tập, học tập là quá trình kết hợp kinh nghiệm với kiến thức HS tiếp thu được thông qua quan sát và hành động. Sau này, David Kolb (sinh 1939) – một học giả người Mỹ đã kế thừa và phát triển lí thuyết của Dewey và các tác giả nghiên cứu trước đó. Ông hoàn thiện lí thuyết bằng việc đưa ra 6 đặc điểm của quá trình học từ trải nghiệm và quan trọng nhất là việc đưa ra mô hình học tập trải nghiệm 4 giai đoạn. Lí thuyết HĐTN của Kolb được những nhà nghiên cứu áp dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau có liên quan đến trải nghiệm.

## ***2.2. Lịch sử nghiên cứu về HĐTN ở Việt Nam***

Tại đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III, năm 1960, Đảng Lao động Việt Nam đưa ra quan điểm học đi đôi với hành trở thành kim chỉ nam cho giáo dục và đào tạo, đồng thời khẳng định: “*Công tác giáo dục phải phục vụ nhiệm vụ và đường lối cách mạng của Đảng, phải nắm vững phương châm giáo dục kết hợp với lao động sản xuất,*

*lí luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục xã hội*". Từ đó, "*học đi đôi với hành*" được coi là mục tiêu, nguyên lí, phương châm dạy và học của nền giáo dục nước nhà.

Những năm trở lại đây, để phù hợp với mục tiêu giáo dục thời đại mới, HĐTN càng được các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục quan tâm hơn. PGS.TS Đinh Thị Kim Thoa – Chủ biên chương trình HĐTN, trong bài viết *Xây dựng chương trình HĐTN trong chương trình GDPT mới* nhấn mạnh: "*HĐTN là hoạt động thông qua trải nghiệm của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được trong nhà trường với thực tiễn đời sống mà nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm chuyển hoá dần thành năng lực; thực hành, trải nghiệm đều là những phương thức học hiệu quả, gắn với vận động, với thao tác vật chất, với đời sống thực. Việc học thông qua làm, học đi đôi với hành và học từ trải nghiệm đều giúp người học đạt được tri thức và kinh nghiệm nhưng theo các hướng tiếp cận không hoàn toàn như nhau, trong đó trải nghiệm có ý nghĩa GD cao nhất, có phần bao hàm cả làm và thực hành*". Theo tác giả, HĐTN có vai trò trong việc phát triển toàn diện các năng lực và phẩm chất cho người học.

Bổ sung vào các bài viết, công trình nghiên cứu về HĐTN còn có các tác giả Bùi Ngọc Diệp, Ngô Thị Tuyên, Ngô Hiền Tuyên, Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Hằng. Tác giả Bùi Ngọc Diệp đã dựa vào mô hình học tập trải nghiệm của David Kolb để khái quát thành chu trình học qua trải nghiệm. Chu trình đi từ *kinh nghiệm đến phân tích, khái quát hoá, áp dụng* và kết thúc ở *kinh nghiệm mới*.

### ***2.3. Lịch sử nghiên cứu hoạt động trải nghiệm vận dụng vào thực tiễn giáo dục Việt Nam***

Từ những thành tựu nghiên cứu về HĐTN trên thế giới và trong nước, các tác giả đã nghiên cứu đã vận dụng vào thực tiễn giáo dục và đào tạo ở Việt Nam phải kể đến như: Nhóm tác giả Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Hằng, Trương Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh với cuốn *Tổ chức HĐTN sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. Cuốn sách trình bày 3 vấn đề của HĐTN, bổ sung vào nguồn tài liệu tham khảo cho cán bộ, GV phổ thông những kiến thức cơ bản về HĐTN; tác giả Đỗ Tiến Đạt, Võ Minh Trung... với các bài viết về HĐTN trong môn học. Ngoài ra còn hàng trăm các luận văn, luận án nghiên cứu về HĐTN trong từng môn học cụ thể. Tất cả các công trình nghiên cứu đã làm phong phú và vững chắc cơ sở lí luận về HĐTN.

#### ***2.4. Lịch sử nghiên cứu hoạt động trải nghiệm vận dụng vào dạy học Tiếng Việt ở tiểu học***

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013, Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện, trong những năm qua ngành giáo dục Việt Nam đã thực hiện hiệu quả, chất lượng. Các công trình nghiên cứu về đổi mới phương pháp, HTTC dạy học đã góp phần phát triển giáo dục quốc dân. Trong đó, HĐTN giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực HS.

Tác giả Lê Phương Nga cũng đã nêu rõ quan điểm của mình về hoạt động ngoại khoá và hoạt động giáo dục môn học dựa trên HĐTN: *“hoạt động ngoại khoá được xem là một hình thức hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp, nó đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển hứng thú nhận thức và sáng tạo của HS. Nó không chỉ dành riêng cho những HS có năng khiếu mà dành cho tất cả những HS có hứng thú với môn học, ngoại khoá tạo điều kiện cho GV và HS gần gũi nhau hơn trên cơ sở tính hấp dẫn của môn học và cùng tham gia một hoạt động”*.

Luận án *Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 4,5* và một loạt các bài báo về tổ chức HĐTN trong DHTV của Nguyễn Thị Dung – Đại học Hải Phòng đã làm rõ hơn vai trò và hiệu quả của HĐTN trong DHTV.

Như vậy, HĐTN tuy đã xuất hiện từ lâu nhưng tính mới và khả thi của nó khi vận dụng vào thực tiễn dạy học từng môn vẫn là đề tài đáng quan tâm. Đối với cấp Tiểu học, với đặc thù lứa tuổi HS còn nhỏ thì việc tổ chức dạy học nói chung và DHTV nói riêng thông qua HĐTN sẽ giúp các em phát triển được các năng lực và phẩm chất vốn tiềm tàng nhưng chưa được phát huy thể mạnh.

#### **3. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của HĐTN trong DHTV ở tiểu học từ đó đề xuất các yêu cầu, quy trình, HT và PP tổ chức HĐTN vào dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* ở SGK TV5 (tập hai). Với kết quả thu được, đề tài góp phần khẳng định vị trí, vai trò, ý nghĩa và hiệu quả của việc vận dụng HĐTN vào DHTV, giúp hình thành ở HS những phẩm chất và năng lực cần thiết, đặc biệt là phát triển tư duy độc lập và năng lực hành động, góp phần nâng cao chất lượng DHTV

#### **4. Đối tượng nghiên cứu**

HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn*, TV5, tập hai và những yêu cầu, quy trình, cách thức tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn*.

## **5. Giả thuyết khoa học**

Thực tiễn DHTV ở Tiểu học đã cho thấy không ít những bất cập, hạn chế trong việc phát hiện và bồi dưỡng năng lực, phẩm chất cho HS. Nếu đề xuất được các yêu cầu, quy trình tổ chức HĐTN; xây dựng và sử dụng hợp lí các PP và HTTC HĐTN trong chủ điểm *Nhớ nguồn*, GV sẽ phát huy được ở HS sự hứng thú, chủ động, sáng tạo cũng như những năng lực và phẩm chất quan trọng, cần thiết.

## **6. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- *Nghiên cứu cơ sở khoa học của HĐTN trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn, TV5, tập hai.*

- *Xác định các yêu cầu, xây dựng quy trình, vận dụng một số HT và PP tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở SGK TV5 (tập hai).*

- *Tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm đánh giá khả năng thực hiện, đồng thời phân tích kết quả thực nghiệm để khẳng định tính khả thi và hiệu quả của HĐTN trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở SGK TV5 (tập hai).*

## **7. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

- Tập trung và giới hạn phạm vi nghiên cứu HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn, TV5, tập hai.*

- Bài học được lựa chọn để áp dụng là Tập đọc *Phong cảnh đền Hùng* (tuần 25) và TLV *Tập viết đoạn đối thoại* (tuần 26).

## **8. Phương pháp nghiên cứu**

### **8.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận**

- Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống hoá, khái quát hoá, tổng kết và mô hình hoá các lí thuyết khoa học từ các tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu để xác lập cơ sở lí luận cho đề tài.

### **8.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp điều tra, phỏng vấn: Sử dụng các mẫu phiếu điều tra, trò chuyện, phỏng vấn GV và HS để lấy thông tin về thực trạng sử dụng các PPDH, chất lượng giờ học môn Tiếng Việt, kiến thức hiểu biết của cán bộ, GV về HĐTN trong DHTV.

- Phương pháp quan sát trực tiếp: Quan sát hoạt động dạy và học của GV và HS để thu thập những thông tin cần thiết, liên quan đến đề tài nhằm mục đích đánh giá, so sánh hiệu quả của việc tổ chức HĐTN trong dạy học.

- Thực nghiệm sư phạm: Kiểm tra tính khả thi, đánh giá chất lượng của giờ dạy trong việc tổ chức HĐTN vào dạy học chủ điểm Nhớ nguồn.

- Phương pháp thống kê toán học: Sử dụng hệ thống, công thức toán học để xử lí các kết quả nghiên cứu.

## **9. Đóng góp của luận văn**

### **9.1. Về mặt lí luận**

- Hệ thống hoá một số vấn đề cơ bản về tổ chức HĐTN trong DHTV ở tiểu học, góp phần làm phong phú lí luận về HĐTN trong dạy học.

### **9.2. Về mặt thực tiễn**

- Góp phần nâng cao, làm sáng rõ yêu cầu, xây dựng quy trình tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở SGK TV5 (tập hai). Giúp cho HS tiếp cận môn TV một cách tự nhiên, hứng thú bằng những trải nghiệm cụ thể.

## **10. Cấu trúc luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận văn được cấu trúc thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của đề tài

Chương 2: Tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* ở sách giáo khoa TV5 (tập hai)

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm



**NỘI DUNG**  
**CHƯƠNG 1**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI**

**1.1. Cơ sở lý luận**

***1.1.1. Hoạt động trải nghiệm***

*1.1.1.1. Một số khái niệm*

*a) Hoạt động*

Hoạt động là một phạm trù cơ bản của tâm lý học, là phương thức tồn tại của con người trong thế giới xung quanh. Hoạt động là quá trình cá nhân thực hiện các quan hệ giữa họ với thế giới tự nhiên, xã hội, người khác và với bản thân.

Vygotsky cho rằng hoạt động con người diễn ra trong môi trường văn hoá và trong tương tác với người khác, các tương tác này không chỉ ảnh hưởng tới sự phát triển nhận thức mà còn tạo ra những cấu trúc nhận thức và quá trình tư duy của chúng ta. Leontiev, người kế tục và phát triển tâm lý học của Vygotsky với công trình nghiên cứu nổi bật là *Hoạt động – Ý thức và Nhân cách* xuất bản năm 1975, đã nêu trong cuốn sách này là thử suy nghĩ một cách tâm lý học về các phạm trù quan trọng hơn cả đối với việc xây dựng một hệ thống thuần nhất của tâm lý học, như là một khoa học cụ thể về sự nảy sinh, sự vận hành và việc kết cấu nên sự phản ánh tâm lý hiện thực, như là phương tiện trung giới cho cuộc sống của cá nhân. Đó là phạm trù hoạt động có đối tượng, phạm trù ý thức của con người và phạm trù nhân cách. Ông xem hoạt động tâm lý là một hình thức đặc biệt, một sản phẩm phong phú của hoạt động vật chất bên ngoài có thể được tổ chức lại trong tiến trình phát triển xã hội – lịch sử vào hoạt động bên trong ý thức. Hoạt động trở thành một phương pháp cho phép chẩn đoán biểu hiện của tâm lý, sự phát triển và những biến đổi về chất của nó.

Theo tâm lý học Macxit, cuộc sống của con người là một dòng hoạt động, con người là chủ thể của các hoạt động thay thế nhau. Hoạt động là quá trình con người thực hiện các quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên, xã hội. Đó là quá trình chuyển hoá năng lực lao động và các phẩm chất tâm lý khác của bản thân thành

sự vật, thành thực tế và quá trình ngược lại là quá trình tách những thuộc tính của sự vật, của thực tế quay trở về với chủ thể, biến thành vốn liếng tinh thần của chủ thể. Quan điểm Mác-xít cho rằng: “*Ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được đem vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó*” [23, tr38].

Theo Triết học: “Hoạt động là quá trình diễn ra giữa con người với thế giới tự nhiên, một quá trình trong đó, bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ với tự nhiên”.

Hiểu một cách đơn giản, sự tác động qua lại giữa con người với thế giới tự nhiên là quá trình tác động mang tính hai chiều, vừa tạo ra sản phẩm về phía thế giới tự nhiên vừa tạo ra tâm lí của chính con người. Lúc này, tâm lí của con người sẽ được thể hiện ra bên ngoài, được hình thành thông qua hoạt động. Mọi quan hệ giữa con người (chủ thể hoạt động), đối tượng và mục đích hoạt động tạo ra sự gắn kết cho bản chất của hoạt động.

Với cách hiểu khái niệm hoạt động như trên, khi vận dụng vào giáo dục sẽ giúp ta cắt nghĩa rõ hơn về bản chất của hoạt động dạy học: người dạy và người học đóng vai trò chủ thể của hoạt động. Trong quá trình dạy và học, họ biết cách tổ chức các hành động tạo thành hệ thống (tổ hợp), lựa chọn, điều khiển linh hoạt các hoạt động phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh và tình huống. Sự vật, tri thức chính là đối tượng của hoạt động dạy và học. Thông qua hoạt động, chủ thể chiếm lĩnh, sử dụng đối tượng nhằm đáp ứng nhu cầu truyền đạt và tiếp thu kiến thức.

#### *b) Trải nghiệm*

Theo Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên), xuất bản 2010 “**Trải nghiệm** là trải qua, kinh qua. *Sự trải nghiệm trên đường đời. Một con người đã trải nghiệm*”. Các yếu tố “**trải**” và “**nghiệm**” được định nghĩa như sau: “**Trải**: đã từng trải qua, từng biết, từng chịu đựng. *Cuộc đời trải nhiều đắng cay. Trải qua thử thách*” và “**Nghiệm**: kinh qua thực tế nhận thấy điều nào đó là đúng. *Ngày càng nghiệm thấy anh ta nói rất đúng. Nghiệm ra rằng*” [37].

“*Trải nghiệm hay kinh nghiệm là tri thức hay sự thông thạo về một sự kiện hay một chủ đề có được thông qua tham gia sự can dự hay tiếp xúc trực tiếp. Trải nghiệm là tiến trình hay là quá trình hoạt động năng động để thu thập kinh nghiệm,*

*trên tiến trình đó có thể thu thập được những kinh nghiệm tốt hoặc xấu, thu thập được những bình luận, nhận định, rút tủa tích cực hay tiêu cực, không rõ ràng, còn tùy theo nhiều yếu tố khác như môi trường sống và tâm địa mỗi người”* (Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia).

Như vậy, trải nghiệm là tổng hợp những tri thức, kỹ năng hoặc những quan sát được tích lũy thông qua việc trực tiếp tham gia hoặc tiếp xúc với những sự vật, sự kiện. Trong cuộc sống, những hoạt động, sự kiện mà con người tham gia là môi trường hình thành trải nghiệm. Để học hỏi, con người cần đến sự trải nghiệm, khám phá. Khám phá giúp họ nhận ra được cái đúng, cái sai trong cuộc sống, từ đó rút ra những bài học quý giá để hoàn thiện bản thân. Theo đó, trải nghiệm dù là được hiểu theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì đó là thành quả giá trị không chỉ để chúng ta học tập mà còn là những khám phá thú vị giúp tích lũy thêm những kinh nghiệm, rèn luyện những kỹ năng cần thiết và là cách để bộc lộ những tiềm năng, giá trị của bản thân.

Trong hoạt động dạy và học, việc quan tâm đến kinh nghiệm sẵn có của HS cũng như chú ý đến các yếu tố hình thành trải nghiệm trước, trong và sau giờ học cần được GV chú trọng. Thông qua hoạt động tổ chức dạy học của GV, những kinh nghiệm trong cuộc sống của HS được khơi dậy và vận dụng linh hoạt trong các NDDH cụ thể. HS sẽ được trực tiếp tham gia vào những hoạt động, sự kiện qua đó tích lũy được tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm riêng của bản thân.

### *c) Hoạt động trải nghiệm*

Trong Chương trình GD phổ thông Chương trình tổng thể, việc quy định các cơ sở giáo dục dạy học 1 buổi/ngày và 2 buổi/ngày đều phải thực hiện NDGD bắt buộc (Tức HĐTN, hướng nghiệp, gọi chung là HĐTN) chung thống nhất với tất cả cơ sở giáo dục trong cả nước cho thấy HĐTN giữ vị trí, vai trò quan trọng, là một bộ phận không thể thiếu trong nội dung giáo dục ở phổ thông: *“HĐTN là các HĐGD bắt buộc, trong đó HS dựa trên sự huy động tổng hợp kiến thức và kỹ năng từ nhiều lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội, tham gia hoạt động hướng nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó hình thành những phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và một số năng lực đặc thù của hoạt động này như:*

*năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp, năng lực thích ứng với những biến động trong cuộc sống và các kỹ năng khác” [5, tr28].*

Khái niệm HĐTĐ tiếp tục được làm rõ trong Chương trình GDPT HĐTĐ và HĐTĐ hướng nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018 TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), cụ thể như sau: *“HĐTĐ là HĐGD do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai... góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và các năng lực đặc thù cho HS” [6].*

Tác giả Đinh Thị Kim Thoa: *“HĐTĐ là HĐGD thông qua sự trải nghiệm và sáng tạo của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được trong nhà trường với thực tiễn đời sống mà nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm dần chuyển hoá thành năng lực”.*

Nhóm tác giả cuốn *Tổ chức HĐTĐ sáng tạo trong nhà trường phổ thông* đề xuất khái niệm: *“HĐTĐST là HĐGD, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng HS được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động, HS phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng” [22]*

Trong cuốn *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các HĐTĐ trong trường tiểu học* của Cục nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhóm tác giả đã thống nhất *“HĐTĐ là HĐGD, trong đó, dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, từng cá nhân HS được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong nhà trường hoặc trong xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo*

*đức, phẩm chất, nhân cách, các năng lực và tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân” [12, tr9].*

Chúng tôi quan niệm về HĐTN như sau: *HĐTN là HĐGD, trong đó dưới sự tổ chức và hướng dẫn của nhà giáo dục, HS được trực tiếp tham gia vào các hoạt động thực tiễn trong và ngoài nhà trường; giúp hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực từ đó tích lũy được vốn kinh nghiệm cho bản thân; vận dụng vào giải quyết được những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống.*

#### *1.1.1.2. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm*

##### *a) Nội dung HĐTN mang tính tích hợp*

Chương trình GDPT HĐTN và HĐTN hướng nghiệp năm 2018 cho thấy nội dung giáo dục rất đa dạng và mang tính tích hợp. Mạch nội dung HĐTN không chỉ dừng lại ở các chủ đề mang tính chính trị xã hội như chương trình hiện hành mà còn chú trọng vào các hoạt động phát triển cá nhân, lao động và đặc biệt là giáo dục hướng nghiệp; có sự huy động và tổng hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều môn học, nhiều lĩnh vực học tập và giáo dục. Tính tích hợp trong nội dung HĐTN thể hiện qua việc nó được xây dựng dựa trên các mối quan hệ cá nhân HS với bản thân, với xã hội, với tự nhiên, và với nghề nghiệp. Điều này đảm bảo các vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của HS, giúp các em vận dụng vào trong thực tiễn cuộc sống một cách dễ dàng, thuận lợi hơn.

##### *b) Hình thức học qua HĐTN rất đa dạng*

Sự đa dạng và phong phú trong HTTC các HĐTN khiến cho việc nó có một vị trí quan trọng trong việc vận dụng vào quá trình dạy học. Cùng một chủ đề, chủ đề hay một nội dung giáo dục nhưng HĐTN có thể tổ chức theo nhiều hình thức hoạt động khác nhau, tùy theo đối tượng và điều kiện cụ thể của từng địa bàn.

Các hình thức: tổ chức trò chơi, diễn đàn, tham quan thực tế, hội thi, cuộc thi, hoạt động câu lạc bộ, sinh hoạt tập thể, sân khấu hóa, thể dục thể thao hay tổ chức các ngày hội... trong HĐTN tạo ra nhiều sự lựa chọn cho các nhà giáo dục. Mục tiêu giáo dục thay đổi từ dạy học nội dung sang dạy học phát triển năng lực làm xuất hiện các PPDH và HTTC dạy học mới. Mỗi hình thức hoạt động kể trên đều có những ưu điểm riêng và có thể phát huy thế mạnh trong những hoạt động dạy học cụ thể. GV tránh máy móc rập khuôn, không tuyệt đối hoá một hình thức

hoạt động nào mà biết vận dụng phù hợp với đối tượng, bối cảnh, nội dung và mục đích của giờ học; cần nghiên cứu xây dựng, thiết kế các giờ học với những HTTC phù hợp, giúp HS thực hiện các nhiệm vụ học tập một cách tự nhiên, sinh động nhất có thể; phù hợp với đặc điểm sinh lí cũng như nhu cầu, nguyện vọng của HS. Trong quá trình thiết kế, tổ chức, đánh giá các HĐTN, cả GV và HS đều có cơ hội để thể hiện sự sáng tạo, chủ động, linh hoạt của mình, làm tăng thêm tính hấp dẫn, sáng tạo của các HTTC hoạt động.

*c) Học qua trải nghiệm là quá trình học tích cực và hiệu quả*

Để đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm và năng lực, việc hình thành cho HS cách học, tự học, phát huy tính tích cực, giúp HS tích lũy tri thức, tiếp tục học tập suốt đời và có khả năng vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống là yêu cầu được đặt lên hàng đầu.

HĐTN tạo cơ hội cho HS phát huy tính thái độ tích cực trong học tập, chủ động, tự giác và sáng tạo trong tìm tòi nghiên cứu của bản thân HS. HS sẽ có cơ hội tham gia vào tất cả các thao tác của quá trình hoạt động như: xây dựng, thiết kế đến chuẩn bị, tổ chức và thực hiện, kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động xem có phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và khả năng của bản thân; tạo cơ hội cho các em được trải nghiệm, được bày tỏ quan điểm, ý tưởng; được đánh giá và lựa chọn ý tưởng hoạt động, được thể hiện, tự khẳng định bản thân, được tự đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của bản thân, của nhóm mình và của bạn bè... Từ đó hình thành và phát triển cho các em những giá trị sống và năng lực cần thiết.

*d) Học qua trải nghiệm đòi hỏi khả năng phối hợp, liên kết nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường*

Một trong những đặc điểm nổi bật của HĐTN khiến hình thức này khác với các HTDH khác chính là khả năng phối kết hợp với nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Nhờ HĐTN, các thành phần tham gia vào quá trình dạy học đa dạng hơn như: GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn, cán bộ Đoàn, Tổng phụ trách Đội, Ban Giám hiệu nhà trường, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương, các nhà hoạt động xã hội... Tính đa dạng, hấp dẫn và chất lượng, hiệu quả của HĐTN được thể hiện ở chỗ HS được học tập, giao tiếp rộng rãi với nhiều lực lượng giáo dục; được lĩnh hội các NDGD qua

nhiều kênh khác nhau, với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Tùy nội dung, tính chất của từng hoạt động để có thể vận động sự tham gia và khai thác tiềm năng, thế mạnh của các lực lượng này.

*e) Học qua trải nghiệm giúp lĩnh hội những kinh nghiệm mà hình thức học tập khác không thực hiện được*

Kinh nghiệm của con người có thể lĩnh hội qua nhiều con đường và bằng nhiều cách thức khác nhau. Trong hoạt động học tập, nhờ vào việc lĩnh hội kinh nghiệm người học được phát triển nhân cách và năng lực. Có những kinh nghiệm nếu không được lĩnh hội qua trải nghiệm thực tiễn thì không thể gọi là kinh nghiệm thực sự mà chỉ là việc hiểu biết thông qua kiến thức lí thuyết hàn lâm như muốn phân biệt mùi vị, cảm thụ âm nhạc, tư thế trong không gian, niềm vui sướng hạnh phúc... Nhờ trải nghiệm, HS được trực tiếp làm việc và cảm nhận về chúng. Cũng nhờ trải nghiệm, việc học của HS trở nên hiệu quả hơn các hình thức khác, giúp hình thành và phát triển năng lực người học.

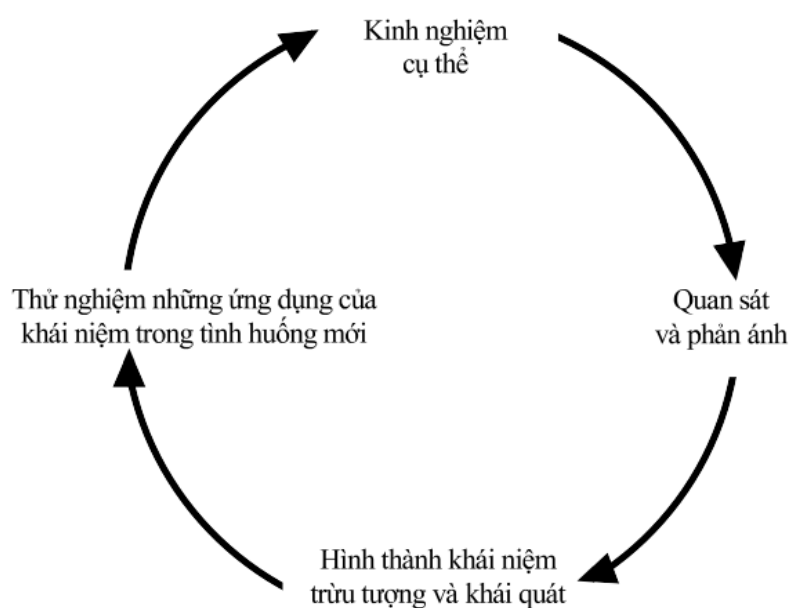
### *1.1.1.3. Một số mô hình hoạt động trải nghiệm*

#### *a) Mô hình HDTN của Kurt Lewin*

Mô hình HDTN của K.Lewin (1890 – 1947) nghiên cứu quá trình hoạt động và đào tạo trong phòng thí nghiệm. Trong những kĩ thuật nghiên cứu hành động và phương pháp thí nghiệm thì học tập, trao đổi và phát triển được tạo điều kiện tốt nhất bởi quá trình tích hợp bắt đầu với kinh nghiệm hiện tại nhờ thu thập dữ liệu và quan sát về trải nghiệm. Các dữ liệu sau đó được phân tích và kết luận của sự phân tích sẽ được phản hồi lại cho các tác nhân trong trải nghiệm để sử dụng trong việc sửa đổi hành vi của họ và lựa chọn trải nghiệm mới. Do đó, việc học qua trải nghiệm được hình thành như một chu trình gồm 4 giai đoạn. Đây là một trong những đóng góp quan trọng của Lewin trong việc nghiên cứu HDTN. Các trải nghiệm cụ thể lập tức là cơ sở cho việc quan sát và phản ánh. Những quan sát này được đồng hoá thành một “lí thuyết” từ đó có thể suy ra những hàm ý mới cho hành động. Cuối cùng những hàm ý hoặc giả thuyết sau này có vai trò định hướng trong hành động để tạo ra những trải nghiệm mới.

Hai phương diện đáng chú ý của mô hình học tập này là: Thứ nhất, nó nhấn mạnh vào kinh nghiệm cụ thể hiện tại để xác nhận và kiểm tra các khái niệm trừu tượng. Các kinh nghiệm cá nhân là tâm điểm của việc học, mang lại sự sống, kết nối và

ý nghĩa cá nhân chủ quan cho các khái niệm trừu tượng, đồng thời cung cấp một tham chiếu được chia sẻ công khai, cụ thể để kiểm tra ý nghĩa và tính hợp lệ của các ý tưởng được tạo ra trong suốt quá trình học. Phương diện thứ hai là nghiên cứu hành động và việc đào tạo trong phòng thí nghiệm dựa trên quá trình phản hồi. Ông đã mượn khái niệm phản hồi từ kỹ thuật điện để mô tả quá trình học tập và giải quyết các vấn đề xã hội, tạo ra những thông tin hợp lệ để đánh giá độ chênh lệch so với mục tiêu mong muốn. Việc phản hồi thông tin cung cấp cơ sở cho quá trình liên tục của hành động hướng đến mục tiêu và đánh giá kết quả của hành động đó. Lewin và những người thuộc trường phái của ông tin rằng sự kém hiệu quả của các cá nhân và tổ chức có thể bắt nguồn từ việc thiếu quy trình phản hồi một cách đầy đủ. Sự không hiệu quả này là kết quả của việc mất cân bằng giữa quan sát và hành động – có thể từ phía cá nhân, tổ chức quá tập trung vào việc đưa ra quyết định và hành động thu thập thông tin, hoặc có xu hướng đi sâu vào thu thập và phân tích dữ liệu.



**Hình 1.1. Mô hình HDTN của K. Lewin**

Mô hình HDTN của K.Lewin là một quá trình tích hợp được bắt đầu từ kinh nghiệm cụ thể của người học. Những dữ liệu họ thu thập được kết hợp với sự quan sát sẽ phản ánh ra thành kinh nghiệm; nhờ vào phân tích, khái quát những kinh nghiệm này, các khái niệm trừu tượng và khái quát được xác lập. Khi gặp tình huống mới, họ sẽ thử nghiệm những kiến thức và kinh nghiệm đó để xác minh tính khả thi.

*b) Mô hình học qua làm, học bắt đầu từ làm của J.Dewey*



John Dewey (1859-1952) đã phổ biến nội dung của giáo dục trải nghiệm, tập trung vào giải quyết vấn đề và tư duy phản biện hơn là ghi nhớ và học thuộc lòng. Ông là người đưa ra quan điểm “học qua làm, học bắt đầu từ làm”. Theo đó “quá trình sống và quá trình giáo dục không phải là hai mà là một quá trình. Giáo dục tốt nhất phải là sự học tập trong cuộc sống. Trong quá trình sống, con người không ngừng thu lượm kinh nghiệm và cải tổ kinh nghiệm nên trẻ em phải học tập trong chính cuộc sống xã hội”. Theo ông, chương trình dạy học và việc dạy học phải là quá trình xâu chuỗi các thành tố trong kinh nghiệm cũ và mới của trẻ; quá trình học của trẻ phải là quá trình hình thành cái nhìn mới, hứng thú và kinh nghiệm mới. Vì vậy, nhà trường và GV phải tạo ra một môi trường học tập, trong đó những hoạt động của trẻ chứa đựng cả những tình huống khó khăn, để người học tự tìm tòi và xây dựng kiến thức thông qua “kinh nghiệm” và “tư duy”, thông qua “trải nghiệm” của chính bản thân.

Mô hình quá trình học tập của Dewey tương tự như mô hình của Lewin, mặc dù ông đã làm rõ bản chất phát triển trong quan niệm học tập của Lewin, nó như là một quá trình phản hồi bằng cách mô tả cách học biến đổi các động lực, cảm giác và mong muốn của trải nghiệm cụ thể thành hành động có mục đích cao hơn.

Việc hình thành các mục đích là một hoạt động trí tuệ khá phức tạp. Nó liên quan đến việc: (1) Quan sát các điều kiện xung quanh; (2) Hình thành kiến thức về những gì đã xảy ra ở các tình huống tương tự trong quá khứ, kiến thức đạt được một phần nhờ hồi ức và một phần từ thông tin, lời khuyên và cảnh báo của những người đã có những trải nghiệm sâu rộng hơn; (3) Sự đánh giá, phán xét, tập hợp những gì quan sát được và những kiến thức thu được xem chúng biểu thị điều gì. Mục đích khác với với động lực và mong muốn ban đầu thông qua việc nó chuyển thành những kế hoạch và phương pháp của hành động dựa trên sự định trước về kết quả của hành động trong những điều kiện quan sát được đưa ra theo một cách nhất định.

Mô hình này đã nhấn mạnh vào việc học tập như một quá trình biến chứng tích hợp kinh nghiệm và khái niệm, quan sát và hành động.

*c) Mô hình học tập trải nghiệm của D.Kolb (1984)*

David Kolb (sinh 1939) là người sáng lập ra *Hệ thống học tập dựa trên trải*

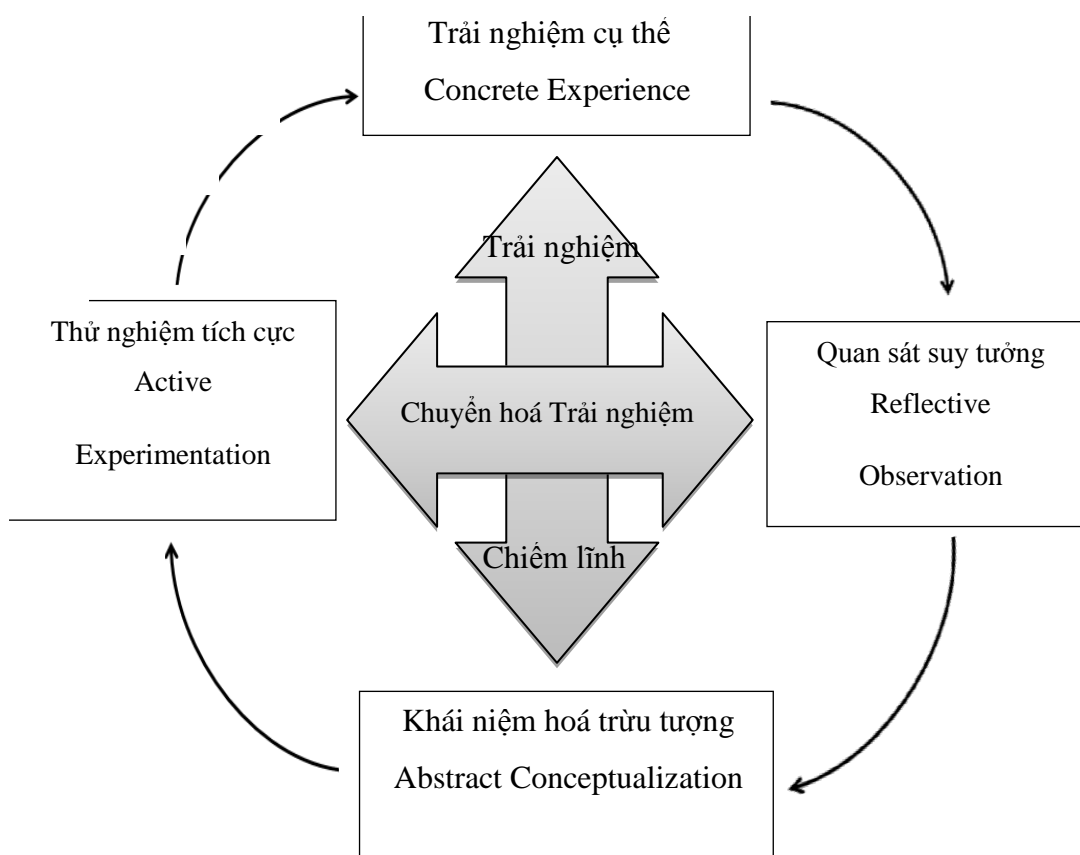
*nghiệm* (EBLS), một tổ chức thành lập năm 1980 nhằm thúc đẩy nghiên cứu và thực hành về học tập trải nghiệm. Khái niệm chu trình học tập trải nghiệm của Kolb được công nhận và sử dụng rộng rãi nhất ở Lí thuyết học tập kinh nghiệm. Sự đơn giản và hữu ích của chu trình 4 giai đoạn *trải nghiệm, suy ngẫm, suy nghĩ và hành động* là lí do chính cho sự phổ biến của nó. Nó được coi là khuôn mẫu thích hợp cho các chương trình giáo dục tích cực thu hút người học trong quá trình học tập, cung cấp một giải pháp thay thế cho mô hình truyền thông tin truyền thống bị lạm dụng và không hiệu quả. Trong một ví dụ điển hình, nhà giáo dục cung cấp một sự kiện trải nghiệm trực tiếp cụ thể, chẳng hạn như chuyến đi thực địa, thí nghiệm trong phòng thí nghiệm hoặc đóng vai, sau đó tổ chức các phản ánh cá nhân hoặc nhóm về trải nghiệm. Giai đoạn khái niệm tập trung vào việc hiểu ý nghĩa của trải nghiệm liên tục với việc bổ sung các chủ đề liên quan. Người học sau đó được yêu cầu áp dụng những gì họ đã học được trong cuộc sống và bối cảnh làm việc của chính họ.

Theo Kolb, học tập là một chu trình lặp lại vô tận không phải quá trình tuyến tính. Chu trình học tập này là vô tận quá trình trao đổi định kì giữa thế giới bên trong của người học và môi trường bên ngoài. Đối với các nhà giáo dục, đó là sự gây ấn tượng và thể hiện: gây ấn tượng với người học về kiến thức cần thiết để sống và làm việc trong thế giới ngày nay và giúp họ thể hiện những gì họ đã học được theo những cách thuận thực.

Chu trình học tập là một vòng tròn xoắn ốc ngược với mô hình truyền thông tin truyền thống, tuyến tính được sử dụng trong hầu hết môi trường giáo dục, nơi thông tin được chuyển từ người dạy sang người học. Trong chu trình này, người học nhận được thông tin thông qua những kinh nghiệm cụ thể và biến đổi nó thông qua sự phản ánh và suy nghĩ, sau đó biến đổi nó một lần nữa thông qua hành động của họ để thay đổi thế giới.

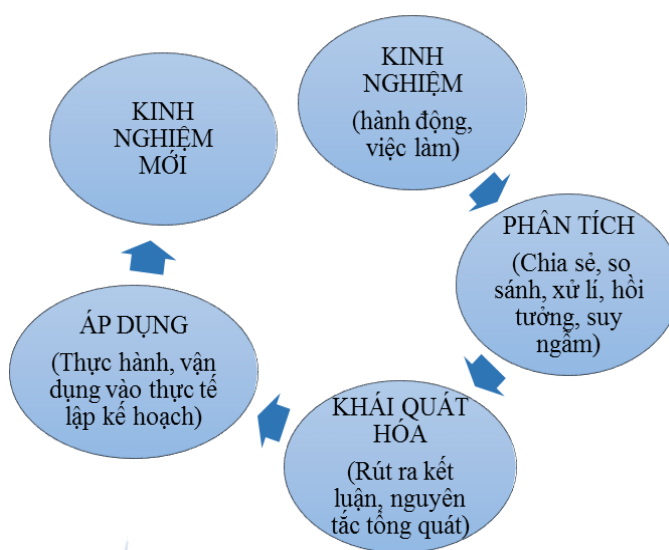
Ông cũng lưu ý rằng kinh nghiệm học tập cụ thể rất quan trọng đối với việc học. Do đó, một yếu tố chính của học tập kinh nghiệm là HS, và việc học đó diễn ra (kiến thức thu được) là kết quả của việc cá nhân tham gia vào phương pháp sư phạm này.

Học tập trải nghiệm là một chu trình gồm 4 giai đoạn:



**Hình 1.2. Mô hình học tập trải nghiệm của David Kolb**

Dựa vào lí thuyết và mô hình học tập trải nghiệm của David Kolb, tác giả Bùi Ngọc Diệp đã thiết kế chu trình học tập qua trải nghiệm như sau:



**Hình 1.3. Chu trình học qua trải nghiệm của Bùi Ngọc Diệp**

Lí thuyết học tập trải nghiệm là một quan điểm tích hợp toàn diện về học tập kết hợp kinh nghiệm, tri giác, nhận thức và hành vi. Nó đưa ra một cái nhìn khác biệt cơ bản về quá trình học tập so với lí thuyết học hành vi dựa trên nhận thức luận thực nghiệm về học tập trong phương pháp giáo dục truyền thống. Từ những quan điểm khác nhau này xuất hiện một số quy định khác nhau trong việc thực hiện giáo dục, mối quan hệ đúng đắn giữa học tập, công việc và các hoạt động khác trong cuộc sống cũng như việc tự tạo ra kiến thức. Điều này phân biệt lí thuyết học tập trải nghiệm với chủ nghĩa duy lí và các lí thuyết học tập nhận thức có xu hướng chú trọng chủ yếu đến việc tiếp thu, thao tác và nhớ lại các biểu tượng trừu tượng. Lí thuyết học hành vi trước đó phủ nhận bất kỳ vai trò nào đối với ý thức và kinh nghiệm chủ quan trong quá trình học tập. Lí thuyết HTTN, các mô hình nêu trên cũng như con đường tổ chức các hoạt động học tập gắn với trải nghiệm sẽ là một đề xuất hiệu quả giúp tránh lối dạy học hàn lâm truyền thống, có thể áp dụng vào tất cả các bậc học cũng như các lĩnh vực đào tạo, các môn học trong nhà trường nhằm hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực người học.

*1.1.1.4. Học tập trải nghiệm và bản chất của hoạt động học qua hoạt động trải nghiệm*

*a) Học tập trải nghiệm*

Học tập trải nghiệm là một triết lí và phương pháp giáo dục, trong đó các nhà giáo dục cố tình tham gia với HS trong những kinh nghiệm trực tiếp và phản xạ tập trung để tăng kiến thức, phát triển kĩ năng và làm rõ các giá trị. Học tập dựa trên kinh nghiệm còn được gọi là học thông qua hành động, học bằng cách làm, học qua trải nghiệm và học thông qua khám phá và khám phá, tất cả được xác định rõ ràng bởi các câu châm ngôn nổi tiếng này: “*Tôi nghe và tôi quên, tôi thấy và tôi nhớ, tôi làm và tôi hiểu*” (Khổng Tử, 450 TCN); “*Nói với tôi và tôi quên, Dạy tôi và tôi nhớ, Liên quan đến tôi và tôi sẽ học*” (Benjamin Franklin, 1750); “*Có một mối quan hệ mật thiết và cần thiết giữa quá trình trải nghiệm thực tế và giáo dục*” (John Dewey, 1938).

Trong cuốn *Dạy học theo kinh nghiệm*, Wurdinger và Carlson (2010) đã phát hiện ra rằng hầu hết các GV đều dạy bằng cách thuyết giảng bởi vì rất ít người trong

số họ có cách dạy khác. Mặc dù bài giảng tốt là một phần quan trọng trong tiết giảng dạy của người dạy, tuy nhiên GV cũng nên tích cực lôi kéo HS của họ vào quá trình học tập thông qua thảo luận, làm việc nhóm, tham gia thực hành và áp dụng thông tin bên ngoài lớp học. Quá trình này xác định học tập theo kinh nghiệm nơi HS tham gia vào nội dung học tập mà họ có sở thích, nhu cầu hoặc mong muốn cá nhân.

Học thông qua kinh nghiệm không phải là một khái niệm mới. Các nhà tâm lý học giáo dục đáng chú ý như John Dewey (1859-1952), Carl Rogers (1902-1987) và David Kolb (sinh năm 1939) đã cung cấp nền tảng của các lý thuyết học tập trung vào học hỏi thông qua kinh nghiệm hoặc học hỏi bằng cách học. Dewey phổ biến khái niệm *giáo dục dựa trên kinh nghiệm*, tập trung vào giải quyết vấn đề và tư duy phản biện hơn là ghi nhớ và học vẹt. Rogers đã coi việc học tập theo kinh nghiệm, có ý nghĩa về giáo dục, so với những gì ông gọi là học tập nhận thức vô nghĩa. Kolb cũng lưu ý rằng kinh nghiệm học tập cụ thể rất quan trọng đối với việc học. Do đó, một yếu tố chính của học tập kinh nghiệm là HS, và việc học đó diễn ra (kiến thức thu được) là kết quả của việc cá nhân tham gia vào phương pháp sư phạm này.

Không giống như các tình huống trong lớp học truyền thống, HS trong các tình huống học tập trải nghiệm có sự hợp tác và học hỏi lẫn nhau. Các vấn đề học tập được GV thiết kế để thu hút HS vào những trải nghiệm trực tiếp gắn liền với các vấn đề và tình huống trong thế giới thực. Tập trung vào quá trình học chứ không phải sản phẩm của học tập. Những người ủng hộ quan điểm học tập dựa trên trải nghiệm khẳng định rằng HS sẽ có động lực học tập hơn khi họ được giao nhiệm vụ và trực tiếp tham gia trong môn học thay vì được chỉ định để nghiên cứu một chủ đề hoặc đọc một bài trong sách giáo khoa. Điều quan trọng trong học tập trải nghiệm là những giai đoạn trải nghiệm (làm), suy ngẫm và áp dụng. Ngoài ra, các giai đoạn phản hồi và ứng dụng là những gì làm cho việc học tập trải nghiệm trở nên khác biệt rõ rệt so với các mô hình thường được gọi là "học tập bằng cách làm" hoặc "thực hành".

Học tập trải nghiệm là một quá trình phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ dựa trên một ý thức về trải nghiệm nào đó đã có từ trước. Do đó, học tập trải

nghiệm liên quan trực tiếp đến cá nhân và hoạt động có tính phản ánh. Những điều phản ánh qua trò chơi, qua đóng vai, sân khấu hoá,... là cách học tập rất quan trọng.

*b) Bản chất của hoạt động học qua HĐTN*

Có nhiều sự tương đồng giữa các mô hình được nêu ở trên. Khi kết hợp với nhau, chúng tạo thành một quan điểm thống nhất về học tập và phát triển, hoạt động học thông qua trải nghiệm. Bản chất của quan điểm này được diễn giải như sau:

*Thứ nhất, học tập được hiểu là một quá trình chứ không phải là kết quả.* Việc nhấn mạnh vào quá trình học tập thay vì kết quả của hành vi đã phân biệt học tập trải nghiệm với các cách tiếp cận lí tưởng của giáo dục truyền thống và các học thuyết hành vi. Các mô hình trải nghiệm nêu trên đều mô tả quá trình học tập trong đó các khái niệm được bắt đầu từ những kinh nghiệm và liên tục được bổ sung, hoàn thiện. Piaget coi việc tạo ra kiến thức mới là vấn đề trung tâm của nhận thức luận khởi nguyên, vì mỗi hành động nhận thức là kết quả của quá trình khám phá và bồi đắp liên tục thông qua sự tương tác trong quá trình thích nghi và đồng hoá. Học tập là quá trình phát triển trong đó kết quả chỉ thể hiện sự lưu giữ quá khứ chứ không thể hiện kiến thức tương lai. Jerome Bruner, trong cuốn sách nổi tiếng *Toward a Theory of Instruction* (tạm dịch Hướng đến một Lí thuyết cấu trúc), đã đưa ra quan điểm rằng mục đích của giáo dục là kích thích sự tìm hiểu và kĩ năng trong quá trình tiếp thu kiến thức, không phải là ghi nhớ toàn bộ kiến thức: *“Hiểu biết là một quá trình, không phải là một sản phẩm”*

*Thứ hai, học tập là một quá trình liên tục dựa trên những trải nghiệm.* Kiến thức liên tục được rút ra và thử nghiệm trong những trải nghiệm của người học. Theo Dewey, tính liên tục của trải nghiệm là một sự thực có tác động mạnh về sự tồn tại của con người, là trung tâm của lí thuyết học tập: nguyên tắc tính liên tục của trải nghiệm có nghĩa là mọi trải nghiệm đều mang một phần từ những người đi trước và sẽ được chỉnh sửa theo cách nào đó thật hiệu quả từ những người sau.

*Thứ ba, quá trình học tập yêu cầu giải quyết những mâu thuẫn giữa những hình thức mang tính đối nghịch biện chứng trong sự thích nghi với xã hội.* Mỗi một mô hình HĐTN ở trên đều mô tả sự đối nghịch giữa các cách thích ứng với xã hội, cho thấy kết quả học tập chính là sự giải quyết các xung đột. Mô hình của Lewin

nhấn mạnh 2 phép biện chứng: xung đột giữa kinh nghiệm cụ thể và các khái niệm trừu tượng, xung đột giữa quan sát và hành động. Theo Dewey, phép biện chứng chính là giữa động lực đưa ra ý tưởng và những lí do mang lại mong muốn theo hướng của nó. Với Piaget, hai quá trình kết hợp ý tưởng với thế giới bên ngoài và đồng hoá kinh nghiệm vào các cấu trúc khái niệm hiện có là động lực của sự phát triển nhận thức...

Tất cả cùng cho thấy bản chất của việc học là một quá trình căng thẳng và đầy mâu thuẫn. Kiến thức, kĩ năng hoặc thái độ đều đạt được thông qua sự chạm trán giữa bốn phương thức học tập trải nghiệm. Để đạt được hiệu quả, người học cần 4 loại yếu tố: khả năng trải nghiệm, khả năng quan sát phản xạ, khả năng khái niệm trừu tượng, khả năng thử nghiệm tích cực. Theo đó, người học phải có khả năng tham gia đầy đủ, công khai và không thiên về những kinh nghiệm mới; phải có khả năng phản ánh và quan sát kinh nghiệm từ nhiều góc độ; có khả năng tạo ra các khái niệm tích hợp các quan sát của họ vào các lí thuyết hợp lí; có khả năng sử dụng các lí thuyết để đưa ra quyết định và giải quyết vấn đề. Người học cũng như kết quả, phải liên tục lựa chọn tập hợp các khả năng học tập mà mình mang theo trong bất kì tình huống học tập cụ thể nào. Có hai khía cạnh chính trong quá trình học tập. Khía cạnh thứ nhất đại diện cho trải nghiệm cụ thể ở một đầu là sự kiện còn đầu kia là khái niệm trừu tượng. Khía cạnh thứ hai là thử nghiệm tích cực ở một đầu là quan sát còn đầu kia là phản xạ. Do đó, trong quá trình học, người học chuyển từ các mức độ khác nhau từ người tham gia sang người quan sát và từ sự tham gia cụ thể đến sự phân tích chung.

Môi trường sống luôn tạo ra những kích thích để mỗi cá nhân sống trong môi trường xã hội đó tiếp nhận và thực hiện việc học. Việc học có hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan như: môi trường giáo dục, sự tích cực chủ động của cá nhân, người dạy, phương pháp mà cá nhân thực hiện hoặc được hướng dẫn, đặc điểm sinh học của cá nhân... Bằng các cách học (qua thầy cô, qua bạn bè hoặc tự học), người học chiếm lĩnh tri thức từ cuộc sống những kiến thức khoa học ở các lĩnh vực khác nhau để phát triển phẩm chất và trí tuệ.

*“Học qua trải nghiệm là quá trình học theo đó kiến thức, năng lực được tạo ra thông qua việc chuyển hoá kinh nghiệm”* (theo Kolb, 1984). Học qua trải nghiệm là quá trình xây dựng ý nghĩa trực tiếp từ kinh nghiệm, luôn gắn với kinh nghiệm và cảm xúc cá nhân. Ví dụ: Khi miêu tả cây ăn quả hoặc cây lấy bóng mát, nếu HS chỉ được học thông qua sách vở hoặc các câu hỏi hướng dẫn của GV thì điều đó sẽ không hiệu quả bằng việc các em được quan sát, trải nghiệm thực tế và tương tác với đối tượng là cây ăn quả hay cây lấy bóng mát. Nó giúp cho HS không những có những hiểu biết về đối tượng mà còn có thái độ tích cực với môi trường và thiên nhiên. Những công trình nghiên cứu của các nhà tâm lý học, ngôn ngữ (Roger, 1951, Vygotsky, 1962) đã chứng minh rằng: *Học thông qua khám phá, hành động là cách học hữu hiệu nhất đối với người học*. Theo phương pháp này, người học không những thu nhận kiến thức đã có mà còn tìm được những kiến thức mới thông qua những hoạt động độc lập của mình. Cách học này khẳng định rằng học không phải chỉ là vấn đề riêng của mỗi cá nhân mà nó còn là vấn đề xã hội, nghĩa là, người học không phải lúc nào cũng tự học một mình mà để học tập một cách hữu hiệu hơn họ còn phải học thông qua tương tác – tương tác với thầy cô, với bạn bè, với sách vở.

Ở tiểu học, môn TV đã cung cấp cho HS các bài học với nội dung phong phú, đa dạng. Thông qua ý nghĩa giá trị bài học, HS xây dựng và bồi đắp những tình cảm, thái độ chính đáng về mọi vấn đề trong đời sống xã hội. Để phát triển các năng lực, đặc biệt là năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học) GV phải là người thiết kế, chuẩn bị, tổ chức, hướng dẫn nhằm giúp HS hoạt động, tự chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kỹ năng học tập của HS. Trong DHTV, GV chú trọng đến quá trình tiếp thu và hình thành kiến thức, kỹ năng của HS để kịp thời có những hỗ trợ và điều chỉnh phù hợp, tránh tình trạng quá chú trọng đến kết quả mà bỏ qua việc quan sát quá trình; tạo cơ hội cho HS trải nghiệm liên tục. Việc HS được thử nghiệm, khám phá trong học tập giúp các em tự bộc lộ khả năng của bản thân qua đó hình thành phẩm chất và nhân cách, đáp ứng mục tiêu giáo dục hiện đại.

*1.1.1.5. Phân biệt hoạt động trải nghiệm với hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học*

HĐGD được hiểu theo hai nghĩa (nghĩa rộng và nghĩa hẹp). HĐGD theo nghĩa rộng là “những hoạt động có chủ đích có kế hoạch hoặc có sự định hướng của



nhà giáo dục, được thực hiện thông qua cách thức phù hợp nhằm để chuyển tải nội dung giáo dục tới người học nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục”. Khái niệm này bao hàm cả hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục theo nghĩa hẹp.

Theo nghĩa hẹp, HĐGD được hiểu là “những hoạt động có chủ đích, có kế hoạch, do nhà giáo dục định hướng, kế hoạch tổ chức trong và ngoài giờ học, trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục theo nghĩa hẹp, hình thành ý thức, phẩm chất, giá trị sống hoặc các năng lực tâm lí xã hội”.

Trong khi đó, hoạt động dạy học là hoạt động được thực hiện theo một chiến lược, chương trình đã được thiết kế, tác động đến người học nhằm tới mục tiêu hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Nhà tâm lí học A. Mentriskaia viết: “Hai hoạt động của thầy và trò là hai mặt của hoạt động” [3,tr7].

Như vậy, hoạt động dạy học chủ yếu nhằm phát triển trí tuệ, HĐGD theo nghĩa hẹp chủ yếu nhằm phát triển phẩm chất, đạo đức, đời sống tình cảm. Theo chương trình giáo dục phổ thông mới, mọi hoạt động giáo dục (nghĩa rộng) bao gồm hoạt động dạy học và các mục tiêu của hoạt động giáo dục (nghĩa hẹp) sẽ được thực hiện chỉ trong hoạt động.

### ***1.1.2. Cơ sở tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai)***

#### ***1.1.2.1. Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt***

Theo Nguyễn Thị Dung: “HĐTN trong DHTV là hoạt động dạy học, trong đó GV tổ chức cho HS huy động toàn bộ con người cá nhân để chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kĩ năng, hình thành và phát triển các năng lực ngôn ngữ tiếng Việt bằng phương thức kinh qua, nhập thân, khám phá, nếm trải nội dung học tập môn Tiếng Việt vào thực tiễn đời sống của người học” [13, tr37].

Trong DHTV, việc tổ chức HĐTN chính là GV tổ chức cho HS huy động mọi giác quan, mọi kinh nghiệm cá nhân, kiến thức nền đã có trước đó để đạt được mục tiêu bài học. Khác với việc HS sẽ tiếp thu kiến thức theo cách thuần túy truyền thống thì DHTV thông qua HĐTN HS sẽ được kinh qua, nếm trải vào những tình huống học tập cụ thể thông qua đó mang những điều được học, kiến thức, kĩ năng vận dụng vào đời sống thực tiễn.

### 1.1.2.2. Hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn

#### a) Chủ điểm

Theo Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên): “*Chủ điểm là nội dung chủ yếu trong chương trình một môn học ở bậc phổ thông*” [36].

Dựa vào mục tiêu môn TV ở tiểu học và trên nguyên tắc đồng quy, các chủ điểm học tập được xây dựng xuyên suốt chương trình học trong SGK, trong đó có sự tích hợp kiến thức về lĩnh vực văn học, thiên nhiên, con người và xã hội. Tùy vào từng khối lớp cụ thể mà một chủ điểm có thể được dạy trong 2 hoặc 3 tuần học. Bằng việc tổ chức hệ thống bài đọc, bài học theo chủ điểm, các nội dung trong SGK mang đến cho HS hành trình khám phá tri thức liên quan đến các lĩnh vực của đời sống, xã hội. Quá trình này giúp HS được mở rộng vốn từ, vốn diễn đạt về các chủ điểm lớn như gia đình, nhà trường và xã hội, đồng thời mở rộng cánh cửa cho các em bước vào thế giới xung quanh và soi vào thế giới tâm hồn của chính mình.

#### b) Vị trí chủ điểm Nhớ nguồn trong SGK TV5 (tập hai)

Các chủ điểm chính là bộ khung cho cả cuốn sách giáo khoa Tiếng Việt. Việc chia nhỏ các chủ điểm phù hợp với sự phát triển nhận thức của HS và giúp HS duy trì hứng thú học tập, loại trừ cảm giác nhàm chán dễ xảy ra khi học một chủ điểm trong một thời gian quá dài. Ở các lớp 1,2,3, toàn bộ các bài học được xây dựng theo các chủ điểm *Nhà trường, Gia đình, Xã hội và Thiên nhiên*. Các chủ điểm được mở rộng và nâng cao dần ở các lớp. Sang lớp 4, các chủ điểm phản ánh những phương diện khác nhau của *Con người*. Tới lớp 5, các bài học có nội dung xoay quanh *những vấn đề lớn đặt ra cho đất nước, dân tộc và toàn thể loài người*, trong đó có nội dung: giữ gìn và phát huy bản sắc, truyền thống dân tộc (chủ điểm **Nhớ nguồn**)

Chủ điểm *Nhớ nguồn* được dạy ở tuần 25, 26, 27 học kì II, lớp 5. Những bài học, bài đọc một mặt nhằm cung cấp, bổ sung kiến thức, mở rộng vốn từ về giá trị văn hoá truyền thống của cội nguồn của dân tộc; mặt khác hình thành và phát triển cho HS kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn HS qua các bài tập đọc; hình thành ở HS những phẩm chất chủ yếu, đặc biệt là phẩm chất yêu nước và trách nhiệm.

#### c) HĐTN trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn

**Ở chủ điểm *Nhớ nguồn*, những bài trong giờ dạy (Phân môn) Tập đọc, Kể chuyện, TLV được chúng tôi quan tâm, lấy làm ví dụ cụ thể để phân tích là:**

Phân môn Tập đọc: *Phong cảnh đền Hùng, Nghĩa thầy trò.*

Phân môn Kể chuyện: *Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia.*

Phân môn TLV: *Tập viết đoạn đối thoại.*

Để tổ chức được HĐTN trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*, chúng tôi vận dụng các kiến thức và lí thuyết HĐTN thiết kế, lập kế hoạch cho từng bài cụ thể. Trong đó, HS sẽ được “*huy động toàn bộ con người cá nhân để chiếm lĩnh kiến thức*” bài học, được “*rèn luyện kĩ năng, hình thành và phát triển các năng lực ngôn ngữ tiếng Việt bằng phương thức kinh qua, nhập thân, khám phá, nếm trải nội dung học tập môn Tiếng Việt vào thực tiễn đời sống của người học*”. Nhờ HĐTN, HS được mở rộng vốn từ, tiếp thu tri thức, nhận ra giá trị và ý nghĩa bài Tập đọc một cách chủ động, tự nhiên; được bộc lộ và rèn luyện các kĩ năng đặc thù của môn Tiếng Việt. Thông qua HĐTN, HS được rèn luyện các kĩ năng đọc, nói và nghe (trong giờ Tập đọc), mở rộng vốn hiểu biết và vốn từ về việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, dân tộc, mở rộng vốn từ, phát triển được khả năng diễn đạt; HS được rèn kĩ năng nói, nghe và đọc (trong giờ Kể chuyện), có hứng thú với việc đọc sách, phát triển óc quan sát và khả năng vận dụng những điều đã học vào đời sống; HS được rèn cả 4 kĩ năng đọc, viết, nói và nghe (trong giờ TLV).

*1.1.2.3. HĐTN trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn đáp ứng mục tiêu môn Tiếng Việt*

*a) HĐTN trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn phát triển các phẩm chất người học*

Theo Từ điển Tiếng Việt, phẩm chất được hiểu là “*cái làm nên giá trị của người hay vật*”.

“*Đặt trong sự đối sánh với năng lực, khái niệm “phẩm chất” nêu trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông có nghĩa là đạo đức. Yêu cầu “phát triển toàn diện về cả phẩm chất và năng lực” là sự tiếp nối truyền thống xây dựng con người toàn diện có đức có tài, vừa hồng vừa chuyên của dân tộc. Trong giáo dục cũng như trong đời sống, phẩm chất (đức) được đánh giá bằng hành vi, còn năng lực (tài) được đánh giá bằng hiệu quả của hành động*” [11, tr12]. Phẩm chất của người học được hình thành và phát

triển nhờ hai con đường: nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục. HS được khám phá bản thân và thế giới xung quanh, có quan niệm và ứng xử trong cuộc sống một cách nhân văn; có ý thức về các giá trị đạo đức. Điều này được bồi đắp qua thời gian, trong từng chủ điểm và ở từng bài học cụ thể.

Như đã nêu ở trên, hệ thống chủ điểm trong SGK Tiếng Việt ở tiểu học được xây dựng ở từng khối lớp theo các nội dung cụ thể. Trong chủ điểm *Nhớ nguồn* (lớp 5), nội dung các bài học một mặt cung cấp kiến thức cho HS, mặt khác bồi dưỡng tình cảm, nhận thức cho các em về bản sắc, truyền thống dân tộc và việc giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống đó. Thái độ và hành vi của HS được dần thay đổi qua các giờ Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu hay TLV. Qua PPDH, những biểu hiện về phẩm chất từng bước được hình thành và phát triển nhờ vào lao động học tập hằng ngày, dưới sự hướng dẫn, rèn luyện của GV. Những phẩm chất này có thể phát triển một cách bền vững nếu HS được hoạt động học tập thực tế, trải nghiệm thực tiễn.

*b) HĐTN trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn phát triển năng lực người học*

*“Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loạt hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể”* [5, tr36]. Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học cũng xác định rõ mục tiêu môn học, ngoài việc chú trọng đến các năng lực chung, môn học cần hình thành và phát triển được các năng lực đặc thù cho HS là: năng lực ngôn ngữ (thể hiện ở các kĩ năng đọc, viết, nói – nghe) và năng lực văn học. Một trong những giải pháp được Chương trình GDPT thực hiện nhằm phát triển năng lực người học là: dạy học thông qua hoạt động tự học, thực hành, vận dụng của người học để góp phần hình thành, phát triển vững chắc năng lực của người học qua hoạt động.

Tổ chức HĐTN dạy học các bài trong chủ điểm *Nhớ nguồn* phát triển được các năng lực chung và năng lực đặc thù cho HS. Trong đó GV đóng vai trò là người thiết kế và định hướng hoạt động học cho HS; kích thích sự hứng thú, tạo ra môi trường học tập thân thiện với những tình huống học tập có vấn đề. Một mặt khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập; mặt khác để các em tự phát

hiện năng lực bản thân, có kỹ năng huy động kinh nghiệm và kiến thức sẵn có để phục vụ quá trình học tập.

Tổ chức HĐTN trong DHTV nói chung và trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* ở SGK TV5 (tập hai) nói riêng hướng đến mục đích hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất người học, GV cần lựa chọn những phương pháp và HTTC dạy học phù hợp với môn học, bài học và đối tượng học; kết hợp NDDH đa dạng, phong phú, giàu tính thẩm mỹ, nhân văn; thường xuyên kiểm tra, đánh giá trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản, chú trọng phát huy tính chủ động sáng tạo của HS.

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018, một chủ điểm được dạy qua cả 4 kỹ năng đọc, viết, nói và nghe nhưng do dung lượng của một luận văn thạc sĩ nên chúng tôi chỉ vận dụng lý thuyết HĐTN vào nghiên cứu việc tổ chức dạy học một số bài trong chủ điểm *Nhớ nguồn* nhằm hình thành và phát triển ở HS kỹ năng đọc và kỹ năng viết thông qua các giờ Tập đọc và Tập làm văn.

### ***1.1.3. Một số hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông***

Tổ chức dạy học qua HĐTN có sự vận dụng các PP và HT tổ chức dạy học truyền thống kết hợp với các PPDH tích cực nhằm hướng tới mục tiêu cuối cùng là góp phần vào việc hình thành phẩm chất và năng lực người học.

Trong chương trình *HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp* đã nêu một số phương thức tổ chức HĐTN ở phổ thông chủ yếu thuộc 4 nhóm: phương thức Khám phá, phương thức Trải nghiệm, tương tác, phương thức Công hiến, phương thức Nghiên cứu.

#### ***1.1.3.1. Các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN thuộc nhóm phương thức Khám phá***

Phương thức Khám phá: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc, giúp HS khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh, bồi dưỡng những cảm xúc tích cực và tình yêu quê hương đất nước. Nhóm phương thức tổ chức này bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa và các phương thức tương tự khác.

#### ***Tham quan, dã ngoại (khám phá thực tế)***

“Tham quan, dã ngoại là một HTTC học tập thực tế hấp dẫn đối với HS. Mục

đích của tham quan, dã ngoại là để các em HS được đi thăm tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các thắng cảnh, các di tích lịch sử văn hoá, công trình, nhà máy hoặc địa danh nổi tiếng của đất nước ở ngoài nơi các em đang sống, học tập... giúp các em có được những kinh nghiệm từ thực tế, từ các mô hình, cách làm hay và hiệu quả trong một lĩnh vực nào đó, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em”.

Các chuyến tham quan, dã ngoại sẽ tăng cường cơ hội cho HS được giao lưu, chia sẻ và thể hiện những khả năng vốn có của mình, đồng thời giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương, đất nước, hiểu được các giá trị truyền thống và hiện đại. Tham quan, dã ngoại là hoạt động thu hút đông đảo HS tham gia bởi tính thực tế pha màu sắc vui chơi của nó. Đây là điều kiện và môi trường tốt cho các em tự khẳng định mình, thể hiện tính tự quản, tính sáng tạo và biết đánh giá sự cố gắng, sự trưởng thành của bản thân cũng như tạo cơ hội để các em thực hiện phương châm “học đi đôi với hành”, “lí luận đi đôi với thực tiễn”, đồng thời là môi trường để thực hiện mục tiêu “xã hội hoá” công tác giáo dục.

*1.1.3.2. Các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN thuộc nhóm phương thức Thể nghiệm, tương tác*

Phương thức Thể nghiệm, tương tác: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi và các phương thức tương tự khác.

*a) Diễn đàn, giao lưu*

Diễn đàn là một HTTC hoạt động được sử dụng để thúc đẩy sự tham gia của HS thông qua việc các em trực tiếp, chủ động bày tỏ ý kiến của mình với đông đảo bạn bè, nhà trường, thầy cô giáo, cha mẹ và những người lớn khác có liên quan. Qua hình thức này, HS có điều kiện và cơ hội được bày tỏ suy nghĩ, ý kiến, quan niệm hay những câu hỏi, đề xuất của mình về một vấn đề nào đó liên quan đến nhu cầu, hứng thú, nguyện vọng của các em; đồng thời đây cũng là dịp để các em lắng nghe ý kiến, học tập lẫn nhau. Vì vậy, diễn đàn như một sân chơi tạo điều kiện để HS được biểu đạt ý kiến của mình một cách trực tiếp với đông đảo bạn bè và những người khác. Diễn đàn thường được tổ chức rất linh hoạt, phong phú, đa dạng với những hình thức hoạt động cụ thể, phù hợp với từng lứa tuổi HS.

Mục đích của việc tổ chức diễn đàn là để tạo cơ hội, môi trường cho HS được bày tỏ ý kiến về những vấn đề các em quan tâm, giúp các em khẳng định vai trò, tiếng nói của mình, đưa ra những suy nghĩ và hành vi tích cực để khẳng định mình. Diễn đàn cũng giúp các em nâng cao khả năng, tự tin và xây dựng các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng phát biểu trước tập thể, kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thể hiện sự tự tin, kỹ năng phát hiện vấn đề.

Qua các diễn đàn, các thầy cô giáo, cha mẹ HS và những người lớn có liên quan nắm bắt được những băn khoăn, lo lắng và mong đợi của các em về bạn bè, thầy cô, nhà trường và gia đình... tăng cơ hội giao lưu giữa người lớn và trẻ em, trẻ em với trẻ em và thúc đẩy việc thực hiện quyền trẻ em trong trường học. Giúp HS có môi trường, cơ hội thực hành quyền được bày tỏ ý kiến, quyền được lắng nghe và quyền được tham gia... đồng thời giúp các nhà quản lý giáo dục và hoạch định chính sách nắm bắt, nhận biết được những vấn đề mà HS quan tâm, từ đó có những biện pháp giáo dục và xây dựng chính sách phù hợp hơn với các em.

Để phát huy khả năng sáng tạo và tăng cường tính độc lập của HS, trong hầu hết quá trình của diễn đàn, HS là người chủ trì, từ khâu chuẩn bị, xây dựng chủ đề diễn đàn đến khâu dẫn dắt, điều hành diễn đàn và đánh giá kết quả diễn đàn dưới sự hướng dẫn của người lớn.

#### *b) Đóng vai*

Đóng vai là một PPDH trong đó người học thực hiện những tình huống hành động được mô phỏng (theo các vai) về một chủ đề, thường mang tính chất trò chơi, trong đó các tình huống, các vấn đề hoặc xung đột được thể hiện. Đóng vai nhằm phát triển năng lực hành động thông qua sự trải nghiệm của chính bản thân người học và thông qua thông tin phản hồi từ người quan sát.

Có nhiều hình thức học thông qua đóng vai từ đơn giản tới phức tạp như:

- Phân vai, đọc diễn cảm một tác phẩm, thể hiện cảm xúc, tính cách nhân vật bằng giọng đọc.

- Đóng vai một nhân vật (nhân vật lịch sử, nhà khoa học, một loài cây...) để trình bày một vấn đề liên quan đến cuộc sống và bài học hoặc giải quyết một tình huống thực tế.

- Sân khấu hoá một đoạn trích trong một tác phẩm văn học, một câu chuyện lịch sử hoặc khoa học.

Học thông qua đóng vai giúp HS có cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong môi trường giả định an toàn, qua đó học cách ứng xử trải nghiệm những cảm xúc khác nhau; phát triển trí tưởng tượng, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp; khám phá, tương tác, tham gia vào văn bản; kiểm soát cảm xúc của bản thân khi trình diễn; tăng sự hiểu biết xã hội và khả năng hợp tác với các thành viên trong nhóm, với các “bạn diễn”; học kiến thức một cách chủ động, thú vị, sáng tạo; phát triển trí thông minh cảm xúc.

### *c) Trò chơi*

“Trò chơi là một loại hình hoạt động giải trí, thư giãn; là món ăn tinh thần bổ ích và không thể thiếu được trong cuộc sống con người nói chung và đối với thanh thiếu niên HS nói riêng, những trò chơi phù hợp có tác dụng giáo dục tích cực. Trò chơi là HTTC các hoạt động vui chơi với nội dung kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có tác dụng giáo dục “chơi mà học, học mà chơi” [21, tr94].

Trò chơi có mục đích lôi cuốn HS tham gia vào các hoạt động giáo dục một cách tự nhiên. Người học được phát huy khả năng sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, sự chủ động, nhanh nhẹn thông qua hoạt động trò chơi. Những trò chơi phù hợp không chỉ giúp HS có được tâm lý thoải mái, tự tin mà nó còn góp phần làm cho các hoạt động học tập tiếp theo diễn ra nhẹ nhàng, không gò bó, áp lực và mang tính áp đặt.

Căn cứ vào nội dung chơi, trò chơi được chia thành các loại sau: trò chơi học tập; trò chơi vận động; trò chơi khởi động, dẫn nhập vào nội dung học tập; trò chơi mô phỏng.

Trò chơi không đơn thuần sinh ra chỉ để giúp con người giải trí mà nó còn có những chức năng xã hội khác nhau như:

- Chức năng giáo dục: Thông qua trò chơi, HS được giáo dục một cách toàn diện về về thể chất, tâm lý, đạo đức và xã hội; giúp phát triển tốt các nhân cách cho HS như tính tập thể, tính hợp tác, tính kỉ luật, tính sáng tạo, tính tự chủ, tính tích cực, sự nỗ lực, ý chí, lòng dũng cảm, tính linh hoạt, tính tự tin, sự thân thiện, lòng bao dung, những tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ lành mạnh; là phương tiện để giúp



HS nâng cao sự hiểu biết các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Nhờ trò chơi sáng tạo, các em được tư duy, ứng dụng tri thức vào hành động, phát triển năng lực thực hành.

- Chức năng giao tiếp: Để trò chơi trở nên thú vị và hiệu quả, HS phải tăng cường các mối quan hệ trong khi chơi, đặc biệt là với bạn bè. Nhờ giao tiếp, các em hiểu được suy nghĩ của nhau và phối hợp nhịp nhàng trong khi chơi.

- Chức năng văn hoá: Mỗi trò chơi đều thể hiện được những đặc điểm văn hóa của cộng đồng, là một hình thức sinh hoạt văn hóa có tính lành mạnh. Thông qua tổ chức trò chơi, người chơi góp phần duy trì được giá trị văn hóa dân tộc trong trò chơi đó, đặc biệt là trò chơi dân gian, trò chơi lễ hội.

- Chức năng giải trí: Trò chơi tự thân mang tính giải trí. Trò chơi một mặt hình thành được tri thức về các vấn đề thuộc các lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội, giúp học sinh có cơ hội giao tiếp và vận động, mặt khác sau mỗi trò chơi, HS được giải tỏa những áp lực và căng thẳng trong học tập. Các em có những giây phút hòa mình vào hoạt động vui nhộn mà ý nghĩa của trò chơi, tạo nên động lực cho quá trình học tập.

#### *d) Hội thi, cuộc thi*

Hội thi, cuộc thi là một trong những HTTC hoạt động hấp dẫn, lôi cuốn HS và đạt hiệu quả cao trong việc học tập, giáo dục, rèn luyện và định hướng giá trị cho tuổi trẻ. Sự thi đua trong học tập giữa cá nhân với cá nhân, các nhóm với các nhóm là bản chất của hình thức này. Nó đã và đang được hiện hữu trong quá trình dạy học hiện nay như sau mỗi bài học, GV có thể tổ chức một hoạt động thi đọc diễn cảm (trong giờ Tập đọc ở tiểu học), thi tìm ra đáp án nhanh nhất (trong các giờ khác) nhằm củng cố kiến thức ở HS.

Mục đích của việc tổ chức hội thi, cuộc thi nhằm lôi cuốn HS tham gia một cách chủ động, tích cực vào các HĐGD của nhà trường; đáp ứng được nhu cầu về vui chơi giải trí cho HS; thu hút tài năng và sự sáng tạo của HS; phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của HS, góp phần bồi dưỡng cho các em động cơ học tập tích cực, kích thích hứng thú trong quá trình nhận thức.

Khi tổ chức hội thi, cuộc thi GV cần kết hợp với các HTTC khác (văn nghệ, trò chơi) là phong phú, đa dạng, hiệu quả hoạt động, góp phần thu hút sự tham gia tích cực của HS.

### *e) Thuyết trình*

Tổ chức cho HS thuyết trình là một HTTC dạy học, trong đó GV giao cho HS (hoặc một nhóm HS) một chủ đề thuyết trình, sau đó hướng dẫn HS đọc tài liệu, tìm hiểu thực tế và thuyết trình về vấn đề đã đọc, đã tìm hiểu.

Ở hình thức này, HS chủ động nghiên cứu và tìm hiểu vấn đề được GV phân công và trình bày những gì mà mình đã được tìm hiểu; chủ động lựa chọn những phương tiện hỗ trợ cho bài thuyết trình của mình, tận dụng những trang thiết bị hiện đại sẵn có và/ hoặc tự tạo nên các phương tiện hỗ trợ; HS trình bày bài thuyết trình đóng vai trò “người dạy” bên cạnh vai trò người học.

Trong quá trình thuyết trình, người học có cơ hội bộc lộ quan điểm, lắng nghe quan điểm của bạn, tranh luận. Qua dạy học theo hình thức này, HS có sự hợp tác, hỗ trợ, phân công việc cho nhau trước, trong và sau khi thuyết trình; có cơ hội thể hiện và phát triển nhiều nhóm năng lực đa dạng như lập kế hoạch, tự học, tự nghiên cứu, tra cứu tài liệu, hợp tác, giao tiếp, lắng nghe, giải quyết vấn đề, ứng xử tự duy sáng tạo, tự duy phản biện.

Các bước để tổ chức cho HS thuyết trình có thể dựa theo trình tự sau:

- Lập kế hoạch tổ chức và chuẩn bị cho thuyết trình.

Ở bước này, GV tìm các nội dung có thể tổ chức cho HS thuyết trình. Lưu ý các chủ đề thuyết trình phải mang tính hấp dẫn, gắn liền với thực tế và phục vụ trực tiếp cho chương trình học; phải tìm các nguồn thông tin có giá trị có thể giới thiệu cho HS và định hướng cấu trúc nội dung bài thuyết trình; lên kế hoạch tổ chức và chuẩn bị phương tiện hỗ trợ như máy chiếu (nếu cần); thiết kế các phiếu đánh giá bài thuyết trình.

- Giao nhiệm vụ cho HS (nhóm HS), công bố tiêu chí đánh giá, hướng dẫn thực hiện.

GV giao nhiệm vụ cho HS và hướng dẫn những việc cần chuẩn bị, phổ biến quy định thuyết trình và tiêu chí đánh giá để HS biết; dành thời gian cho HS thực hiện (thường ít nhất 1 tuần chuẩn bị);

Hướng dẫn cho HS những nguồn tài liệu đáng tin cậy liên quan đến chủ đề thuyết trình; hướng dẫn hoặc định hướng cho HS lập kế hoạch cho một bài học thuyết trình, gợi ý cấu trúc bài thuyết trình để HS chuẩn bị.

- Tổ chức thuyết trình, hỏi đáp, đánh giá.

Mời các nhóm thuyết trình, nhắc nhở về thời gian và quy định khác.

Mời các nhóm khác nêu câu hỏi, trao đổi, tranh luận với nhóm thuyết trình (GV cần có những câu hỏi hỗ trợ nhằm khai thác thêm những vấn đề cần thiết, góp phần đi đúng hướng buổi thảo luận).

Khuyến khích, kiểm soát sự tham gia của tất cả HS bằng một số biện pháp: cử đại diện nhóm thuyết trình và các thành viên còn lại bổ sung; gọi ngẫu nhiên; mỗi thành viên trình bày một phần.

### *1.1.3.3. Các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN thuộc nhóm phương thức Cống hiến*

Phương thức Cống hiến: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền và các phương thức tương tự khác.

#### *a) Hoạt động nhân đạo*

“Là một nội dung hoạt động tác động đến trái tim, tình cảm, sự đồng cảm, thấu cảm của HS trước những con người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Thông qua những hoạt động nhân đạo, HS biết thêm những hoàn cảnh khó khăn của người nghèo, người nhiễm chất độc da cam, trẻ em mồ côi, người tàn tật, khuyết tật, người già cô đơn không nơi nương tựa, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những đối tượng dễ bị tổn thương trong cuộc sống... để kịp thời giúp đỡ, giúp họ từng bước khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập với cộng đồng”.

Hoạt động nhân đạo giúp các em HS được chia sẻ những suy nghĩ, tình cảm và giá trị vật chất của mình với những thành viên trong cộng đồng, giúp các em biết quan tâm hơn đến những người xung quanh từ đó giáo dục các giá trị cho HS như: tiết kiệm, tôn trọng, chia sẻ, cảm thông, yêu thương, trách nhiệm, hạnh phúc...

Hoạt động nhân đạo trong trường phổ thông được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: hiến máu nhân đạo, xây dựng quỹ ủng hộ, quyên góp...

Tùy vào điều kiện thực tế của mỗi trường mà tổ chức hoạt động nhân đạo phù hợp, hiệu quả và có tính giáo dục cao cho HS.

#### *b) Hoạt động tình nguyện*

Là một nội dung hoạt động mang tính tự nguyện, tự giác cao thông qua việc HS tự mình nhận lấy trách nhiệm để sẵn sàng làm việc (thường là những việc khó khăn, đòi hỏi phải hy sinh thời gian, công sức, tiền của...) và thực hiện hoạt động mà không quản ngại khó khăn, gian khổ mà không nhất thiết phải có quyền lợi vật chất cho bản thân.

Hoạt động này có thể của cá nhân hay cộng đồng, được xuất phát từ lòng nhân ái, tính tích cực xã hội và hoài bão lí tưởng của tuổi trẻ nhằm thực hiện những nhiệm vụ khó khăn, đột xuất của địa phương, đơn vị vì lợi ích của xã hội, cộng đồng. Hoạt động tình nguyện nhằm bồi dưỡng cho các em lòng nhân ái, biết chia sẻ, bao dung những người xung quanh, từ đó, giúp các em sống có ý thức cộng đồng. Từ đó các em sẽ nhận thức được vai trò, trách nhiệm xã hội của bản thân, có thái độ đúng đắn, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng. Hoạt động tình nguyện có ý nghĩa tăng cường tình đoàn kết, sự hỗ trợ, tin cậy lẫn nhau, giúp nuôi dưỡng tình thân thương thân tương ái.

Hoạt động tình nguyện không giới hạn độ tuổi tham gia, tuy nhiên để đạt hiệu quả chất lượng thì các trường phổ thông cần lựa chọn nội dung và HTTC phù hợp cho từng lứa tuổi.

#### *1.1.3.4. Các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN thuộc nhóm phương thức Nghiên cứu*

Phương thức Nghiên cứu: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhờ cảm hứng từ những trải nghiệm thực tế, qua đó đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học. Nhóm HTTC này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật và các phương thức tương tự.

##### *Hoạt động nghiên cứu khoa học*

Nghiên cứu khoa học là sự tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết, hoặc phát hiện bản chất của sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới, hoặc sáng tạo phương pháp mới, phương tiện kĩ thuật mới để làm biến đổi sự vật, phục vụ mục tiêu hoạt động của con người.

Hình thức học thông qua nghiên cứu khoa học là hình thức dựa trên logic của

quy trình nghiên cứu khoa học, thường áp dụng cho các chủ đề học tập mang tính chất của một đề tài khoa học. Quá trình nghiên cứu bắt đầu từ việc khám phá ra các vấn đề cần giải quyết, sau đó HS giải quyết vấn đề đặt ra thông qua việc nghiên cứu lí luận và khảo sát thực tiễn hoặc thử nghiệm một giải pháp nào đó trong thực tiễn, cuối cùng là trình bày các kết quả nghiên cứu bằng ngôn ngữ khoa học.

Một số đặc điểm quan trọng của nghiên cứu khoa học là: tính mới, tính tin cậy, tính thông tin, tính khách quan và tính kế thừa.

Để tổ chức hoạt động học thông qua nghiên cứu khoa học thường phải trải qua 6 bước:

- + Bước 1: Hướng dẫn HS xác định vấn đề cần nghiên cứu và đặt tên đề tài
- + Bước 2: Hướng dẫn HS xác định câu hỏi hoặc mục tiêu nghiên cứu
- + Bước 3: Hướng dẫn HS xây dựng giả thuyết (nếu là nghiên cứu thử nghiệm)
- + Bước 4: Hướng dẫn HS xác định phương pháp nghiên cứu
- + Bước 5: Hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu
- + Bước 6: Hướng dẫn HS cách trình bày kết quả nghiên cứu.

## **1.2. Cơ sở thực tiễn**

### ***1.2.1. Khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai)***

#### *1.2.1.1. Mục đích khảo sát*

Tiến hành khảo sát thực trạng DHTV ở tiểu học nói chung và dạy học các bài trong chủ điểm *Nhớ nguồn*, SGK TV5 (Tập hai) nói riêng cũng như tìm hiểu được những khó khăn và thuận lợi của GV và HS trong quá trình tổ chức HĐTN. Kết quả khảo sát sẽ trở thành cơ sở đề xuất các HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* cho HS lớp 5.

#### *1.2.1.2. Đối tượng, địa bàn khảo sát*

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn và phát phiếu khảo sát lấy ý kiến đối với GV và HS ở một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố và các huyện của tỉnh Ninh Bình.

##### a) Về phía GV:

+ Phỏng vấn, trao đổi trực tiếp với 3 GV trường tiểu học Ninh An (huyện Hoa Lư), 4 GV trường tiểu học Ninh Vân (huyện Hoa Lư), 3 GV trường tiểu học

Khánh Hồng (huyện Yên Khánh). Bên cạnh đó, chúng tôi phát phiếu điều tra khảo sát 50 GV khối lớp 5 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Những GV được phỏng vấn, khảo sát đang trực tiếp dạy khối lớp 5 có độ tuổi khác nhau, có trình độ, kinh nghiệm và năng lực chuyên môn vững vàng.

b) Về phía HS:

+ Tiến hành điều tra bằng phiếu khảo sát (phần phụ lục). Số phiếu phát ra là 150, số phiếu thu về là 150.

#### *1.2.1.3. Nội dung tiến hành*

- Tìm hiểu NDDH trong chủ điểm *Nhớ nguồn* ở SGK TV5 (tập hai).  
- Nghiên cứu giáo án các bài dạy trong chủ điểm *Nhớ nguồn* của một số GV dạy lớp 5.

- Mức độ quan tâm, vận dụng HĐTN của GV vào dạy các bài học trong chủ điểm *Nhớ nguồn* cho HS lớp 5.

- Mức độ hứng thú của HS đối với việc vận dụng HĐTN để dạy các bài học trong chủ điểm *Nhớ nguồn*, TV5.

- Phân tích, đánh giá điểm mạnh và hạn chế mà GV và HS đạt được trong thực tiễn DHTV. Xác định cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng, đề xuất một số HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* cho HS lớp 5 mà GV và HS phải đảm nhiệm sau này.

#### *1.2.1.4. Phương pháp, cách thức tiến hành*

*Để khảo sát thực trạng trên chúng tôi đã tiến hành các phương pháp sau:*

- Phân tích nội dung, tài liệu SGK, SGV, sách tham khảo phục vụ cho DHTV lớp 5.

- Phương pháp tọa đàm, phỏng vấn: trao đổi trực tiếp với GV về mức độ nhận thức, biện pháp trong thực tiễn DHTV hiện nay.

- Phương pháp điều tra, khảo sát HS.

- Phương pháp xử lí số liệu: Thống kê, phân tích, tổng hợp những kết quả thu được qua thực tiễn và phiếu khảo sát.

*Việc khảo sát cụ thể được tiến hành theo các bước sau:*

*Bước 1:* Xác định mục đích khảo sát căn cứ mục tiêu, nội dung chương trình

và điều kiện thực tế để tiến hành khảo sát. Xác định rõ đối tượng tìm hiểu là GV hay HS để xây dựng câu hỏi phù hợp.

*Bước 2:* Xây dựng câu hỏi phỏng vấn, trao đổi với GV và phiếu khảo sát HS nhằm nắm bắt được thực trạng DHTV cho HS lớp 5 nói chung và dạy học các bài trong chủ điểm Nhớ nguồn nói riêng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

*Bước 3:* Tiến hành trao đổi, phỏng vấn GV và gửi phiếu khảo sát HS lớp 5 của các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

*Bước 4:* Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện nội dung khảo sát.

- Rà soát, kiểm tra lại nội dung và trình tự của các hoạt động, thời gian thực hiện cho từng hoạt động, xem xét tính hợp lí, khả năng thực hiện và kết quả đạt được.

- Nếu phát hiện những sai sót và bất hợp lí ở bước nào, nội dung nào hay việc nào thì kịp thời điều chỉnh.

- Từ kết quả khảo sát tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng.

*Bước 5:* Lưu trữ kết quả khảo sát

### **1.2.2. Phân tích kết quả và đánh giá thực trạng**

#### **1.2.2.1. Về NDDH trong chủ điểm Nhớ nguồn ở SGK TV5 (tập hai)**

Kết quả sau khi khảo sát cho thấy việc soạn thảo và xây dựng bài học (thuộc các phân môn) trong chủ điểm *Nhớ nguồn* đã đảm bảo, phù hợp với các nguyên tắc soạn thảo SGK TV ở tiểu học là: nguyên tắc giao tiếp, nguyên tắc tích hợp và nguyên tắc tích cực hoá hoạt động của HS. Thông qua giờ Tập đọc (Phong cảnh đền Hùng, Nghĩa thầy trò, Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân, Tranh làng Hồ, Đất nước), giờ Kể chuyện (Kể chuyện đã nghe, đã đọc; Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia) hay giờ TLV (Tập viết đoạn đối thoại), các bài học trong chủ điểm đã tạo ra môi trường giao tiếp có chọn lọc để HS mở rộng vốn từ, trang bị những tri thức nền và phát triển được các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt.

Các ngữ liệu trong chủ điểm này là các đoạn văn hoặc văn bản đa dạng về thể loại như văn xuôi, thơ, truyện ngắn, truyện vui ...thuộc 2 kiểu loại văn bản lớn là văn bản văn học và văn bản thông tin. Ngữ liệu đã đảm bảo về dung lượng độ dài cũng như hướng vào nội dung chủ điểm, phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lí đón nhận của HS; đã có tính thống nhất trong toàn hệ thống chủ điểm từ lớp 1 đến

lớp 5, thể hiện tính tích hợp trong một bài học, tiết học hay thậm chí một bài tập. HS có thể vận dụng các kiến thức đã học trước đó và huy động kiến thức nền, kinh nghiệm bản thân để chiếm lĩnh một nội dung mới trong chủ điểm Nhớ nguồn một cách chủ động, hứng thú.

Lớp 5 là lớp cuối cấp Tiểu học, hoàn thành mục tiêu đặt ra cho môn Tiếng Việt ở toàn cấp học. Do đó, việc thiết kế hệ thống câu hỏi và bài tập trong SGK Tiếng Việt đã thể hiện được các mức độ khác nhau từ thấp đến cao. Các câu hỏi phần tìm hiểu bài trong giờ Tập đọc thường gồm 3 đến 5 câu theo mức độ từ nhận biết, tái hiện đến vận dụng. Các yêu cầu, bài tập trong giờ Kể chuyện, TLV có sự khoa học, rõ ràng, logic. Dựa vào đó, HS có thể hoàn thành bằng cách: tìm kiếm, tái hiện thông tin trong bài; liên hệ, so sánh kết nối với thực tiễn đời sống để khám phá tri thức và phát triển các năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học. Dưới đây là kết quả khảo sát câu hỏi, bài tập, yêu cầu của các bài học trong chủ điểm *Nhớ nguồn* ở SGK TV5 (tập hai):

*- Câu hỏi tìm hiểu bài trong phần Tập đọc:*

Có 23 câu hỏi tìm hiểu bài trên tổng số 6 bài Tập đọc được chia thành 7 loại câu hỏi cơ bản với số lượng như sau: Chia sẻ vốn sống, tri thức nền (1) / Tìm kiếm nội dung thông tin trong văn bản (10) / Phân tích nội dung thông tin trong văn bản (4) / Tìm kiếm và phân tích nội dung thông tin trong văn bản (2) / Phát hiện và phân tích nội dung thông tin trong văn bản (1) / Nêu suy nghĩ, ý kiến riêng của bản thân (3) / Ghi nhớ, học thuộc văn bản (2).

*- Câu hỏi, bài tập, yêu cầu trong phần Kể chuyện:*

Trong Phân môn Kể chuyện ở tiểu học, dựa vào nguồn tư liệu được dùng để kể, các bài học kể chuyện được chia thành 3 loại: kể chuyện theo tranh, kể chuyện đã nghe, đã đọc và kể chuyện được chứng kiến tham gia. Chủ điểm Nhớ nguồn thiết kế 3 tiết Kể chuyện ứng với 3 dạng như trên. Giờ kể chuyện Vì muôn dân (dựa theo tranh) yêu cầu: HS kể lại từng đoạn dựa vào lời kể của GV, kể loại toàn bộ câu chuyện, trao đổi với các bạn về ý nghĩa câu chuyện. Giờ kể chuyện đã nghe, đã đọc yêu cầu HS phải tự sưu tầm trong sách báo hoặc trong đời sống hàng ngày một câu chuyện nói về truyền thống hiếu học hoặc truyền thống đoàn kết của dân tộc để kể



lại. Giờ kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia yêu cầu HS kể những chuyện người thật, việc thật có trong cuộc sống xung quanh mà các em biết, thầy nói về truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt Nam ta hoặc thầy cô giáo của em, qua đó thể hiện lòng biết ơn của em với thầy cô. So với các câu chuyện ở lớp 2,3,4 thì các chuyện ở lớp 5 có độ dài lớn hơn, tình tiết phức tạp hơn, nội dung sâu sắc hơn. Những câu chuyện nói về phẩm chất tốt đẹp của truyền thống “uống nước nhớ nguồn” mà con người cần rèn luyện được xuyên suốt trong chủ điểm *Nhớ nguồn*.

- *Bài tập, yêu cầu trong phần TLV:*

Có hai dạng bài tập, yêu cầu lớn đối với HS trong giờ TLV là: yêu cầu HS thực hiện một hành động nói và yêu cầu HS thực hiện một hành động viết để tạo ra ngôn bản: viết bài văn tả đồ vật, viết đoạn đối thoại. Ngoài ra cách thiết kế bài tập trong chủ điểm *Nhớ nguồn* cũng giống như những bài tập khác, có những bài tập bộ phận ở giai đoạn tiền sản sinh văn bản hay hậu sản sinh văn bản như yêu cầu HS đọc lại đoạn trích, văn bản, đọc phân vai (diễn thử) màn kịch, nghe thầy cô giáo nhận xét bài của bạn, chữa bài, học tập theo bài hay của bạn.

Như vậy, NDDH trong chủ điểm *Nhớ nguồn* được xây dựng là một môi trường học tập tốt, đáp ứng được các yêu cầu về phát triển và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cho HS. Các ngữ liệu được chọn lựa và đưa vào dạy học đa dạng về thể loại, phù hợp với HS. Tuy nhiên, cách thiết kế các câu hỏi, bài tập, yêu cầu cho các giờ dạy vẫn đang có xu hướng để HS đạt được kiến thức, nội dung bài học hơn. Điều này khẳng định rằng, cần chú ý đến các câu hỏi giúp HS huy động vốn sống, kiến thức nền, trải nghiệm bản thân, khám phá và tự chiếm lĩnh kiến thức hay các câu hỏi mang tính cảm thụ, liên hệ kết nối (trong giờ Tập đọc), câu hỏi mang tính vận dụng sáng tạo (trong giờ Kể chuyện, TLV). Những định hướng mới trong việc dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học như xác định mục tiêu bài học phù hợp với các năng lực cần phát triển cho HS, được lựa chọn ngữ liệu, xây dựng hệ thống câu hỏi giúp HS bộc lộ và phát huy những năng lực tiềm ẩn, đổi mới phương pháp, HTTC dạy học, sự chuẩn bị về đồ dùng, phương tiện dạy học hay cách kiểm tra đánh giá được chúng tôi quan tâm trong luận văn này. Qua việc khảo sát NDDH chủ điểm *Nhớ nguồn*, chúng tôi nhận thấy GV cần chú trọng đến việc chuẩn bị tốt các câu

hỏi, bài tập, yêu cầu, nắm vững nội dung bài học trước khi tổ chức dạy học nhằm có sự chủ động, linh hoạt trong mọi hoạt động, kịp thời điều chỉnh nếu có những vấn đề phát sinh.

*1.2.2.2. Về thực trạng tổ chức dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn ở SGK TV5 (tập hai)*

- Về giáo án

Qua phỏng vấn, trao đổi trực tiếp, hầu hết các GV đều cho rằng việc vận dụng các phương pháp và HTTC dạy học mới đã phát huy được tính tích cực, chủ động của HS trong mỗi hoạt động và bài học. Một số GV đã vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào giờ dạy Tiếng Việt của mình và bước đầu đã đạt kết quả khả quan. Tuy nhiên, đây là một nội dung khá mới nên nhiều GV còn lúng túng, chưa biết phải bắt đầu từ đâu và tổ chức như thế nào cho đảm bảo hiệu quả ở các giờ dạy.

Để đánh giá đúng thực tiễn DHTV cho HS lớp 5, đặc biệt là năng lực tổ chức các hoạt động dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* chúng tôi còn tiến hành nghiên cứu, phân tích 50 giáo án. Trong đó có 10 giáo án tiết Tập đọc *Phong cảnh đền Hùng*, 10 giáo án tiết Tập đọc *Nghĩa thầy trò*, 10 giáo án tiết Kể chuyện *Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia*, 10 giáo án tiết TLV *Tập viết đoạn đoạn đối thoại*, 10 giáo án tiết Luyện từ và câu *Mở rộng vốn từ: Truyền thống*.

Nghiên cứu giáo án của các GV đang dạy khối lớp 5, chúng tôi đã thống kê được khoảng 65% GV đang thiết kế giáo án tập trung vào việc truyền thụ kiến thức; hoạt động dạy học cụ thể từng bước hướng vào mục tiêu hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ cho HS. Cho dù đó là giờ dạy Tập đọc, Kể chuyện, TLV hay Chính tả, Luyện từ và câu thì giáo án cũng không có sự khác biệt về cách thiết kế tổ chức giờ học cũng như vận dụng các PPDH.

Mặc dù vậy, đã có một số GV thiết kế giáo án các bài học thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* theo hướng phát triển năng lực cho HS, bước đầu tạo được dấu hiệu khả quan trong DHTV. Các giáo án này là kế hoạch, dàn ý giờ lên lớp của GV. Nó đã thể hiện được sự đầu tư tỉ mỉ từ khâu xác định mục tiêu bài học, chuẩn bị các câu hỏi diễn ra trong giờ học, đồ dùng và phương tiện dạy học cho đến khâu quan trọng nhất là thiết kế hoạt động dạy học cụ thể. Trong hoạt động dạy học cụ thể, giáo án

đã cho thấy sự vận dụng linh hoạt các PPDH hiện đại, phát huy ở HS tính tích cực trong tham gia xây dựng bài, tìm hiểu vấn đề và chiếm lĩnh tri thức. Những giáo án này đã thể hiện có sự chú trọng đến vai trò của HS qua các hình thức như làm việc nhóm, thảo luận... tuy nhiên chưa thực sự đa dạng về hình thức và nội dung. Trong chủ điểm *Nhớ nguồn*, các bài học có sự liên kết với nhau ở giá trị nội dung của chủ điểm thì lại đang tiến hành một cách rời rạc, mang tính hình thức, dạy xong giờ nào biết giờ đó. Có những bài trong cùng chủ điểm này nếu được thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực HS (nhờ vào huy động tri thức nền hay vận dụng liên hệ, so sánh, kết nối) sẽ mang lại hiệu quả cao. Tình trạng “bình mới rượu cũ” mang lại không ít những điểm hạn chế cho giờ dạy Tiếng Việt. Đặc biệt, nhiều giáo án còn thể hiện việc dạy học đối với các kiểu bài đặc thù trong giờ Tập đọc, TLV, Kể chuyện (phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe) còn chưa phù hợp, hiệu quả.

Thực tiễn dạy học Tập đọc trong nhà trường tiểu học chủ yếu mới dừng lại ở mức giúp HS biết đọc, nắm vững kỹ thuật đọc, bước đầu HS biết đọc hiểu văn bản. Chưa làm rõ được quy trình tổ chức dạy đọc văn bản văn học hay văn bản thông tin khác nhau như thế nào trong khi đây là một trong những điểm quan trọng cần chú ý ở chương trình mới.

Trong dạy học nói – nghe thể hiện ở giờ Kể chuyện, các GV còn đang chú trọng tới việc làm thế nào để kể hay cho HS lắng nghe và nhớ các chi tiết mà chưa quan tâm tới các yếu tố có ảnh hưởng trong quá trình nói nghe. Kỹ năng ghi nhớ câu chuyện của HS là rất tốt tuy nhiên đó không phải là mục tiêu đích thực của một giờ Kể chuyện. Giáo án chưa chú trọng đến các hoạt động chia sẻ tri thức nền của HS trước khi vào bài học, chưa thiết kế được những hình thức hoạt động cho HS để thể hiện khả năng nói, nghe và đặc biệt là nói – nghe tương tác. Thiết nghĩ, giờ kể chuyện không phải là giờ của GV thể hiện giọng kể của mình và HS ngồi nghe, ghi nhớ câu chuyện để kể lại. Một giờ Kể chuyện tốt là giờ mà GV đánh giá được HS thông qua sự ghi nhớ kết hợp thái độ phù hợp trong khi lắng nghe, thái độ phù hợp trong khi nói.

Có 2 dạng bài tập, yêu cầu trong phần TLV đã nêu ở trên thì xuất hiện cả

trong chủ điểm *Nhớ nguồn*. Dù là yêu cầu HS thực hiện một hành động nói hay yêu cầu HS thực hiện một hành động viết để tạo ra ngôn bản: viết bài văn tả đồ vật, viết đoạn đối thoại thì GV cần chú trọng đến quy trình viết trong giờ TLV. Tuy nhiên qua việc nghiên cứu giáo án các giờ TLV của GV, chúng tôi nhận ra rằng việc quan tâm đến sản phẩm viết luôn được đặt lên hàng đầu. Trong khi để tạo ra được một bài văn hoàn chỉnh thì GV cần hướng dẫn HS thực hiện các bước theo quy trình viết từ việc xác định yêu cầu của đề bài, tìm ý, lập dàn ý hay trao đổi, thảo luận trước khi viết, công bố sản phẩm, sửa chữa, viết lại. Để thực hiện được các yêu cầu trên, GV phải thiết kế được các hình thức, hoạt động nhằm thúc đẩy HS tích cực chủ động tham gia.

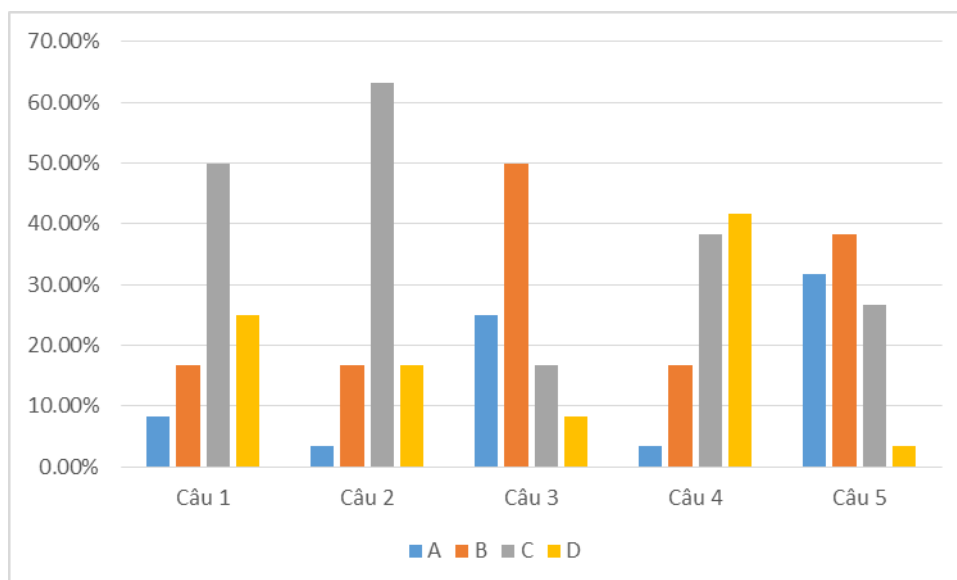
Như vậy, qua phỏng vấn, trao đổi trực tiếp với GV và nghiên cứu giáo án để làm rõ thực tiễn dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*, chúng tôi nhận thấy đã có sự thay đổi trong tư tưởng và nhận thức của GV về tổ chức DHTV theo định hướng phát triển năng lực người học. Nó được thể hiện qua cách thiết kế giáo án và tổ chức dạy học, trong đó đã sử dụng đa dạng các phương pháp và hình thức dạy học hiện đại. Tuy nhiên, phải khẳng định rằng, những thay đổi đó chưa mang tính đồng loạt, phổ biến mà vẫn đang mang tính hình thức. Những GV cho rằng giờ dạy Tiếng Việt của mình đã đạt hiệu quả thì hầu như họ phải dành rất nhiều thời gian để hỗ trợ HS. Các phương pháp và hình thức tuy đa dạng nhưng chưa được vận dụng triệt để hiệu quả của chúng. Đối với các kiểu bài đặc thù (phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe), GV chưa hiểu hết cách thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học. Từ đó dẫn đến tình trạng dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* nói riêng và DHTV nói chung còn gây nhiều khó khăn cho cả GV và HS.

- *Về thực trạng vận dụng HĐTN trong dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn ở SGK TV5 (tập hai)*

Để đánh giá thực trạng vận dụng HĐTN vào thực tiễn dạy các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*, chúng tôi đã tiến hành bằng cách phát phiếu khảo sát dành cho GV, HS và thu được kết quả, bước đầu đưa ra những nhận xét, đánh giá.

**Bảng 1.1. Khảo sát thực trạng dạy học của GV lớp 5**

<b>Stt</b>	<b>Câu hỏi</b>	<b>Phương án trả lời/ lựa chọn</b>	<b>Mức độ</b>
1	Thầy/cô có biết đến HĐTN trong DHTV không?	A. Không biết. B. Có nghe nói nhưng không rõ. C. Có biết, đó là hình thức tham quan, dã ngoại D. Có biết, đó là việc vận dụng HĐTN vào dạy học môn Tiếng Việt.	8.3% 16.7% 50% 25%
2	Thầy/cô tự nhận xét, đánh giá giờ dạy Tiếng Việt của mình như thế nào?	A. HS không chủ động trong việc chiếm lĩnh kiến thức, GV phải hoàn toàn hỗ trợ. B. HS chưa thường xuyên chủ động trong việc chiếm lĩnh kiến thức, GV phải hỗ trợ nhiều. C. HS chủ động tham gia các hoạt động mà GV tổ chức. Tuy nhiên, GV còn phải hỗ trợ. D. HS tích cực tham gia vào các hoạt động để tự chiếm lĩnh kiến thức, được chia sẻ, trao đổi, thảo luận ý kiến của bản thân. GV gần như không phải hỗ trợ.	3.3% 16.7% 63.3% 16.7%
3	Mức độ vận dụng HĐTN vào dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn?	A. Không vận dụng B. Ít vận dụng C. Thường vận dụng vào một phân môn cụ thể D. Thường xuyên vận dụng	25% 50% 16.7% 8.3%
4	Thầy/cô sử dụng các HTTC dạy học nào trong dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn, SGK TV5, Tập hai?	A. HS hoạt động cá nhân B. HS hoạt động cặp đôi C. HS làm việc nhóm D. HS làm việc chung cả lớp dưới sự hướng dẫn của GV	3.3% 16.7% 38.3% 41.6%
5	Thầy/cô có sử dụng các hình thức: trò chơi học tập, đóng vai, tham quan trải nghiệm thực tế...trong dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn không?	A. Rất thường xuyên B. Thường xuyên C. thỉnh thoảng D. Không bao giờ	31.7% 38.3% 26.7% 3.3%



***Biểu đồ 1.1. Thống kê kết quả khảo sát thực trạng vận dụng HĐTN trong DHTV lớp 5 của GV***

Qua khảo sát thực trạng vận dụng HĐTN vào DHTV của GV, chúng tôi rút ra một số kết luận sau: Bằng nhiều cách thức và con đường, đa số GV đã có sự hiểu biết về HĐTN tuy nhiên mới dừng ở mức hiểu, chưa phân tích và nắm rõ được bản chất của HĐTN. Khi trao đổi, có một số GV còn cho rằng HĐTN là hoạt động ngoài giờ lên lớp chỉ thực hiện ngoài các giờ học Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên – Xã hội... GV nhận xét, đánh giá giờ dạy Tiếng Việt của mình ở mức “HS chủ động tham gia các hoạt động mà GV tổ chức. Tuy nhiên, GV còn phải hỗ trợ” cho thấy thực trạng tổ chức DHTV còn một số hạn chế, GV chưa tìm ra được HTTC dạy học phù hợp để hạn chế tối đa sự tham gia trực tiếp của bản thân trong giờ dạy. Một tỉ lệ thấp những giờ dạy tốt trong đó HS tích cực tham gia vào các hoạt động để tự chiếm lĩnh kiến thức, được chia sẻ, trao đổi, thảo luận ý kiến của bản thân, GV gần như không phải hỗ trợ nhiều thường được tổ chức bởi các GV có kinh nghiệm dạy học khoảng 7-10 năm. Không thể phủ nhận tầm quan trọng của HĐTN trong DHTV nói chung và dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*, tuy nhiên mức độ vận dụng HĐTN vào dạy học dừng ở mức ít vận dụng hoặc thường vận dụng vào bài học thuộc một phân môn cụ thể. Điều này biểu hiện lối dạy truyền thụ kiến thức truyền thống đã tạo ra một lối mòn khó thay đổi, ảnh hưởng lớn đến tư tưởng GV trong việc tìm tòi và vận dụng những sáng tạo vào DHTV; nếu có vận dụng thì cũng

chỉ làm theo một lối mòn, lấp nội dung bài học mới vào một khung cũ tạo ra sự nhàm chán, không kích thích hứng thú học tập cho HS.

Bên cạnh đó, chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng học tập ở HS lớp 5 bằng phiếu khảo sát, được trình bày dưới bảng sau:

**Bảng 1.2. Khảo sát thực trạng học của HS lớp 5**

<b>Stt</b>	<b>Câu hỏi</b>	<b>Phương án lựa chọn</b>	<b>Mức độ</b>
1	Em có thích các giờ học Tiếng Việt không?	A. Rất thích thú B. Thích C. Bình thường D. Không thích	35.3% 43.3% 17.7% 6.7%
2	Lí do em CÓ thích các giờ học Tiếng Việt là gì?	A. Vì nội dung các bài học trong giờ Tiếng Việt rất hay và ý nghĩa. B. Vì kiến thức môn Tiếng Việt dễ tiếp thu hơn các môn khác. C. Vì GV có phương pháp dạy tốt, gây được hứng thú học tập cho HS, HS được tham gia vào nhiều hoạt động học tập phong phú.	45.0% 38.1% 16.9%
3	Lí do em cảm thấy BÌNH THƯỜNG hoặc KHÔNG thích các giờ học Tiếng Việt là gì?	A. Vì nội dung kiến thức môn Tiếng Việt khó tiếp thu hơn các môn khác. B. Vì phải ghi chép nhiều. C. Vì PPDH của GV không gây được hứng thú học tập cho HS, các bài đều có cách dạy như nhau dễ nhàm chán.	31.3% 21.9% 46.8%
4	Trong giờ Tiếng Việt, GV thường tổ chức cho HS tham gia các hình thức, hoạt động nào sau đây?	A. Làm việc độc lập. B. Được làm việc nhóm, thảo luận, trao đổi ý kiến. C. Được tham gia vào các trò chơi học tập. D. Được đóng vai, diễn kịch. E. Được đi tham quan, trải nghiệm thực tế.	24.0% 55.3% 13.3% 7.3% 0%

Qua khảo sát HS về thực trạng học TV ở lớp 5, chúng tôi nhận thấy rằng: 118 HS trong tổng số 150 HS được hỏi có thích giờ học Tiếng Việt không đều đưa ra câu trả lời *Rất thích* hoặc *Thích*, chiếm khoảng 78.6%. Lí do HS thích vì các em cho rằng trong giờ Tiếng Việt có những bài đọc, câu chuyện rất hay và ý nghĩa; nội dung kiến thức môn Tiếng Việt dễ tiếp thu hơn các môn khác. Những HS được học trong giờ mà GV có vận dụng HĐTN vào DHTV cảm thấy rất thích thú và say mê học tập. HĐTN đã mang lại hứng thú học tập cho các em, giúp các em huy động được tri thức nền, vốn sống cá nhân, thứ mà luôn tồn tại sẵn trong các em nhưng chưa có cơ hội bộc lộ, nay được GV tạo điều kiện chia sẻ giúp các em cảm thấy tự tin vào bản thân và thêm yêu thích môn Tiếng Việt. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng HS trả lời không thích hoặc cảm thấy bình thường với môn Tiếng Việt với các lí do: nội dung môn học khó tiếp thu, phải ghi chép nhiều và chưa GV được tổ chức các hoạt động phù hợp. Phần lớn trong số này chọn hình thức tham gia hoạt động trong giờ Tiếng Việt là làm việc độc lập.

Chúng tôi nhận thấy HS luôn có mong muốn được khám phá tri thức bằng trải nghiệm cá nhân, tự do sáng tạo trong môi trường học tập trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức. Tuy nhiên, vì hạn chế về cách thức tổ chức dạy học của GV cũng như những điều kiện khách quan để tổ chức HĐTN trong DHTV khiến giờ dạy Tiếng Việt chưa thực sự đạt hiệu quả cao.



## Tiểu kết chương 1

Qua nghiên cứu cơ sở khoa học của HĐTN trong dạy học Chủ điểm *Nhớ nguồn* ở SGK TV5 (tập hai), chúng tôi có thể khẳng định: HĐTN phù hợp với yêu cầu đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực người học, lấy người học làm trung tâm, hơn thế nữa HĐTN còn phù hợp với DHTV ở tiểu học nói chung và trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* nói riêng vì những đặc trưng môn học của nó.

Về mặt cơ sở lí luận, luận văn đã đi sâu tìm hiểu, phân tích, tổng hợp, góp phần làm rõ thêm: các khái niệm, đặc điểm HĐTN. Từ các mô hình HĐTN của các tác giả khái quát thành cấu trúc HĐTN phục vụ cho luận văn; làm rõ hoạt động học tập và bản chất của hoạt động học thông qua trải nghiệm; có sự phân biệt HĐTN với hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục. Trên những nền tảng đó xây dựng được cơ sở tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* ở SGK TV5 (tập hai).

Về mặt cơ sở thực tiễn, qua việc khảo sát thực trạng dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn*, chúng tôi nhận thấy rằng hầu hết các GV đã nhận thức được ý nghĩa, vai trò của HĐTN trong DHTV nói chung và dạy học các bài trong chủ điểm này nói riêng. Tuy nhiên còn tồn tại không ít những khó khăn từ nhận thức HĐTN như một hoạt động ngoài giờ học, ngoài lớp học tới việc đã tổ chức được các giờ học có sự vận dụng PP và HTTC dạy học mới tuy nhiên còn mang tính hình thức và đánh giá một cách phiến diện. HS không hứng thú trong việc tiếp thu kiến thức hàn lâm, sách vở và nếu có được sự thay đổi trong giờ học thì cũng chưa mang lại hiệu quả cao. Chương trình và SGK có sự thay đổi lớn tác động vào việc dạy và học, mang lại những thách thức không nhỏ cho cả GV và HS. Kết quả chỉ ra những thuận lợi và khó khăn này sẽ là cơ sở để chúng tôi phát huy cũng như khắc phục để vận dụng HĐTN vào dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*.

## CHƯƠNG 2

### TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC CHỦ ĐIỂM NHỚ NGUỒN Ở SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5 (TẬP HAI)

#### 2.1. Các yêu cầu trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* ở sách giáo khoa Tiếng Việt (tập hai)

##### 2.1.1. Yêu cầu đảm bảo mục tiêu môn học, bài học.

Chương trình GDPT môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/T-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) đã nêu mục tiêu chung và mục tiêu của từng cấp học. Trong đó, mục tiêu chung của môn Ngữ văn được xác định gồm 2 mục tiêu lớn giúp hình thành và phát triển những năng lực và phẩm chất cho HS. Nó được cụ thể hoá thành mục tiêu của ba cấp học để phù hợp với đặc điểm tâm lí và trình độ nhận thức của từng lứa tuổi HS. Đối với môn Tiếng Việt ở tiểu học, mục tiêu chung được triển khai thành 2 mục tiêu cụ thể như sau: “*a) Giúp HS hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh. b) Giúp HS bước đầu hình thành các năng lực chung; phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng, nghe hiểu ý kiến người nói. Phát triển năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; nhận biết vẻ đẹp của ngôn từ nghệ thuật; có trí tưởng tượng, hiểu và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học” [6, tr5-6].*

Mục tiêu trên đã nêu rõ hai yêu cầu phẩm chất và năng lực cần đạt. Cả hai yêu cầu này đều được thực hiện bằng con đường tiếp nhận, tạo lập văn bản. Điều

này chi phối PPDH của môn học phải được lựa chọn theo con đường tổ chức cho HS hoạt động. Song hành với hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản, HS cần được trải nghiệm thông qua các hình thức khác nhau. Bên cạnh đó, mục tiêu chung của HĐTN được xác định: *“HĐTN nhằm hình thành và phát triển phẩm chất nhân cách, các năng lực tâm lí – xã hội...; giúp HS tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình, làm tiền đề cho mỗi cá nhân tạo dựng được sự nghiệp và cuộc sống hạnh phúc sau này”* [11, tr36]. Ở bậc Tiểu học, mục tiêu của HĐTN được làm rõ: *“HĐTN nhằm hình thành những thói quen tự phục vụ, kĩ năng học tập, kĩ năng giao tiếp cơ bản; bắt đầu có các kĩ năng xã hội để tham gia hoạt động xã hội”* [11, tr37]. Căn cứ vào mục tiêu môn TV ở tiểu học và mục tiêu HĐTN ở tiểu học, GV xây dựng và tổ chức các HĐTN phù hợp với cả 2 mục tiêu, vừa nhằm đảm bảo tính thống nhất của chương trình vừa phát huy được vai trò của HĐTN trong DHTV.

HĐTN trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* đề ra nguyên tắc không những đảm bảo mục tiêu môn học mà còn phải bám sát mục tiêu các bài học cụ thể. Mục tiêu bài học được xác định từ khâu chuẩn bị giáo án của GV trước khi tiến hành dạy học, vì vậy các HĐTN áp dụng vào giờ dạy phải chú ý đến tính khả thi của đầu ra bài học. Tùy từng bài dạy Tập đọc, TLV hay Kể chuyện mà GV thiết kế các HĐTN cho phù hợp với mục tiêu chung của môn học cũng như mục tiêu cụ thể bài học. Các bài học cụ thể trong chủ điểm *Nhớ nguồn* có nhiệm vụ hình thành cho HS những kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua các bài học, bài đọc. Mặt khác, phát triển ở các em tình cảm, thái độ trân trọng những giá trị truyền thống của cội nguồn dân tộc. Để tổ chức HĐTN hiệu quả, GV cần chú ý tới việc xác định NDDH hợp lí; đảm bảo tổ chức cho HS trải nghiệm và chia sẻ kết quả không chiếm nhiều thời gian mà vẫn đảm bảo HS tiếp thu được những kiến thức, kĩ năng quan trọng của môn học, bài học.

### ***2.1.2. Yêu cầu đảm bảo có sự kết hợp với các hoạt động khác***

HĐDH nói chung và DHTV nói riêng chính là sự tổng hòa, kết hợp giữa các hoạt động cụ thể nhằm hình thành kiến thức và phát triển phẩm chất, năng lực người học. Trong dạy học, không có một hoạt động nào là toàn năng vì chúng có những

đặc điểm, bản chất riêng phù hợp với việc chiếm lĩnh từng nội dung kiến thức; giúp hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực khác nhau. Tổ chức HĐTN trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*, GV cần xem xét kết hợp HĐTN với các hoạt động khác nhằm phát huy tối đa hiệu quả của HĐTN cũng như tận dụng triệt để sự hỗ trợ từ những hoạt động đó. Việc kết hợp các hoạt động này cần phải căn cứ vào đặc điểm và nội dung từng bài học hoặc kiểu bài đặc thù. Ví dụ, hoạt động tìm hiểu bài trong giờ Tập đọc yêu cầu HS vận dụng tri thức nền, tái hiện kiến thức trong bài đọc hay huy động kinh nghiệm sẵn có để giải quyết các câu hỏi và rút ra được tri thức bài học; điều này khác hẳn với tổ chức các hoạt động trong giờ TLV hay giờ Kể chuyện. Vì vậy, quá trình này lưu ý GV cần lựa chọn những hoạt động phù hợp để cùng phối kết hợp với HĐTN, một mặt giúp HS chủ động, hứng thú trong HĐTN, chiếm lĩnh kiến thức mặt khác khi HS được tham gia vào nhiều hoạt động thì các phẩm chất, năng lực dần được hoàn thiện hơn.

### ***2.1.3. Yêu cầu đảm bảo có sự đa dạng các phương pháp, hình thức hoạt động***

Thực trạng sử dụng lặp đi lặp lại một PPDH ở nhiều bài học, hoặc kết hợp nhiều PPDH nhưng không đạt hiệu quả cao trong giờ học dẫn đến sự nhàm chán, không kích thích được hứng thú học tập của HS xuất hiện khá phổ biến trong các giờ dạy Tiếng Việt hiện nay. Nội dung giáo dục theo định hướng phát triển năng lực đòi hỏi PPDH cần được tổ chức theo hướng tích cực hoá hoạt động của HS. Bản chất của PPDH này là tổ chức hoạt động học dựa trên sự tìm tòi, nghiên cứu; HS chiếm lĩnh được kiến thức, kĩ năng dựa trên các HĐTN và tư duy khoa học.

DHTV cần sự kết hợp đa dạng các phương pháp, hình thức hoạt động, đặc biệt là các PPDH tích cực, hiện đại. Việc kết hợp này khiến HS được cuốn hút vào các hoạt động học tập do GV tổ chức và hướng dẫn, thông qua đó HS tự lực khám phá những những điều mình chưa rõ chứ không thụ động tiếp thu những tri thức đã được GV lên kế hoạch. Đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, HS được trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết vấn đề theo cách tư duy suy nghĩ của mình, từ đó làm chủ được kiến thức, kĩ năng mới, vừa nắm được phương pháp chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng đó, không rập khuôn cứng nhắc, vừa được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo.

Xét theo không gian học tập, HĐTN tồn tại dưới hai hình thức: HĐTN trong

lớp học (thể hiện trong khâu tổ chức dạy học ngay tại lớp học) và HĐTN ngoài lớp học (có thể là ngoài sân trường, môi trường xung quanh, tham quan trang trại, khu sản xuất...). Việc mở rộng không gian học tập để HS được trải nghiệm bài học giúp các em có sự quan sát trực tiếp về đối tượng, sự vật hơn là học qua sách vở; cũng từ thực tế HS được bộc lộ những điểm mạnh của mình trong quan sát, tìm hiểu và thể hiện thái độ phù hợp với thế giới xung quanh để kết nối với kiến thức bài học qua đó hình thành những kinh nghiệm riêng cho bản thân.

Vận dụng vào dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*, GV cần đa dạng hoá các phương pháp và HTTC của HĐTN như: tăng cường các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm cho HS, tổ chức các trò chơi học tập phù hợp với bài học, cho HS thâm nhập, đóng vai, diễn kịch một cách sáng tạo, cùng giải quyết một tình huống có vấn đề, tham gia các dự án học tập... Có như vậy, việc truyền tải và tiếp thu kiến thức giữa GV với HS mới trở nên đơn giản, linh hoạt và hiệu quả hơn. Nói một cách khác, nhờ sự đa dạng hoá các phương pháp và HTTC HĐTN, dạy và học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* giúp GV quan sát, đánh giá được nhận thức, năng lực của HS, giúp HS chủ động hơn khi chiếm lĩnh tri thức.

#### **2.1.4. Yêu cầu đảm bảo hoạt động phù hợp với đối tượng HS**

Môn Tiếng Việt không chỉ cung cấp cho người học kiến thức về Văn học và Tiếng Việt mà thông qua các bài đọc, bài học, HS còn được bồi đắp kiến thức thuộc các mảng lịch sử, văn hoá, tự nhiên – xã hội. Do đó, HĐTN trong DHTV có vai trò hết sức quan trọng trong việc giúp HS nâng cao khả năng cảm thụ văn học, hiểu biết tiếng Việt và nhận thức về thế giới xung quanh. Sự kết hợp giữa dạy học kiến thức sách vở với kiến thức thực tế thông qua HĐTN chính là nền tảng giúp HS phát triển trí tuệ vững chắc. Để HĐTN phát huy được hết vai trò của nó, GV cần lựa chọn và tổ chức các hoạt động phù hợp với đối tượng HS, trong đó quan tâm tới các yếu tố như: hứng thú, nhu cầu, trình độ của HS (đặc biệt là hứng thú của HS).

Hứng thú là một thuộc tính tâm lí – nhân cách của con người; nó có vai trò quan trọng trong học tập và làm việc, dưới sự tác động của hứng thú, con người làm việc trở nên hiệu quả hơn. Nhờ hứng thú, sự sáng tạo vốn tiềm tàng sẵn có trong mỗi HS được khơi dậy, tạo động lực cho khả năng năng tìm kiếm tri thức, giải quyết vấn đề.

Bản chất của việc dạy học là truyền cảm hứng và đánh thức khả năng tự học của người học. Một giờ dạy được đánh giá là hiệu quả không chỉ dựa vào biểu hiện của người GV trong việc hứng thú và nỗ lực hết mình để truyền đạt kiến thức mà còn phải xem xét liệu họ đã truyền được cảm hứng cho HS, các em có thấy được cái hay, thú vị, giá trị thực mà tri thức đem lại hay không. Người học chỉ tự giác, tích cực học tập khi họ cảm thấy hứng thú. Hứng thú không có tính tự thân, không tự nhiên nảy sinh và khi đã nảy sinh nếu không duy trì, nuôi dưỡng cũng có thể bị mất đi. Hứng thú được hình thành, duy trì và phát triển nhờ môi trường giáo dục với vai trò dẫn dắt, hướng dẫn, tổ chức của GV. Lúc này, GV là người có vai trò quyết định trong việc phát hiện, hình thành, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

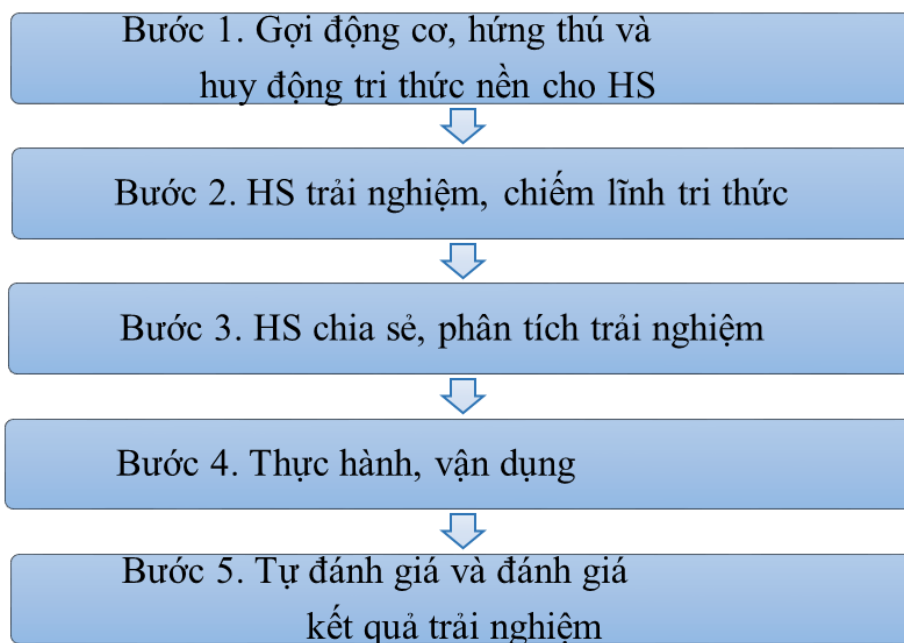
Bên cạnh đó, việc tác động vào một trong năm thành tố của quá trình dạy học là phương pháp và HTTC dạy học là một biện pháp quan trọng nhằm tạo ra hứng thú học tập cho HS. Không phải kiến thức của bài học nào cũng dễ dàng tiếp thu được, vì vậy tùy từng bài học, nội dung hay hoạt động cụ thể mà GV cần lựa chọn những phương pháp và hình thức phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của việc tổ chức HĐTN giúp kích thích và duy trì được hứng thú học tập trong suốt quá trình dạy học. Hứng thú trong học tập cần được khơi dậy ngay từ hoạt động đầu tiên của bài học: HS được tự do “hòa mình” vào trong một nội dung mới mẻ, đầy kích thích sự tìm tòi về bài học. Trong suốt quá trình đó, HS liên tục được duy trì và bồi đắp hứng thú thông qua trải nghiệm, khám phá và khai thác những điều lí thú của bài học.

Tính vừa sức trong dạy học là nguyên tắc được đặt lên hàng đầu, đảm bảo những yêu cầu, nhiệm vụ học tập đề ra phải phù hợp với trình độ nhận thức của HS để các em hoàn thành với sự nỗ lực cao nhất về cả trí tuệ lẫn thể lực. GV phải chú ý tới việc thiết kế HĐTN có thể đánh giá, phân loại đúng khả năng của từng em. Tránh tình trạng nội dung hoạt động quá dễ dẫn hoặc quá khó với HS, không tạo được cơ hội để các em phát huy hết năng lực của mình. Tính vừa sức còn chú trọng tới việc xem xét nhu cầu học của người học. Điều này yêu cầu ở GV phải có khả năng theo dõi, nắm bắt tâm lí cũng như nguyện vọng của HS để từ đó có kế hoạch tổ chức HĐTN trong dạy học các bài cho phù hợp.

## **2.2. Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai)**

Trong DHTV, phần lớn NDDH được thiết kế theo nguyên tắc học cái mới

dựa trên cơ sở cái HS đã biết. Điều này hỗ trợ các em huy động kinh nghiệm của bản thân và của nhóm để tiếp cận cũng như hình thành kiến thức, kỹ năng mới. Trên cơ sở tiếp nhận cái mới, HS được vận dụng kiến thức, kỹ năng mới vào giải quyết những nhiệm vụ các em thường gặp trong cuộc sống, trong học tập. Để tổ chức HĐTN trong dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn, chúng tôi đề ra quy trình 5 bước sau đây:



*Bước 1: Gọi động cơ, hứng thú và huy động tri thức nền cho HS*

Khi bắt đầu một bài học, một chủ đề mới GV cần tạo được không khí thoải mái, lôi cuốn được sự chú ý, kích thích hứng thú HS đồng thời giúp các em bộc lộ, chia sẻ được những kinh nghiệm, vốn sống liên quan đến nội dung bài học. Ở bước này, GV cũng nắm được xuất phát điểm của từng HS để từ đó có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp trong quá trình thực hiện các bước tiếp theo.

Động cơ, hứng thú học tập ở HS chỉ xuất hiện và trở thành đòn bẩy cho các hoạt động tiếp theo khi nó được kích thích bởi một hoạt động gây hứng thú nào đó. Trong DHTV ở tiểu học, GV cần chú trọng đến hoạt động mở đầu một bài học hoặc mở đầu bài học đầu tiên của một chủ điểm mới có thể bằng nhiều HTTC hoạt động khác nhau. Tuy nhiên dù dưới hình thức nào thì hoạt động gọi động cơ, tạo hứng

thú phải cùng hướng đến mục tiêu chung là lôi cuốn được sự chú ý, truyền cảm hứng về chủ đề bài học cho HS. Hiện nay, vẫn còn một số giờ dạy Tiếng Việt khiến HS cảm thấy không hề có sự bắt nhịp với GV ngay từ đầu bài học. Điều này khiến chúng tôi càng tin tưởng rằng nếu như trước khi bắt đầu bài học GV có bước tìm hiểu đặc tính tâm lí HS từ đó xây dựng được các hoạt động cụ thể nhằm kích thích động cơ, hứng thú người học thì giờ dạy TV sẽ trở nên nhẹ nhàng hơn bao giờ hết.

Cùng với việc tạo động cơ, hứng thú người học, GV tạo điều kiện cho HS được huy động tri thức nền để góp phần thực hiện hiệu quả bài học. Tri thức nền là cái đã có sẵn, vốn sống của HS về một vấn đề nào đó. Tuy nhiên cần có cơ hội để đưa chúng ra ngoài, kết hợp với tri thức trải nghiệm để cùng tìm hiểu các vấn đề lớn hơn trong cuộc sống thực tiễn. Có rất nhiều cách để tạo hứng thú học tập và huy động tri thức nền cho HS như: tổ chức chơi trò chơi; chia sẻ suy nghĩ cảm nhận về tên chủ điểm, tên bài, một đoạn thơ, câu nói... có nội dung liên quan đến chủ đề bài học; sử dụng câu hỏi, câu đố; hát, vẽ, múa theo chủ đề.

**\*Ví dụ:** Đối với bài Tập đọc *Phong cảnh đền Hùng*, cũng giống như việc mở đầu các bài Tập đọc đầu tiên của một chủ điểm nào đó, GV cần đưa HS vào một vấn đề mới một cách lôi cuốn, chuyển từ nội dung này sang nội dung khác thật khéo léo, nhẹ nhàng khiến HS cảm thấy cuốn hút nhưng cũng rất tự nhiên. Những biện pháp hiệu quả gây được hứng thú người học kết hợp với việc huy động được tri thức nền của HS thường được sử dụng như: trò chơi học tập, trò chơi giải trí, cho HS cảm nhận, cảm nghĩ, trao đổi, thảo luận về một vấn đề nào đó liên quan đến bài học... GV đọc hoặc trình chiếu đoạn thơ dưới đây và cho HS nêu suy nghĩ của bản thân về điều các em cảm nhận được:

*“Cây có gốc mới tỏa cành xanh ngọn  
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu  
Người ta nguồn gốc ở đâu  
Có tổ tiên trước rồi sau có mình”*

Qua những câu thơ thấm đượm tình cảm biết ơn, kính trọng tổ tiên, nguồn cội, HS có cơ hội chia sẻ, bộc lộ cảm xúc cá nhân về vai trò, giá trị của thế hệ trẻ trong thời đại mới đối với gia đình và xã hội. Trong quá trình các em suy nghĩ và



chia sẻ, GV có thể hỗ trợ các em bằng những câu hỏi định hướng, giúp các em thể hiện được suy nghĩ của mình

<b>Hỗ trợ của GV</b>	<b>Chia sẻ của HS</b>
(HS tự cảm nhận trước khi có sự hỗ trợ của GV)	- Đoạn thơ nói về cội nguồn của con người. - Đoạn thơ nhắc nhở chúng ta phải biết nhớ ơn nguồn cội, tổ tiên.
Tác giả đã lấy hình ảnh nào để ví với tổ tiên của chúng ta?	- Như gốc của cây, như nguồn của nước làm cho tỏa cành, xanh ngọn, bề rộng, sông sâu.
Em đã làm gì có ý nghĩa để thể hiện lòng biết ơn tổ tiên của mình?	- Em đã cố gắng học tập thật tốt để báo công với tổ tiên ông bà mỗi dịp giỗ tổ.
Em được dạy dỗ phải biết kính trọng tổ tiên, nguồn cội của mình như thế nào?	- Ông bà dạy em phải biết nhớ về quê hương, nguồn cội của mình. Nếu có dịp về quê, em lại được bố mẹ cho đến nhà thờ họ để thắp hương tưởng nhớ tổ tiên, hay mỗi dịp giỗ tổ bố lại cho em về dự.
Cảm xúc của em khi nhắc nhớ đến nguồn cội, tổ tiên?	- Em cảm thấy thực sự xúc động, rất tự hào và biết ơn.

Hoặc khi cần huy động tri thức nền trong giờ Kể chuyện *Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia* (HS được chọn một trong hai đề là Kể một câu chuyện mà em biết trong cuộc sống nói lên truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt Nam ta / Kể một kỉ niệm về thầy giáo hoặc cô giáo của em, qua đó thể hiện lòng biết ơn của em với thầy cô), GV có thể tổ chức một trò chơi học tập nhằm giúp HS bớt căng thẳng đồng thời đưa các em vào bài học thật thú vị như:

- Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm có nhiệm vụ lần lượt phải tìm và hát được một đoạn hoặc cả bài hát nói về thầy cô hoặc truyền thống tôn sư trọng đạo.

- Luật chơi quy định: Nhóm nào thực hiện đúng yêu cầu ở lượt chơi của mình được tính 1 điểm, nhóm nào không thực hiện được không tính điểm. Nhóm tìm được nhiều hơn nhóm đó sẽ là nhóm thắng cuộc. Khi được tham gia trò chơi, sẽ

cảm thấy hứng khởi và cùng đua tranh nhau tìm ra cũng như thể hiện bài hát đó trước lớp.

- Sau khi cho HS chơi trò chơi, GV giúp HS nêu ra ý nghĩa chung của những bài hát đó; sau đó cần tổng kết trò chơi và tìm ra đội thắng cuộc. Việc tổ chức các hoạt động này một mặt giúp HS có tâm thế vui vẻ, thoải mái mặt khác giúp tổng hợp lại, xác định rõ trong nhận thức của các em về vấn đề đang được nói đến là người thầy và truyền thống tôn sư trọng đạo.

#### *Bước 2: HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức*

HS trực tiếp được “thả, nhúng” mình vào vấn đề đang được quan tâm, cần phải giải quyết của bài học. GV sử dụng các PP và HTTC dạy học phù hợp nhằm giúp đỡ, hướng dẫn HS trải nghiệm từ đó giúp các em chủ động chiếm lĩnh tri thức, hình thành những kỹ năng, năng lực.

Hoạt động cho HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức là một hoạt động trọng tâm của một giờ dạy Tiếng Việt. Các thao tác trong hoạt động này đều nhằm giúp HS tự thân trải nghiệm, tìm hiểu bài học, làm chủ tri thức vừa trải nghiệm được, phát triển ở các em những năng lực chung như giải quyết vấn đề, tự học tự nghiên cứu và những năng lực đặc thù của môn học. Chúng tôi xác định hoạt động cho HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức có mặt ở tất cả các bài học thuộc các phân môn khác nhau. Tuy nhiên, tùy vào từng giờ dạy mà GV thiết kế các bước, thao tác cho phù hợp với đặc thù của từng phân môn. Trong giới hạn của luận văn này, chúng tôi quan tâm tới HĐTN trong dạy học các bài thuộc phân môn Tập đọc, Kể chuyện, TLV của chủ điểm *Nhớ nguồn*, do đó chúng tôi chú trọng tới hoạt động cho HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức ở các giờ dạy thuộc 3 phân môn này như sau:

#### *- HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức trong giờ Tập đọc*

Hoạt động cho HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức trong giờ Tập đọc thực chất là HĐTN, chiếm lĩnh tri thức trong việc tiếp nhận văn bản. Cùng với năng lực tạo lập (sản sinh) văn bản thì năng lực tiếp nhận văn bản là một năng lực quan trọng, cần hình thành và phát triển trong DHTV. Nó bao gồm khả năng nghe – hiểu và đọc – hiểu, đại diện ở giờ Kể chuyện và giờ Tập đọc. Như vậy, giờ Tập đọc đạt hiệu quả thực sự khi HS tiếp nhận được văn bản, thể hiện qua kỹ năng đọc – hiểu. Đây là kỹ năng cơ bản và

quan trọng, có ảnh hưởng lớn đối với việc học môn Tiếng Việt và những môn học khác; có tác động tích cực tới cuộc sống sau này của HS. Việc HS tiếp nhận, lĩnh hội thông tin qua văn bản cần được rèn giũa theo thời gian, hình thành thói quen đọc và phương pháp lĩnh hội thông tin qua hoạt động đọc. Mỗi bài đọc là một thông điệp, giá trị cuộc sống mà tác giả muốn gửi gắm, HS có nhiệm vụ tìm ra nội dung đó dưới sự hướng dẫn của GV. Tổ chức cho các em được trải nghiệm trong giờ Tập đọc hay nói một cách khác việc tiếp nhận văn bản để phát triển các năng lực đọc – hiểu chính là một bước quan trọng trong việc hình thành năng lực đọc ở HS.

Yêu cầu cần đạt đối với dạy đọc ở lớp 5 là việc chú trọng cho HS kỹ năng ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. Đối với ngữ liệu đọc thuộc kiểu loại văn bản văn học, yêu cầu HS nhận biết được các chi tiết tiêu biểu trong bài và chỉ ra mối liên hệ giữa chúng; hiểu chủ đề của văn bản, hiểu được các nội dung thuộc về hình thức nghệ thuật như các biện pháp so sánh, nhân hoá có trong văn bản, từ đó biết liên hệ, so sánh, kết nối với thực tiễn đời sống. Vì vậy, hoạt động HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức trong các bài Tập đọc thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* có thể đa dạng các HTTC.

+ Thảo luận, làm việc nhóm để hoàn thành những yêu cầu hay phiếu học tập đối với hoạt động luyện đọc.

+ Từ đọc diễn cảm, đọc phân vai đến hình thức cần sự đầu tư như đóng vai hoặc sân khấu hoá tác phẩm.

+ Chia sẻ cảm nhận, ấn tượng ban đầu của bản thân đối với hoạt động khơi gợi sau khi đọc văn bản.

+ Tham gia các trò chơi học tập theo nhóm, hoạt động phỏng vấn và trả lời phỏng vấn trả lời các câu hỏi chứa đựng nội dung bài đọc đối với hoạt động tìm hiểu bài;

+ Đưa ra những ý kiến, quan điểm cá nhân về một vấn đề trong bài học, tạo cơ hội cho các em có khả năng tự phán đoán, suy nghĩ, phản biện đối với hoạt động phản hồi, tương tác sau khi đọc.

*- HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức trong giờ TLV*

Hoạt động cho HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức trong giờ TLV chính là HĐTN, chiếm lĩnh trong việc tạo lập văn bản, thể hiện qua kỹ năng viết. Để đánh

giá một giờ TLV hiệu quả, GV phải chú ý tới các tiêu chí kỹ thuật viết, thực hành viết, đặc biệt là quy trình viết và viết sáng tạo.

Yêu cầu cần đạt về Viết đối với HS lớp 5 chú trọng tới quy trình viết theo các bước. HS biết xác định mục đích và nội dung viết (viết để làm gì, về cái gì); quan sát và tìm tư liệu; hình thành ý chính, lập dàn ý cho bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả). Bên cạnh đó, bài viết phải thể hiện rõ ràng, mạch lạc chủ đề, thông tin chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn liên kết với nhau.

Tổ chức cho HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức trong giờ TLV *Tập viết đoạn đối thoại*, GV cần:

+ Tìm hiểu trước và lựa chọn được những bộ phim, tập phim nói về Thái sư Trần Thủ Độ; đặc biệt cần tìm hiểu kỹ về nguồn phim, chất lượng và dung lượng phim. Phim tài liệu rất đa dạng, tuy nhiên để tái hiện lại nhân vật lịch sử một cách chân thực và bắt mắt nhất thì nên sử dụng những bộ phim tài liệu lịch sử được Đài truyền hình Việt Nam sản xuất và công chiếu trên kênh VTV1 (có thể tham khảo các tập phim *Tính cách cương trực, công minh của Thái sư Trần Thủ Độ; Trần Thủ Độ và việc giữ vững kỷ cương, pháp luật nhà Trần – phần 1,2* ở <https://vtv.vn/truyen-hinh-truc-tuyen/vtv1/hao-khi-ngan-nam>). Đây là chương trình tái hiện lại những câu chuyện, nhân vật có thật trong lịch sử Việt Nam từ thời đầu dựng nước và giữ nước đến giai đoạn sau này. Phim được thiết kế dưới dạng phim hoạt hình nên khá sinh động và hấp dẫn, phù hợp với tâm lý đón nhận của HS đồng thời phản ánh lịch sử một cách chân thật.

+ Cho HS quan sát phim truyện về thái sư Trần Thủ Độ để các em có được hình dung về bối cảnh, nhân vật, lời thoại.

+ HS thảo luận về những gì mình được xem, những gì mình sẽ phải thực hiện thông qua đặc điểm nhân vật và bối cảnh.

+ Lập dàn ý/ vạch ra các ý chính định triển khai khi viết lời thoại hoàn thành màn kịch;

- *HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức trong giờ Kể chuyện*

Giờ Kể chuyện ở tiểu học đáp ứng nhu cầu được nghe kể chuyện ở trẻ em, phát triển ngôn ngữ, góp phần hình thành và phát triển kỹ năng nói và nghe, đặc biệt

là nói nghe tương tác, đồng thời phát triển tư duy và bồi dưỡng tâm hồn, làm giàu vốn sống và vốn văn học cho HS.

Vì vậy, nhằm giúp HS có những trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức, GV cần lưu ý tới một số yêu cầu đặt ra với người nói, người nghe trong giờ Kể chuyện: Người nói phải biết điều chỉnh được lời nói cho phù hợp, chú ý tới cách trình bày, thái độ tự tin và sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp; sử dụng được các phương tiện hỗ trợ để tăng hiệu quả biểu đạt; dựa trên lời gợi ý để giới thiệu. Người nghe biết vừa nghe vừa ghi nội dung từ ý kiến người khác; nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói thuyết phục người nghe. Bên cạnh đó, để đánh giá hoạt động nói và nghe hiệu quả cần chú trọng tới sự tương tác nói nghe hoặc nói nghe tương tác. Đây là một trong những điểm mới đáng chú ý của chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018, yêu cầu HS phải biết thảo luận về vấn đề có ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại; biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận và có thái độ lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược.

Đối với bài Kể chuyện *Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia* trong chủ điểm Nhớ nguồn, GV tổ chức cho HS trải nghiệm bằng cách:

- + Cho làm việc nhóm để thảo luận, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân, những điều các em đã chứng kiến đã tham gia.
- + HS được so sánh, đối chiếu chia sẻ của bản thân với chia sẻ của bạn cùng nhóm.
- + Thâm nhập suy nghĩ, đặt mình vào chính vị trí của các bạn để cảm nhận được những câu chuyện.

*Bước 3: HS chia sẻ, phân tích trải nghiệm*

GV tổ chức cho HS chia sẻ kết quả trải nghiệm và chiếm lĩnh tri thức ở bước 2. Sau khi chia sẻ, GV và HS cùng phân tích đưa đến những kết luận nội dung đã trải nghiệm.

Bằng những trải nghiệm, tri thức vừa chiếm lĩnh được của HS, GV tổ chức hoạt động cho các em được chia sẻ và phân tích về những điều này. Những trải nghiệm của HS nếu không được thể hiện ra bên ngoài thì chúng chỉ thuộc về cá nhân hoặc nhóm nhỏ và tồn tại ở dạng chưa xác định được độ đúng, sai. Vì vậy, hoạt động này giúp các em có cơ hội chia sẻ với thầy cô, bạn bè và những người xung quanh để cùng phân tích, làm sáng tỏ tri thức.

Đối với bất cứ giờ dạy nào, sau khi trải nghiệm, HS cần có cơ hội bộc lộ quan điểm, suy nghĩ của bản thân về những vấn đề trong bài học. Qua chia sẻ này, GV cũng đánh giá được khả năng của các em trong việc lựa chọn cách thức trải nghiệm và tự chiếm lĩnh tri thức; khả năng nhìn nhận, phân tích và giải quyết vấn đề để tìm ra đáp số chung cho bài học.

#### *Bước 4: Thực hành, vận dụng*

Ở bước này, HS áp dụng, chuyển hoá tri thức đã chiếm lĩnh được vào thực hành các bài tập, tình huống có tính thực tiễn.

Hoạt động thực hành, vận dụng trong DHTV không chỉ là việc giải các bài tập sau khi hoàn việc tìm hiểu kiến thức mà nó còn là sự vận dụng sự kết quả trải nghiệm vào các tình huống thực tế trong đời sống. GV cũng kiểm tra được tính khả thi về những trải nghiệm, tri thức mà HS chia sẻ trước đó, đồng thời đánh giá được sự vận dụng linh hoạt của HS vào từng bài tập, tình huống hoặc trường hợp cụ thể.

#### *Bước 5: Tự đánh giá và đánh giá kết quả trải nghiệm*

GV tổ chức cho HS được tự đánh giá bản thân và HS đánh giá lẫn nhau về kết quả trải nghiệm dựa trên tiêu chí thống nhất; GV có sự đánh giá khách quan về quá trình HĐTN của từng HS, nhóm HS.

Sau mỗi bài học cụ thể, hoạt động tự đánh giá và đánh giá kết quả trải nghiệm được thực hiện nhằm hiển thị kết quả của người học qua những thông số nhất định. Đánh giá dạy học theo chương trình hiện hành phụ thuộc vào sự đánh giá sản phẩm, cho điểm HS. Tuy nhiên, theo chương trình GDPT năm 2018, việc tổ chức kiểm tra, đánh giá ngoài việc đánh giá của GV còn có sự tham gia từ phía HS (HS được tự đánh giá bản thân, HS đánh giá HS). Bên cạnh đó, việc đánh giá của GV còn được đa dạng hình thức thông qua đánh giá thường xuyên, đánh giá quá trình và đánh giá sản phẩm. Lúc này, việc đánh giá được nhìn nhận theo chiều sâu, bề rộng của một quá trình chứ không chỉ đánh giá ở sản phẩm thu được.

Dạy học thông qua HĐTN còn đánh giá theo năng lực người học. Đánh giá theo năng lực là quá trình thu thập, phân tích và xử lý thông tin, giải thích được thực trạng việc đạt mục tiêu giáo dục, tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra những quyết định sư phạm giúp HS học tập ngày càng tiến bộ. Việc kiểm tra đánh giá khả năng tái hiện kiến thức đã học chỉ là một phương diện trong việc đánh giá HS. Đánh giá theo tiếp

cận năng lực cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Hay nói cách khác, đánh giá theo năng lực là đánh giá kiến thức, kĩ năng và thái độ trong bối cảnh có ý nghĩa.

Hoạt động tự đánh giá và đánh giá kết quả trải nghiệm dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn được đa dạng hoá về nội dung, hình thức, quy trình và tiêu chí đánh giá:

+ Có thể tổ chức cho HS đánh giá lẫn nhau thông qua các tiêu chí trong *Phiếu đánh giá quá trình hoạt động nhóm của HS* và *Phiếu đánh giá sản phẩm và trình bày sản phẩm nhóm* (đối với giờ Kể chuyện *Kể chuyện chứng kiến hoặc tham gia*)

+ Có thể đánh giá từng khâu trong quá trình làm việc của HS để kịp thời khắc phục, sửa chữa những lỗi hay mắc phải ở HS (đánh giá sau mỗi câu trả lời ở phần trả lời câu hỏi đọc hiểu giờ Tập đọc).

### **2.3. Một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai)**

Dựa vào đặc thù môn Tiếng Việt ở tiểu học, đối tượng người học và các điều kiện dạy học cụ thể cũng như nội dung bài học chúng tôi xác định và lựa chọn một số HTTC HĐTN phù hợp với việc dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* ở SGK TV5 (tập hai) dưới đây:

#### **2.3.1. Hình thức trò chơi**

“Trò chơi là một loại hình hoạt động giải trí, thư giãn; là món ăn tinh thần bổ ích và không thể thiếu được trong cuộc sống con người nói chung và đối với thanh thiếu niên HS nói riêng, những trò chơi phù hợp có tác dụng giáo dục tích cực. Trò chơi là HTTC các hoạt động vui chơi với nội dung kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có tác dụng giáo dục “chơi mà học, học mà chơi” [21, tr94].

Trò chơi có mục đích lôi cuốn HS tham gia vào các hoạt động giáo dục một cách tự nhiên. Người học được phát huy khả năng sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, sự chủ động, nhanh nhẹn thông qua hoạt động trò chơi. Những trò chơi phù hợp không chỉ giúp HS có được tâm lí thoải mái, tự tin mà nó còn góp phần làm cho các hoạt động học tập tiếp theo diễn ra nhẹ nhàng, không gò bó, áp lực và mang tính áp đặt.

Căn cứ vào nội dung chơi, trò chơi được chia thành các loại sau: trò chơi học

tập; trò chơi vận động; trò chơi khởi động, dẫn nhập vào nội dung học tập; trò chơi mô phỏng. Phương pháp tổ chức trò chơi có nhiều chức năng như: giáo dục, giao tiếp, văn hoá, giải trí; đó đó, trò chơi mang lại một số ưu điểm trong việc phát triển phẩm chất, năng lực người học. HS được phát triển tốt các nhân cách như tính tập thể, hợp tác, kỉ luật, tự tin; được nâng cao về thể lực, giúp dẻo dai, nhanh nhẹn, hoạt bát trong quá trình vận động chơi trò chơi; dễ tiếp thu nội dung tri thức đồng thời ghi nhớ một cách tự nhiên ấn tượng về tri thức trong trò chơi; có cơ hội tham gia vào mối quan hệ giao tiếp với bạn bè, thầy cô.

Như vậy, trò chơi cũng là một con đường học tập tích cực, thú vị. Nó có tác động to lớn làm thoải mái tinh thần của HS, giúp các em cảm thấy không nhàm chán, mệt mỏi trong quá trình tiếp thu kiến thức.

\* **Ví dụ:** Khi dạy bài Tập đọc *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân* (TV5, tập hai, tr.83-85), GV thiết kế và tổ chức HĐTN phần tìm hiểu bài qua trò chơi “Ai nhanh hơn?”. Một mặt giúp HS giảm bớt căng thẳng, áp lực của hoạt động trước đó. Mặt khác, tạo cho các em cơ hội tìm hiểu nội dung bài đọc trong tâm thế hào hứng, duy trì hứng thú học tập.

- Bước 1: Chuẩn bị trò chơi

+ GV xác định đối tượng và mục đích của trò chơi, cử người quản trò, thông báo kế hoạch chơi, phân công nhiệm vụ cụ thể cho HS.

+ GV chuẩn bị phương tiện để tổ chức trò chơi. Đó là các câu hỏi để HS trả lời, chuông, giấy A4 viết đáp án, sơ đồ về đích, phần thưởng...

+ GV thống nhất công việc với quản trò

- Bước 2: Tiến hành trò chơi

+ GV ổn định tổ chức, bố trí đội hình và treo sơ đồ về đích lên bảng.

+ Quản trò phổ biến các nội dung: tên trò chơi “Ai nhanh hơn?”; chủ đề chơi là tìm hiểu kiến thức trong bài Tập đọc *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*.

+ Quản trò phổ biến cách chơi và luật chơi như sau:

Mỗi nhóm sẽ cử ra 5 bạn đại diện để thực hiện trò chơi. Khi GV đọc xong câu hỏi các, các nhóm nhanh chóng viết đáp án vào giấy A4. Sau một khoảng thời gian nhất định, quản trò sẽ rung chuông báo hết giờ, các nhóm giờ đáp án của mình



lên. Nhóm nào có đáp án đúng và nhanh nhất sẽ được cộng điểm. Nhóm còn lại không được cộng điểm.

Với từng câu hỏi được trả lời, quản trò sẽ đánh dấu vào sơ đồ di chuyển về đích; GV sẽ cung cấp một số kiến thức mở rộng liên quan đến nội dung từng câu hỏi. Trong khi diễn ra trò chơi, quản trò sẽ quan sát kỹ, chính xác để đánh giá thắng thua, các thành viên còn lại trong lớp cổ vũ, động viên các đội chơi.

- Bước 3: Kết thúc trò chơi




+ Đánh giá kết quả trò chơi: Trò chơi kết thúc cũng là lúc các câu hỏi được trả lời, quản trò sẽ tính điểm của các nhóm. Nhóm nào nhiều điểm hơn là nhóm giành chiến thắng và được nhận quà.


+ GV kết luận trò chơi, tổng kết những kiến thức của bài học được rút ra từ trò chơi; rút kinh nghiệm tổ chức trò chơi.




Lưu ý, việc thiết kế câu hỏi và sơ đồ về đích của GV cần kết nối nội dung bài học với trò chơi học tập. Những câu hỏi tập trung khai thác nội dung có trong bài đọc, nên khai thác theo trình tự hoạt động diễn ra lễ hội. Sơ đồ về đích được mở ra chính là quy trình của hội thổi cơm thi ở Đồng Vân. Các em sẽ có sự xâu chuỗi các hoạt động. GV thiết kế khéo léo, bắt mắt để mỗi khi các nhóm HS trả lời đúng, đáp án mở ra sẽ là những bước, thao tác trong quy trình đó.

Dưới đây sơ đồ về đích, hướng dẫn về câu hỏi, đáp án và hình ảnh trong sơ đồ về đích:



<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>	<b>Hình ảnh trong sơ đồ</b>
<p>- GV hỏi: Câu 1: Hội thổi cơm thi ở làng đồng Vân bắt nguồn từ đâu?</p>	<p>- HS trả lời: + Bắt nguồn từ các cuộc trận quân đánh giặc của người Việt cổ bên bờ sông Đáy xưa.</p>	<p>- Sông Đáy</p>  <p>- Làng Đồng Vân thuộc xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Hà Nội. - Sông Đáy là một nhánh của sông Hồng, chảy qua Hà Nội, Hà Nam và Ninh Bình của chúng ta đó.</p>
<p>- GV hỏi: Câu 2: Hội thi bắt đầu bằng việc gì? A. Lấy lửa B. Lấy nước C. Lấy củi</p>	<p>- HS trả lời: Đáp án A</p>	
<p>- GV hỏi: Câu 3. Có mấy đội tham gia hội thi thổi cơm? A. 3 đội B. 4 đội C. 5 đội</p>	<p>- HS trả lời Đáp án B</p>	
<p>- GV hỏi: Câu 4: Việc lấy lửa diễn ra như thế nào? A. 4 thanh niên</p>	<p>- HS trả lời: Đáp án A</p>	<p>- Trèo cây chuối lấy hương</p>

<p>của 4 nhóm trèo lên 4 cây chuối bôi mỡ bóng nhảy để lấy nén hương trên ngọn xuống và dùng 3 que diêm để châm vào hương cho cháy thành ngọn lửa.</p> <p>B. 4 thanh niên của 4 nhóm trèo lên 4 cây chuối bôi mỡ bóng nhảy để lấy nén hương xuống và dùng bao diêm để châm vào hương cho cháy thành ngọn lửa.</p>		
<p>- GV hỏi: Câu 5: Việc của những người còn lại trong đội là gì? A. Vót đũa, xay lúa, giần sàng thành gạo, lấy nước B. Vót đũa, giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước</p>	<p>- HS trả lời: Đáp án B</p>	<p>- Người vót đũa, người giã thóc, người giần sàng thành gạo.</p> 
<p>-GV hỏi: Câu 6: Nồi com được treo như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: +Treo vào đầu cái cần tre cắm rất khéo vào dây lưng của</p>	<p>- Hình ảnh nồi com được treo vào chiếc cần</p>

	<p>người nấu, uốn cong hình cánh cung từ phía sau ra phía trước mặt.</p>	
<p>- GV hỏi: Câu 7: Tiêu chí chấm của ban giám khảo là gì? A. Cơm trắng, cơm dẻo và không sống. B. Cơm trắng, cơm thơm và không có cháy. C. Cơm trắng, cơm dẻo và không có cháy.</p>	<p>-HS trả lời: C. Cơm trắng, cơm dẻo và không có cháy.</p>	<p>- Ban giám khảo chấm cơm</p> 
<p>- GV hỏi: Câu 8: Tại sao nói việc giặt giải trong cuộc thi là “niềm tự hào khó có gì sánh nổi đối với dân làng” ?</p>	<p>- HS trả lời: + Vì giải thưởng chứng minh cho sự nỗ lực, khéo léo, nhanh nhẹn và thông minh của cả tập thể.</p>	

### 2.3.2. Hình thức xem phim truyện, phim tài liệu

Tổ chức HĐTN bằng hình thức xem phim truyện, phim tài liệu là một dạng của trải nghiệm vật chất, là những trải nghiệm “có thể quan sát được”. Từ những điều được nhìn thấy, nghe thấy về hiện tượng tự nhiên, xã hội, khoa học lịch sử hay

những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử, HS có những hình thành ban đầu về sự nhận thức, cảm xúc và thái độ của bản thân với đối tượng.

Phim truyện, phim tài liệu là những phương tiện trực quan được người học tương tác trực tiếp trong một hoàn cảnh tình huống cụ thể. Dạng trải nghiệm này có thể tạo cảm xúc trực tiếp ngay trong thời điểm đang diễn ra HĐTN, để lại ấn tượng mạnh làm xuất hiện các động lực tích cực để hoàn thành nhiệm vụ.

Chức năng chủ yếu của phim tài liệu, phim lịch sử là: chức năng thông tin và báo chí, chức năng giáo dục và nhận thức, chức năng giải trí, thẩm mỹ và giá trị tư liệu lịch sử. Do đó, DHTV bằng cách cho HS trải nghiệm qua hình thức xem phim truyện, phim tài liệu vừa khiến các em thích thú, hào hứng với những nội dung hình ảnh sống động mà quan trọng hơn là các em có sự nhận thức sâu sắc về bài học một cách tự nhiên. Điều này chứng minh rằng việc các em nghe được, đọc được một điều gì đó vẫn không thể hiệu quả bằng việc các em tận mắt chứng kiến và trải nghiệm nó.

Đối với những bài học Tiếng Việt có tính lịch sử, HS khó có thể hình dung được các nhân vật hay những câu chuyện qua sự miêu tả bằng ngôn từ thay vì việc vừa đọc vừa hình dung như trước đây. Do đó, nhờ phim truyện, phim tài liệu các em có những trải nghiệm cụ thể hơn về bối cảnh (không gian, thời gian) và những sự kiện diễn ra xung quanh nhân vật ở một thời điểm cách xa hiện tại rất nhiều năm. Đối với chủ điểm Nhớ nguồn, GV tổ chức HĐTN bằng hình thức xem phim truyện, phim tài liệu vào một số giờ tiêu biểu, có sẵn nguồn phim để đạt hiệu quả cao nhất như: dạy học bài tập đọc Phong cảnh đền Hùng (sử dụng phóng sự của S Việt Nam – *Đền Hùng nhìn từ trên cao* kết hợp với mục *Du lịch hướng về cội nguồn*, chuyên mục *Chuyến đi cuối tuần* của Tạp chí Người hướng dẫn du lịch của VTV4), dạy học bài tập đọc Nghĩa thầy trò (sử dụng phóng sự Khám phá Việt Nam: *Chu Văn An – Người thầy của muôn đời* kết hợp phim hoạt hình lịch sử *Khát vọng non sông: Đức độ Chu Văn An*)...

**\*Ví dụ:** Dạy học TLV *Tập viết đoạn đối thoại*, GV tổ chức cho HS được trực tiếp trải nghiệm xem phim truyện lịch sử của chương trình *Hào khí ngàn năm* qua các tập phim *Tính cách cương trực, công minh của Trần Thủ Độ; Trần Thủ Độ và việc giữ vững kỷ cương, pháp luật nhà Trần (phần 1,2)* do đài Truyền hình Việt

Nam sản xuất, được phát sóng trên VTV1. “Hào khí ngàn năm – khát vọng non sông” là một cuốn phim theo tiến trình lịch sử dân tộc, từ thời vua Hùng dựng nước đến hết thời Lê – Trịnh thông qua thể loại phim hoạt hình 2D. Đây là một cách tiếp cận mới về lịch sử sinh động hơn vì thế nó rất hữu ích đối với dạy học các môn khoa học xã hội, đặc biệt là Lịch sử và Ngữ văn. Trong số đó có những tập nói về tấm gương mẫu mực và chính trực của Thái sư Trần Thủ Độ. Qua đó, HS có thể hình dung một cách hệ thống và dễ hiểu nhất về điển tích và nhân vật lịch sử. Đóng góp một phần không nhỏ trong việc khơi dậy lòng yêu lịch sử, vun đắp tình yêu Tổ quốc; làm sống dậy những giá trị truyền thống và đạo lí tốt đẹp của cha ông trong lòng các bạn nhỏ.

Các bước tổ chức HĐTN qua hình thức xem phim truyện trong giờ TLV *Viết đoạn văn đối thoại* (TV5, tập hai, tr 77- 78) được thực hiện như sau:

- *Bước 1: Chuẩn bị phương tiện trực quan và phương tiện dạy học*

GV chuẩn bị tập phim *Tính cách cương trực, công minh của Trần Thủ Độ; Trần Thủ Độ và việc giữ vững kỷ cương, pháp luật nhà Trần (phần 1,2)* của chương trình *Hào khí ngàn năm*. Nguồn phim được GV lấy từ địa chỉ <https://vtv.vn/truyen-hinh-truc-tuyen/vtv1/hao-khi-ngan-nam> và tải sẵn về máy để kiểm tra chất lượng phim cũng như chủ động trong việc trình chiếu khi dạy học. Máy tính, máy chiếu, loa và các phương tiện hỗ trợ khác cũng được chuẩn bị và kiểm tra.

- *Bước 2: Tiến hành cho HS trải nghiệm qua hình thức xem phim*

+ HS trải nghiệm:

Các tập phim có độ dài từ 3-5 phút, đảm bảo thời gian cho các hoạt động sau của giờ dạy như chia sẻ về tập phim; thảo luận, làm việc nhóm để viết kịch bản cho đoạn hội thoại và diễn kịch.

GV trình chiếu tập phim *Tính cách cương trực, công minh của Trần Thủ Độ*, và từ đầu đến đoạn Thái sư Trần Thủ Độ hỏi phú nông “Người ở đâu? Tên gì?” của tập phim *Trần Thủ Độ và việc giữ vững kỷ cương, pháp luật nhà Trần (phần 2)*.

+ Lưu ý của GV đối với HS:

Chú ý quan sát đặc điểm từng nhân vật (ngoại hình, cử chỉ, điệu bộ và cách nói năng), bối cảnh (không gian, thời gian), sự việc diễn ra...

- *Bước 3: Chia sẻ trải nghiệm và vận dụng sáng tạo*

+ Chia sẻ trải nghiệm: Sau khi xem xong, nhóm HS có nhiệm vụ chia sẻ những hiểu biết của mình những vấn đề sau:

Trong tập phim *Tính cách cương trực, công minh của Trần Thủ Độ* có những nhân vật nào? Kể về sự việc gì? Đặc điểm ngoại hình, tính cách và lời nói của họ cho biết họ là người như thế nào?

Trình bày sơ qua những hiểu biết và cảm nhận ban đầu của em về các nhân vật Trần Thủ Độ, phu nhân và phú nông trong phần đầu tập phim *Trần Thủ Độ và việc giữ vững kỷ cương, pháp luật nhà Trần (phần 2)*. Bối cảnh diễn ra sự việc là gì? Em có đoán được chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo hay không?

Tiếp đó, HS có nhiệm vụ gọi tên hoặc trình bày tóm tắt nội dung từng bức ảnh đã được GV cắt ra tập phim trình chiếu lên màn hình nhằm kiểm tra khả năng ghi nhớ, phân tích bối cảnh và nhân vật.

+ Vận dụng sáng tạo để viết một số lời đối thoại hoàn thiện màn kịch:

Các nhóm dựa vào sự phân tích ở trên và sự gợi ý trong SGK để viết lời hội thoại cho màn kịch. Chú ý đến cách xưng hô, ngôn ngữ của nhân vật để thể hiện đúng vai nhân vật.

- *Bước 4: Đánh giá*

GV tổ chức đánh giá dựa vào 2 phương diện: chia sẻ sau khi trải nghiệm xem phim và vận dụng sáng tạo vào viết lời thoại cho màn kịch.

Việc tổ chức HĐTN qua hình thức xem phim truyện, phim tài liệu trong giờ TLV *Viết đoạn văn đối thoại* (TV5, tập hai, tr 85 – 86, tuần 26) được thực hiện theo các bước tương tự như giờ TLV ở tuần 25.

## **2.4. Một số phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai)**

### **2.4.1. Phương pháp đóng vai**

Đóng vai là phương pháp giáo dục giúp HS thực hành những cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em; từ đó giúp các em suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một tình huống cụ thể. Lúc này tùy vào hoàn cảnh tình huống dạy học mà HS tự xây dựng và đóng vai để thể hiện nội dung cần đạt.

Học thông qua đóng vai giúp HS có cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong môi trường giả định an toàn, qua đó các em học được cách ứng xử trải nghiệm những cảm xúc khác nhau. Trí tưởng tượng, sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề phát triển nhờ những tình huống cần sự ứng biến phù hợp, kịp thời. Kỹ năng giao tiếp cũng được hình thành và phát triển từ sự tham gia vào các lời thoại của nhân vật. HS được khám phá, tương tác, tham gia vào văn bản; kiểm soát cảm xúc của bản thân khi trình diễn; tăng sự hiểu biết xã hội và khả năng hợp tác với các thành viên trong nhóm, với các “bạn diễn”; học kiến thức một cách chủ động, thú vị, sáng tạo; phát triển trí thông minh cảm xúc. Đây chính là môi trường tốt để phát triển các kỹ năng, hành vi, thái độ, tố chất, phẩm chất... của người học từ đó hình thành những kinh nghiệm và thử nghiệm những cách thức giải quyết vấn đề khác nhau trong đời sống thực tiễn.

Theo Nguyễn Thị Liên, chủ biên cuốn *Tổ chức HĐTN sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, phương pháp đóng vai được tiến hành theo 4 bước. Tuy nhiên để phù hợp hơn với thực tiễn DHTV, chúng tôi đề xuất thực hiện theo 5 bước sau:

- *Bước 1:* GV chia nhóm và nêu tình huống đóng vai (phù hợp với chủ đề hoạt động; là tình huống mở, phù hợp với trình độ của HS); phổ biến các quy định về thời gian các hoạt động cụ thể.

- *Bước 2:* Các nhóm thảo luận và chuẩn bị vai diễn (có thể chuẩn bị trước khi tiến hành hoạt động, HS có thể xây dựng tình huống kịch bản sinh động, hấp dẫn; kết thúc đóng vai có tính mở để mọi người cùng thảo luận).

- *Bước 3:* HS đóng vai (diễn kịch).

- *Bước 4:* Trao đổi, thảo luận sau khi đóng vai (người dẫn dắt hoạt động đưa ra các câu hỏi liên quan tới vấn đề thảo luận).

- *Bước 5:* GV nhận xét, thống nhất các ý kiến sau khi thảo luận và kết luận về hoạt động.

Có nhiều hình thức học thông qua đóng vai, diễn kịch từ đơn giản tới phức tạp như:

- Phân vai, đọc diễn cảm một tác phẩm, thể hiện cảm xúc, tính cách nhân vật bằng giọng đọc.



- Đóng vai một nhân vật (nhân vật lịch sử, nhà khoa học, một loài cây...) để trình bày một vấn đề liên quan đến cuộc sống và bài học hoặc giải quyết một tình huống thực tế.

- Sân khấu hoá một đoạn trích trong một tác phẩm văn học, một câu chuyện lịch sử hoặc khoa học.

\* **Ví dụ:** Với bài Tập đọc *Phong cảnh đền Hùng* (TV5, tập hai, tr.68), để tổ chức cho HS tìm hiểu về nội dung bài đọc từ đó có sự nhận thức sâu sắc về giá trị cội nguồn dân tộc, GV có thể tổ chức cho HS đóng vai (*hướng dẫn viên du lịch và các khách tham quan du lịch*). Nói đến đền Hùng chắc hẳn trong mỗi các em đều có những hiểu biết riêng về địa danh có bề dày truyền thống văn hoá lịch sử này. Có thể ở các em đó là sự hiểu biết về nơi vua Hùng đã dựng nước và giữ nước, là những ấn tượng với câu chuyện của các đời vua Hùng, cũng có thể chỉ là gắn liền với ngày giỗ Tổ mừng mười tháng ba. Tuy nhiên, để HS có cơ hội trải nghiệm những tri thức văn hoá một cách tự nhiên, ấn tượng thì việc GV tổ chức cho HS đóng vai là một hình thức dạy học khá hiệu quả và thú vị. Yêu cầu đối với HS trước khi đến lớp là hoàn thành phiếu giao việc của GV. Phiếu giao việc là công việc cần chuẩn bị ở nhà, trước khi bắt đầu bài học đó. HS có nhiệm vụ tìm kiếm các thông tin liên quan, có sự chuẩn bị các nhiệm vụ trước khi học bài mới bằng chính những am hiểu và vốn sống cá nhân.

Các em phải tự tìm kiếm các thông tin về nguồn gốc lịch sử, vị trí địa lí của phong cảnh đền Hùng; có sự am hiểu bước đầu về nội dung bài học, luyện tập các thao tác của một hướng dẫn viên du lịch... để hoàn thành phiếu giao việc này

- *Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm và nêu tình huống đóng vai, phổ biến quy định về thời gian đóng vai.*

+ 1 HS trong nhóm đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về phong cảnh đền Hùng, giới thiệu về những truyền thuyết, sự kiện nổi bật gắn liền với nơi đây.

+ HS còn lại trong nhóm đóng vai các thành viên trong đoàn khách tham quan du lịch đền Hùng.

+ Quy định thời gian đóng vai: 5 phút/nhóm

- *Bước 2: Các nhóm thảo luận và chuẩn bị vai diễn.*

+ Các nhóm tự phân vai, tổ chức thảo luận về nội dung đóng vai, về lời thoại của các nhân vật và cách diễn (GV có thể định hướng phân vai cho các nhóm nếu cần thiết). Hoạt động này phải trả lời được các câu hỏi:

(?) Ai sẽ đóng vai hướng dẫn viên du lịch? Lời dẫn của hướng dẫn viên du lịch như thế nào?

(?) Ai sẽ đóng vai khách tham quan? Những câu hỏi đặt ra cho hướng dẫn viên là gì? Hỏi vào lúc nào?

+ Các nhóm thống nhất kịch bản. GV nên đặt các câu hỏi hướng dẫn HS hình dung ra bối cảnh đóng vai, hành động của các nhân vật và quan trọng, kịch bản đảm bảo được đúng trình tự nội dung bài đọc (tức là phải diễn theo trình tự không gian, thời gian bài đọc).

+ Góp ý, chỉnh sửa kịch bản cho các nhóm.

+ Cho các nhóm luyện tập và định hướng cách diễn bằng những câu hỏi:

(?) Giọng điệu của hướng dẫn viên du lịch phải như thế nào?

(?) Cử chỉ, điệu bộ, các thao tác di chuyển trong quá trình thuyết minh của hướng dẫn viên du lịch như thế nào?

(?) Thái độ, ứng xử của khách tham quan như thế nào?

(?) Khi chuyển từ không gian này sang không gian khác, lời dẫn phải như thế nào?

- *Bước 3: HS đóng vai*

+ Trong quá trình các nhóm HS đóng vai, GV chú ý từng vai diễn đồng thời bao quát toàn bộ lớp học; theo dõi sự ghi chép, quan sát của những nhóm còn lại.

Đối với vai hướng dẫn viên du lịch: HS cần thuyết minh với giọng nhẹ nhàng, trang trọng nhằm thể hiện được sự tôn trọng địa danh mình đang dẫn. Trong lúc dẫn, hướng dẫn viên có thể đặt câu hỏi cho khách tham quan một mặt để tăng sự tương tác tích cực mặt khác nhằm kiểm tra sự hiểu biết của khách. (Ví dụ, trước buổi tham quan có thể hỏi: Trong số các quý khách ở đây, đã ai có dịp đến với đền Hùng chưa? Điều gì làm quý khách ấn tượng khi nhắc đến đền Hùng? Hoặc trong quá trình hướng dẫn có thể đặt câu hỏi: Đứng tại vị trí này, quý khách nhìn và cảm nhận thấy điều gì? Quý khách có thuộc những câu thơ, ca dao nào nói về đền Hùng không ạ?...)

Đối với vai khách tham quan: HS cần đặt những câu hỏi khai thác được nội dung bài học (Ví dụ: Dòng chữ “Nam quốc sơn hà” có nghĩa là gì ạ? Ngọc phả là gì ạ? ...)

+ GV hạn chế sự tham gia trực tiếp vào quá trình HS đóng vai (đối với những trường hợp cần thiết, cần điều chỉnh linh hoạt).

+ GV dự đoán trước những tình huống cần thực hiện nhằm: phục vụ việc sau khi đóng vai HS nắm được nội dung bài học; bồi đắp những hiểu biết liên quan đến nội dung bài đọc như các truyền thuyết về vua Hùng, những câu ca về vùng đất Tô; tình huống mở rộng để khắc sâu kiến thức, kỹ năng cho những HS còn yếu.

- *Bước 4: Trao đổi, thảo luận sau khi đóng vai*

+ Tổ chức cho HS trao đổi về những điều được và chưa được qua hoạt động đóng vai của từng nhóm.

+ Nhóm quan sát đặt câu hỏi cho từng vai/ nhóm đóng vai.

+ Nhóm đóng vai trả lời những câu hỏi được hỏi, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân sau khi đóng vai.

- *Bước 5: GV nhận xét, thống nhất các ý kiến sau khi thảo luận và kết luận về hoạt động*

+ GV nhận xét các vai diễn, nên đặt các câu hỏi để khai thác sự hiểu biết của HS.

<b>Vai</b>	<b>Câu hỏi</b>
Hướng dẫn viên du lịch	Khi đảm nhận vai diễn này, em gặp những khó khăn gì? Cảm nhận của em sau khi hoàn thành vai diễn này? Em đã học được những gì từ vai diễn này?
Khách tham quan	Em có ấn tượng gì sau chuyến tham quan phong cảnh nổi tiếng này? Hãy kể lại những điểm mà em đã được đi qua hoặc những điều mà em nhớ ở chuyến tham quan này?
Các HS còn lại	Em hãy nêu những ấn tượng của mình về từng vai diễn? Em thấy cần điều chỉnh gì ở từng vai diễn cho hợp lí, tự nhiên?

Thông qua hình thức đóng vai, HS được trải nghiệm vào những tình huống thú vị, giúp các em chủ động tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, hạn chế sự khô

khan, máy móc. Mặc dù không có cơ hội tham quan thực tế nhưng các em có những hình dung sinh động về phong cảnh đền Hùng, về một vùng đất Tổ đậm giá trị văn hoá lịch sử với những truyền thuyết dựng nước và giữ nước nghìn năm văn hiến. Kỹ năng thuyết trình của HS – một biểu hiện của năng lực giao tiếp – được hình thành và phát triển, có cơ hội được rèn luyện thường xuyên qua tổ chức thảo luận và xây dựng kịch bản, qua đóng vai và trả lời câu hỏi của khách du lịch...

Để đánh giá cả quá trình học tập dưới hình thức đóng vai của HS, GV đề ra những tiêu chí đánh giá đảm bảo công bằng, khách quan, phù hợp như sau:

- Đánh giá khả năng đóng vai của HS dựa trên 2 tiêu chí:
  - + Về nội dung thể hiện qua việc: gắn với nội dung bài học, sự hữu ích, sự thú vị, ngắn gọn.
  - + Về diễn xuất thể hiện qua việc: diễn xuất sống động, nhập vai, giọng nói truyền cảm, trang phục, đạo cụ phù hợp.
- Đánh giá khả năng giải quyết tình huống của HS (đặt và trả lời câu hỏi):
  - + Khả năng nhận biết các vấn đề và câu hỏi được đặt ra trong tình huống.
  - + Chất lượng cách giải quyết vấn đề.
  - + Kỹ năng tranh luận, lập luận để thuyết phục cho giải pháp mà mình đã nêu.
  - + Kỹ năng hợp tác với các thành viên khác.

Cũng khai thác hiệu quả của hình thức đóng vai, GV có thể áp dụng trong giờ TLV *Tập viết đoạn đối thoại* (TV5, tập hai, tr.77-78, tr.85-86) để thực hiện yêu cầu “*phân vai đọc lại (hoặc diễn thử) màn kịch trên*”. Sau khi thực hiện yêu cầu viết lời đối thoại để hoàn chỉnh màn kịch, HS có sản phẩm là một màn kịch ngắn có lời thoại. Đối với những hoạt động đóng vai có sẵn lời thoại của các nhân vật như thế này, HS cần chú trọng nhiều đến việc đọc phân vai hoặc diễn kịch sao cho hấp dẫn, tự nhiên nhất có thể. GV cho HS phân tích các vai diễn về giới tính, ngoại hình, tính cách, địa vị xã hội cũng như bối cảnh diễn... để các em nắm được những đặc điểm cơ bản của từng nhân vật, giúp nhập vai và diễn đúng diễn biến tâm lí, lột tả được nhân vật một cách chân thực nhất.

#### **2.4.2. Phương pháp dạy học hợp tác**

Sử dụng dạy học hợp tác không chỉ tạo điều kiện phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS mà còn đem đến cho HS nhiều cơ hội để hình thành và phát

triển năng lực. Phương pháp này nhằm tạo ra sự hợp tác, trao đổi giữa HS với HS trong nhóm và giữa các nhóm HS với GV, huy động trí tuệ của tập thể HS để giải quyết một nhiệm vụ học tập. Kết quả của quá trình dạy học hợp tác là các giải pháp để giải quyết vấn đề học những quan điểm mới, kiến nghị mới được đề xuất. Phương pháp này được sử dụng như một công cụ trong lớp học giúp thúc đẩy tích cực, sáng tạo, tạo ra sự tương tác và thấu hiểu lẫn nhau giữa các HS; giúp phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện, giao tiếp và hợp tác.

Dạy học hợp tác có thể thực hiện dưới một số hình thức như thảo luận nhóm, seminar, nhóm văn chương, câu lạc bộ sách. Vận dụng vào DHTV ở tiểu học, thảo luận nhóm thể hiện sự phù hợp hơn cả.

Thảo luận nhóm được xem là hình thức cơ bản và đơn giản nhất trong dạy học. Để hoạt động nhóm diễn ra hiệu quả thì GV cần lưu ý: (1) Chia nhóm vừa đủ nhỏ (4-5 thành viên/nhóm) để có thể hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian ngắn và đảm bảo mọi thành viên đều có thể đóng góp ý kiến; (2) Thời gian thảo luận đủ dài để các thành viên được trình bày ý kiến; (3) Nội dung thảo luận nên chọn lọc để đảm bảo cần đến sự trao đổi, hợp tác của nhiều người; (4) Không gian thảo luận cần đảm bảo cho các thành viên có thể nhìn và nghe thấy nhau; (5) Nhiệm vụ của mỗi thành viên cần rõ ràng để tránh ý lại vào thành viên khác.

Một số loại hình nhóm có thể sử dụng trong dạy học hợp tác là: nhóm ngẫu nhiên, nhóm cố định, nhóm tự nguyện, nhóm theo sở thích, nhóm theo các loại năng lực học tập, nhóm cùng trình độ, nhóm hỗn hợp, nhóm theo dạng bài tập. Tùy vào từng hoạt động và nội dung hoạt động mà GV sẽ sử dụng loại hình nhóm nào cho phù hợp, tạo được cơ hội cho các em học hỏi và giao lưu với nhiều bạn khác trong lớp.

Các bước để thực hiện PPDH hợp tác như sau:

- *Bước 1*: Lựa chọn chủ đề để HS thảo luận và thiết kế công cụ đánh giá.

GV cần lựa chọn chủ đề cho hoạt động là nội dung cốt lõi của bài học và là những vấn đề mà HS có thể chia sẻ, thể hiện nhiều ý kiến khác nhau. Chủ đề thảo luận thường bắt đầu bằng các luận điểm, các tình huống và được cụ thể hoá qua các câu hỏi chủ chốt.

Công cụ để đánh giá hoạt động nhóm được thể hiện qua hai tiêu chí: (1) Quá trình hoạt động, (2) Sản phẩm và trình bày sản phẩm.

- *Bước 2:* Chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm.

GV lựa chọn loại hình nhóm phù hợp với hoạt động, tuy nhiên nên sử dụng cách chia nhóm theo năng lực để HS hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm, hướng dẫn và định hướng cách thức thảo luận, trình bày sản phẩm. Sau khi nhận nhiệm vụ, các nhóm trao đổi để làm rõ nội dung cần thảo luận

- *Bước 3:* Thảo luận, hợp tác.

HS tiến hành thảo luận, GV quan sát hoạt động của các nhóm để hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời. Hoạt động làm việc nhóm đảm bảo các yêu cầu: xác định nhiệm vụ cần giải quyết, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, hoàn thành và trình bày sản phẩm.

- *Bước 4:* Trình bày kết quả làm việc.

Căn cứ vào không gian lớp học và thời gian thực hiện hoạt động, GV cho HS trình bày sản phẩm của nhóm, có thể bằng các hình thức sau: trình bày trên giấy A0, đại diện nhóm đứng tại chỗ trình bày, thuyết trình trước lớp...

Người báo cáo được chọn ngẫu nhiên từ các nhóm, các nhóm còn lại đặt câu hỏi phản biện, tương tác lẫn nhau. Nếu các nhóm được giao nhiệm vụ giống nhau thì GV có thể yêu cầu một hoặc hai nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

GV linh hoạt điều khiển các nhóm về thời gian, yêu cầu làm rõ các ý, bổ sung ý kiến, nêu câu hỏi cho HS,...

- *Bước 5:* Tổng kết, đánh giá.

Các nhóm HS sẽ sử dụng phiếu tự đánh giá, sau đó các nhóm tiến hành đánh giá lẫn nhau, GV sẽ là người tổng kết cuối cùng. Nội dung đánh giá nên tập trung vào những gì HS làm được, khéo léo chỉ ra được những gì HS làm được, khéo léo chỉ ra được những nhược điểm và định hướng khắc phục cho HS.

Hiện nay, dạy học hợp tác là phương pháp được rất nhiều GV sử dụng trong các giờ Tiếng Việt bởi tính linh hoạt của nó. Tuy nhiên cần chú ý đa dạng hoá các loại hình nhóm để giờ dạy không bị cứng nhắc, rập khuôn bởi một phương pháp nào đó. Áp dụng vào DHTV ở tiểu học nói chung hay các hoạt động cụ thể như: hoạt động tìm hiểu bài ở giờ Tập đọc, các hoạt động có tính chất làm bài tập theo nhóm

ở giờ Luyện từ và câu, TLV, Kể chuyện thì phương pháp làm việc nhóm luôn thể hiện được ưu thế và hiệu quả.

**\*Ví dụ:** Đối với giờ Kể chuyện “*Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia*” (TV5, tập hai, tr.92-94), GV cần thiết kế các hoạt động dạy học đảm bảo việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp ở HS với những yêu cầu cụ thể mà giờ dạy yêu cầu. Một mặt tạo cơ hội cho các em được kể lại cho thầy/cô và các bạn trong lớp những điều mình đã được chứng kiến, điều đã được tham gia bằng trải nghiệm cá nhân, mặt khác giúp các em có môi trường học tập thân thiện, hòa đồng, được chia sẻ và thảo luận để tìm ra ý nghĩa chung của bài học.

- Bước 1: Lựa chọn chủ đề và thiết kế công cụ đánh giá

GV lựa chọn và đặt tên chủ đề “Kể chuyện em được chứng kiến hoặc tham gia”. Với chủ đề làm việc nhóm như trên, HS sẽ xác định rõ ràng nhiệm vụ cần phải thảo luận. Trong giờ Kể chuyện này, HS lựa chọn một trong hai đề bài sau: (1) Kể một câu chuyện mà em biết trong cuộc sống nói lên truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt Nam ta. (2) Kể một kỉ niệm về thầy giáo hoặc cô giáo của em, qua đó thể hiện lòng biết ơn của em với thầy cô. Để thực hiện được yêu cầu của 2 đề bài này, GV sẽ giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm ở bước tiếp theo.

Tại bước này, GV thiết kế công cụ đánh giá hoạt động nhóm theo 2 tiêu chí lớn là: đánh giá quá trình và đánh giá sản phẩm, trình bày sản phẩm với các chỉ dẫn đánh giá rõ ràng. GV, HS bám sát vào các tiêu chí để thực hiện và đánh giá.

- Bước 2: Chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

Giờ Kể chuyện yêu cầu HS lựa chọn thực hiện một trong hai đề bài, tức là các em được lựa chọn theo sở thích của mình. Vì vậy, GV phân chia được hai nhóm HS trong lớp: một nhóm chọn đề bài 1, một nhóm chọn đề bài 2. Đối với 2 nhóm lớn này, GV tiếp tục chia theo nhóm 4 – 6 để HS thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của giờ dạy.

GV phổ biến quy trình làm việc nhóm: Các nhóm sẽ phải thảo luận về nhiệm vụ của mình và trình bày vào giấy A0 mà GV chuẩn bị sẵn dưới đây:

Kể chuyện	Đó là việc làm gì? - -
Kể một câu chuyện mà em biết trong cuộc sống nói lên truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt Nam ta	
Em sẽ kể như thế nào? - -	Các nhân vật trong câu chuyện em định kể? - -

Kể chuyện	Đó là kỉ niệm nào? - -
Kể một kỉ niệm về thầy giáo hoặc cô giáo của em, qua đó thể hiện lòng biết ơn của em với thầy cô	
Em sẽ kể như thế nào? - -	Các nhân vật trong câu chuyện em định kể? - -

Lưu ý, những bản thảo, thắc mắc về nhiệm vụ của các nhóm sẽ được giải quyết trước khi cho HS làm việc nhóm.

- Bước 3: Thảo luận, hợp tác

Những câu hỏi, nhiệm vụ trong chủ đề cần thảo luận lần lượt được tất cả các thành viên trong nhóm đóng góp ý kiến. Ví dụ, để trả lời câu hỏi *Đó là việc làm gì?* trong đề bài 1 “*Kể một câu chuyện mà em biết trong cuộc sống nói lên truyền thống*



*tôn sư trọng đạo của người Việt Nam ta*”, từng HS trong nhóm đưa ra câu trả lời. Có HS trả lời: Đó là sự biết ơn, kính trọng thầy cô giáo đang dạy dỗ em; Đó là chuyện một người trưởng thành nhớ ơn thầy cô giáo cũ; Đó là sự quan tâm của các ban, ngành, đoàn thể tới sự nghiệp giáo dục địa phương hoặc nước nhà, thể hiện qua việc tổ chức hoạt động kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam cho những thầy cô đã nghỉ hưu... Tuy nhiên cũng có những HS chưa xác định rõ yêu cầu, trả lời không đúng trọng tâm câu hỏi. Lúc này, nhiệm vụ của cả nhóm là phải cùng thảo luận xem bạn nào trả lời nào đúng, câu trả lời của bạn nào cần phải chỉnh sửa, việc chỉnh sửa được cả nhóm thực hiện, giúp đỡ. Sau khi thảo luận xong một yêu cầu, câu trả lời được ghi vào giấy A0. Những câu hỏi còn lại, nhóm sẽ thực hiện tương tự.

Trong quá trình HS thảo luận, GV quan sát hoạt động của các nhóm và hoạt động của từng HS trong nhóm. Chú ý tới sự phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm: ai là người điều hành, ai là người tập hợp ý kiến, ai là người trình bày sản phẩm, các thành viên có tham gia nhiệt tình không...

GV quan sát sự làm việc của từng cá nhân để kịp thời hỗ trợ, điều chỉnh, đảm bảo công bằng trong thảo luận và trong thể hiện nỗ lực bản thân.

- Bước 4: Trình bày kết quả thảo luận, hợp tác

Tất cả các nhóm treo sản phẩm của nhóm mình lên bảng, với mỗi đề bài yêu cầu thực hiện, GV chọn 1 - 2 nhóm ngẫu nhiên cử đại diện lên trình bày. Trong quá trình đại diện các nhóm trình bày sản phẩm, HS dưới lớp quan sát, chú ý lắng nghe để đặt câu hỏi, các thành viên còn lại của nhóm chuẩn bị để trả lời, giải đáp những thắc mắc của các bạn. Chú ý thời gian trình bày 5-7 phút/nhóm.

GV có nhiều cách cách để kiểm tra hoạt động làm việc nhóm như: cho HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận sau đó kể câu chuyện của bản thân, cũng có thể đại diện nhóm chỉ trình bày kết quả thảo luận nhiệm vụ nhóm còn phần kể chuyện sẽ gọi ngẫu nhiên một HS trong nhóm thực hiện. Đối với hình thức thứ hai, việc xác định sự tập trung, tích cực hoạt động của các thành viên trong nhóm sẽ dễ dàng, khách quan hơn.

GV bổ sung ý kiến hoặc nêu câu hỏi cho HS nhằm làm rõ các ý trong sản phẩm thảo luận của các em:

+ Những việc làm đó em được chứng kiến, tham gia hay nghe kể lại?  
 + Kỉ niệm về thầy cô diễn ra trong thời gian, địa điểm nào? Em hãy kể rõ cho các bạn nghe.

+ Em hãy kể rõ trình tự các sự việc xảy ra, hành động của các nhân vật thế nào?  
 + Tình cảm của em đối với các nhân vật như thế nào?

- Bước 5: Tổng kết, đánh giá

Ở bước này, HS tự chủ và khách quan trong việc đánh giá quá trình làm việc của các thành viên trong nhóm và đánh giá sản phẩm của các nhóm. Đây cũng chính là một trong những điểm đổi mới của chương trình GDPT. Ở đó, dưới sự hướng dẫn và quan sát của GV, thành viên các nhóm tiến hành nhận xét những điểm đã làm được của các bạn trong nhóm thể hiện qua các tiêu chí đánh giá khác nhau đồng thời chỉ ra được những điểm mà bạn mình cần khắc phục dựa vào *Phiếu đánh giá quá trình hoạt động nhóm của HS* dưới đây:

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG NHÓM CỦA HS</b> (Áp dụng để HS tự đánh giá và GV đánh giá HS) - Chủ đề: <i>Kể chuyện em được tham gia hoặc chứng kiến</i> - Nhóm tự / được đánh giá:..... - Ngày, tháng thực hiện đánh giá:.....						
TT	Họ và tên HS	Sự tập trung, nhiệt tình (3đ)	Sự hợp tác, chia sẻ ý kiến (3đ)	Đưa ra được các ý kiến, ý tưởng giá trị (2đ)	Biết tiếp thu, sửa chữa để hoàn thành sản phẩm (2đ)	Tổng điểm
1						
2						
3						
4						
5						
6						

Đối với việc đánh giá sản phẩm nhóm và trình bày sản phẩm nhóm, GV tổ chức cho các nhóm đánh giá lẫn nhau theo *Phiếu đánh giá sản phẩm và trình bày*

sản phẩm ở dưới đây. Lưu ý, sản phẩm của các nhóm đã trình bày trước lớp cần được các nhóm đánh giá chi tiết những ưu điểm, hạn chế, so sánh mức độ đạt được với mục tiêu đề ra.

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM VÀ TRÌNH BÀY SẢN PHẨM NHÓM</b> (Áp dụng để nhóm HS tự đánh giá và GV đánh giá nhóm HS) - Chủ đề: <i>Kể chuyện em được tham gia hoặc chứng kiến</i> - Ngày, tháng thực hiện đánh giá:.....									
Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8
Sản phẩm (5 điểm)	Hoàn thiện tất cả các nhiệm vụ (1đ)								
	Thảo luận đúng trọng tâm chủ đề (2đ)								
	Thể hiện sự logic giữa các nhiệm vụ (1đ)								
	Sản phẩm được trình bày rõ ràng, dễ theo dõi (1đ)								
Trình bày sản phẩm (5 điểm)	Phong thái thuyết trình tự tin; giọng nói rõ ràng, truyền cảm; điệu bộ, cử chỉ phù hợp (2đ)								
	Có sự sáng tạo trong cách thuyết trình (1đ)								
	Trả lời thuyết phục các câu hỏi của người nghe đặt ra (2đ)								
Tổng điểm									

Tổ chức HĐTN trong DHTV bằng phương pháp làm việc nhóm thể hiện được ưu thế của nó trong việc góp phần hình thành và phát triển năng lực hợp tác

cho HS. Các em biết phối hợp với các bạn cùng nhóm để chuẩn bị, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai hoạt động và giải quyết vấn đề. Thể hiện sự giúp đỡ, chia sẻ nguồn lực... để hoàn thành nhiệm vụ chung.

Hiện nay, rất nhiều GV lựa chọn hình thức này để áp dụng vào dạy học nói chung và DHTV ở tiểu học nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện GV cần kết hợp đa dạng các hình thức khác để tăng tính hiệu quả và phù hợp với nội dung từng bài học cụ thể.

## **Tiểu kết chương 2**

Ở chương 2, chúng tôi đã vận dụng cơ sở lí thuyết và cơ sở thực tiễn vào tổ chức các HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* (TV5, tập hai). Luận văn đã xây dựng được các 4 yêu cầu trong việc tổ chức HĐTN là: Yêu cầu đảm bảo mục tiêu môn học, bài học; Yêu cầu đảm bảo có sự kết hợp với các hoạt động khác; Yêu cầu đảm bảo có sự đa dạng các phương pháp, hình thức hoạt động; Yêu cầu đảm bảo hoạt động phù hợp với đối tượng HS.

Thiết kế được quy trình tổ chức HĐTN trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* gồm 5 bước: (1) Gọi động cơ, hứng thú và huy động tri thức nền cho HS; (2) HS trải nghiệm, chiếm lĩnh tri thức; (3) HS chia sẻ, phân tích trải nghiệm; (4) Thực hành, vận dụng; (5) Tự đánh giá và đánh giá kết quả trải nghiệm.

Một số HT và PP tổ chức HĐTN hiệu quả trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* được chúng tôi lựa chọn và vận dụng là: phương pháp đóng vai, PPDH hợp tác, hình thức trò chơi, hình thức xem phim truyện, phim tài liệu. Với mỗi phương pháp và hình thức cụ thể, chúng tôi đã phân tích và minh họa vào các bài học thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*. Với mong muốn không chỉ giúp cho GV có thể hoàn thành tốt vai trò của người thầy mà luận văn còn góp phần đóng góp phần đóng góp và sự hình thành và phát triển năng lực người học, đáp ứng được thực tiễn đổi mới giáo dục như hiện nay.

## CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

### 3.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm là một yêu cầu bắt buộc trong việc kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả và khả thi của HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn*, SGK TV5, tập hai. Từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung những vấn đề chưa chính xác; so sánh, đối chiếu kết quả TN với kết quả ĐC nhằm hoàn thiện hơn nữa việc vận dụng HĐTN vào DHTV nói chung và dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* nói riêng; góp phần đổi mới các PPDH, nâng cao hứng thú học tập của HS, hướng tới hình thành và phát triển năng lực người học - một trong những đổi mới của chương trình GDPT sau 2018.

Việc tổ chức HĐTN trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* giúp GV có thể khắc phục được những hạn chế ở cách dạy truyền thống, đồng thời điều chỉnh các phương pháp và HTTC dạy học phù hợp, nhằm tích cực hoá hoạt động của HS qua trải nghiệm thực tiễn.

### 3.2. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm

#### 3.2.1. Đối tượng thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm trên đối tượng HS khối lớp 5 và GV dạy khối lớp 5.

- Đối với HS: Lựa chọn các lớp có số lượng HS, trình độ nhận thức, học lực tương đương nhau, ít có sự chênh lệch.

- Đối với GV: Là những GV có nhiệt huyết với nghề, luôn có tinh thần cầu thị trong đổi mới PPDH nhằm nâng cao chất lượng học tập. Khi được trao đổi về hoạt động TN, tất cả các GV đều rất nhiệt tình trong việc chia sẻ những kinh nghiệm bản thân, không ngại chia sẻ những khó khăn họ đang gặp phải trong quá trình DHTV. Ngoài ra, họ còn chủ động nghiên cứu, tìm tòi thông tin, tài liệu liên quan đến HĐTN trong dạy học. GV tham gia dạy TN và ĐC đa dạng về tuổi đời, tuổi nghề, đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá TN sau này của luận văn.

#### 3.2.2. Địa bàn thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành TN tại một trường tiểu học thuộc vùng nông thôn nhưng có nền kinh tế, văn hoá, xã hội khá phát triển: Trường Tiểu học Ninh Vân (thuộc xã

Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình). Năm học 2019-2020, trường có số lượng HS đông nhất huyện Hoa Lư, trong đó riêng khối lớp 5 chiếm 224 HS, được chia thành 5 lớp. Với 100% đội ngũ GV tốt nghiệp đại học, hơn 30% GV có trình độ thạc sĩ, 01 nhà giáo ưu tú, trường Tiểu học Ninh Vân luôn chú trọng tới việc đổi mới các phương pháp và HTTC dạy học bắt kịp với công cuộc cải cách giáo dục và thực tiễn xã hội, phấn đấu trở thành một đơn vị giáo dục chất lượng cao. HS được nhà trường quan tâm giáo dục một cách toàn diện, các em có ý thức học tập tốt, đạo đức tốt, khá mạnh dạn, sôi nổi trong các hoạt động học tập và các hoạt động khác của nhà trường.

Tại trường Tiểu học Ninh Vân, chúng tôi chọn 2 lớp TN, 2 lớp ĐC và GV dạy tại các lớp đó. Tình hình cụ thể được thể hiện ở Bảng 3.1 dưới đây:

**Bảng 3.1. Đối tượng và địa bàn dạy học TN và ĐC**

Lớp thực nghiệm			Lớp đối chứng			Địa bàn
Lớp	Sĩ số	GV	Lớp	Sĩ số	GV	
5D	42	Phạm Thị Nga	5A	46	Nguyễn Thị Lan	Trường Tiểu học Ninh Vân
5E	44	Phạm Thị Hoài	5B	46	Phạm Thị Lệ Thủy	

### 3.3. Nội dung và cách thức tiến hành thực nghiệm

#### 3.3.1. Nội dung thực nghiệm

Với hi vọng kết quả TN mang tính khách quan, khả thi, chúng tôi lựa chọn 2 tiết dạy học TN thuộc 2 phân môn khác nhau trong chủ điểm *Nhớ nguồn*, TV5, tập hai. Cụ thể là:

Tiết 1: Tập đọc “*Phong cảnh đền Hùng*” (TV 5, tập hai, tr.68, tuần 25)

Tiết 2: TLV “*Tập viết đoạn đối thoại*” (TV5, tập hai, tr.85-86, tuần 26).

#### 3.3.2. Cách thức tiến hành thực nghiệm

Để TN được, chúng tôi tiến hành theo các bước sau:

##### *Bước 1: Xây dựng kế hoạch TN*

Đây là bước chuẩn bị cho TN. Bước này bao gồm các hoạt động cụ thể:

- Xác định mục đích, đối tượng TN; lựa chọn thời gian và địa điểm TN.
- Xác định nội dung và phạm vi TN.

- Thiết kế nội dung TN.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức TN: trao đổi về nội dung, kế hoạch dạy học với lãnh đạo trường Tiểu học để lựa chọn lớp TN và ĐC, GV dạy lớp TN và lớp ĐC.
- Trao đổi với các GV và HS lớp TN và lớp ĐC về mục đích, ý nghĩa, nội dung và cách thức TN.

*Bước 2: Tổ chức dạy học*

- GV dạy TN làm việc với giáo án TN: nghiên cứu giáo án; nêu những vướng mắc; được chúng tôi thuyết trình về giáo án, giải đáp những băn khoăn, đưa ra hướng dẫn và cùng đi đến thống nhất chung cho quá trình dạy học.
- GV dạy ĐC sử dụng giáo án tự soạn và dạy học bình thường.
- Tiến hành dạy TN và ĐC theo kế hoạch đã đề ra.

*Bước 3: Tổng hợp, xử lý số liệu và đánh giá kết quả TN*

Sau TN, chúng tôi tiến hành:

- Kiểm tra chất lượng học tập của HS bằng bài kiểm tra đồng thời ở cả lớp TN và ĐC.
- Xử lý kết quả TN theo phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục.
- Rút ra kết luận sơ phạm cần thiết về tính khả thi và hiệu quả của TN.

### **3.4. Tiêu chí đánh giá**

Đánh giá TN là một khâu quan trọng trong việc xác định tính khả thi của việc vận dụng HĐTN vào dạy học. Chúng tôi căn cứ theo hoạt động *đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì* được cụ thể hoá thành 2 tiêu chí như sau:

*a. Về nhận thức (đánh giá định kì):*

Chúng tôi tổ chức 1 tiết kiểm tra cho mỗi lớp TN và lớp ĐC để kiểm tra kết quả học tập của HS. Bài kiểm tra được thiết kế dựa trên các tiêu chí sau:

*Đối với bài kiểm tra đánh giá giờ Tập đọc:*

- HS trình bày được các địa danh, những chi tiết nói về phong cảnh đền Hùng được miêu tả trong bài.
- Lí giải, liên hệ các địa danh ở đền Hùng với những truyền thuyết dựng nước giữ nước của dân tộc.
- Hiểu được nội dung bài đọc nói về giá trị nguồn cội của dân tộc.

*Đối với bài kiểm tra đánh giá giờ TLV:*

- Phân tích được bối cảnh và đặc điểm nhân vật trong màn kịch thông qua phim truyện, phim tài liệu.

- Có kĩ năng xây dựng tiếp lời thoại cho từng nhân vật phù hợp với nội dung màn kịch.

- Biết cách đọc phân vai hoặc diễn lại màn kịch một cách sáng tạo.

*Thang điểm:*

- Loại Giỏi (G): từ 9 - 10 điểm;

- Loại Khá (Kh): từ 7 - 8 điểm;

- Loại Trung bình (TB): từ 5 - 6 điểm;

- Loại Yếu (Y): từ 3 - 4 điểm;

- Loại Kém (K): từ 0 - 2 điểm.

*b. Về kết quả tổ chức hoạt động dạy học (đánh giá thường xuyên):*

Bên cạnh việc cho HS làm bài kiểm tra để đánh giá nhận thức của các em, chúng tôi còn căn cứ vào kết quả tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn*. Cụ thể, chúng tôi xem xét việc thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu giao việc ở nhà, phiếu học tập trên lớp, sự hứng thú và tích cực trong việc xung phong phát biểu, xây dựng bài, chất lượng các câu trả lời cũng như khả năng huy động vốn sống, tri thức nền vào bài mới, những ý kiến phản hồi từ GV dạy TN để có được sự đánh giá khách quan hơn.

Để đánh giá được, chúng tôi căn cứ vào các tiêu chí sau:

- Mức độ hoàn thành công việc được giao (phiếu giao việc, phiếu học tập).

- Mức độ hứng thú, tích cực của HS trong giờ TN.

- Khả năng vận dụng huy động vốn sống, tri thức nền của HS vào bài học.

- Sự đánh giá của GV dạy TN.

### **3.5. Thiết kế giáo án thực nghiệm**

#### **GIÁO ÁN SỐ 1:**

##### **Tập đọc *Phong cảnh đền Hùng***

*(Đoàn Minh Tuấn, TV5, tập hai, tuần 25)*



## **I. Mục tiêu bài học**

### **1. Về năng lực đặc thù**

- Góp phần hình thành năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua:
- + Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản với giọng tự hào, ca ngợi.
- + Hiểu được nội dung chính của bài đọc: Ca ngợi vẻ đẹp của đền Hùng và vùng đất Tổ, đồng thời bày tỏ niềm thành kính thiêng liêng của mỗi con người đối với tổ tiên.

### **2. Về năng lực chung**

- Góp phần hình thành năng lực hợp tác làm việc nhóm thông qua các nhiệm vụ, năng lực giao tiếp – thuyết trình trước đám đông.

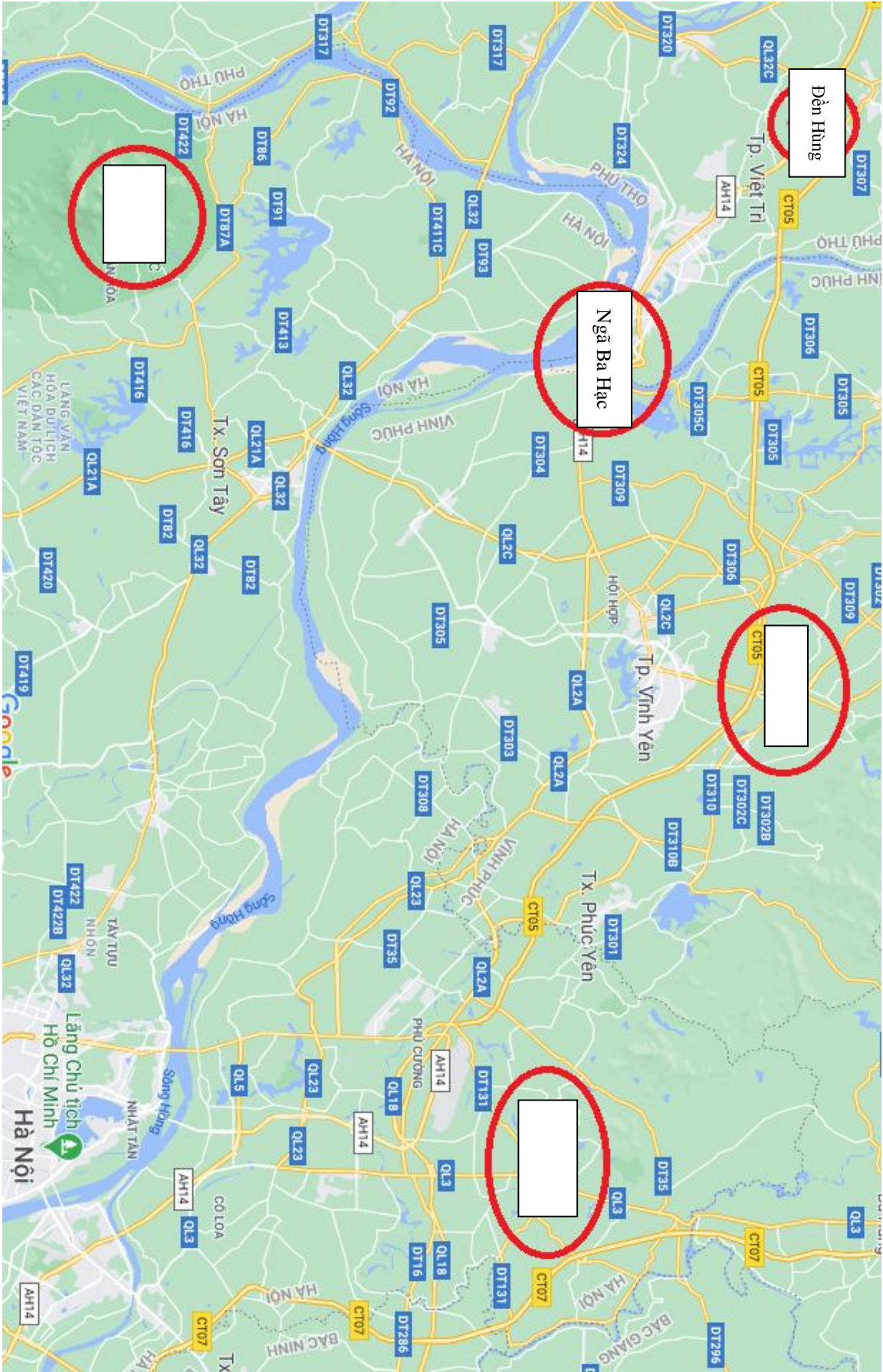
### **3. Về phẩm chất**

- Hình thành thái độ thành kính đối với tổ tiên, biết trân trọng giá trị đạo lí tốt đẹp và truyền thống yêu nước của dân tộc từ đó giáo dục lòng yêu nước cho HS.

## **II. Chuẩn bị**

**1. GV:** SGK, SGV, giáo án, phiếu học tập, tranh ảnh minh họa về phong cảnh đền Hùng, máy tính, máy chiếu.

**2. HS:** SGK, các đạo cụ phục vụ cho quá trình đóng vai.



### PHIẾU CHUẨN BỊ

1. Dựa vào bài Tập đọc Phong cảnh đền Hùng, em hãy cho biết khi đứng ở đền Thượng sẽ quan sát được những gì?

.....  
.....  
.....

2. Chọn các địa danh: dãy Tam Đảo, núi Sóc Sơn, đỉnh Ba Vì điền tiếp vào những ô trống của bản đồ trang bên.

3. Tìm hiểu trên mạng một số cách dẫn, câu dẫn của hướng dẫn viên du lịch. Chú ý đến một số câu như sau:

*Xin kính chào quý khách đã đến với/ đã về tham quan .....*

*Nơi quý vị đang đứng/ đang dừng chân/ đang chiêm ngưỡng....*

*Quý khách có thể hướng mắt về phía....*

4. Chuẩn bị cho việc đóng vai hướng dẫn viên du lịch để thuyết minh về phong cảnh đền Hùng (que chỉ, micro, trang phục....)

### III. Hoạt động dạy - học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Yêu cầu cần đạt
<p>1. <b>Khởi động:</b></p> <p>- GV trình chiếu đoạn thơ và cho HS nêu cảm nhận:</p> <p><i>Cây có gốc mới tỏa cành xanh ngọn</i> <i>Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu</i> <i>Người ta nguồn gốc ở đâu</i> <i>Có tổ tiên trước rồi sau có mình</i></p> <p>Đoạn thơ nói về nguồn cội của mỗi con người đó chính là tổ tiên. Dạy chúng ta sống phải biết ơn, kính trọng tổ tiên mình.</p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>- HS đọc, GV gọi 2-3 em nêu cảm nhận của mình về đoạn thơ.</p>	<p>Hiểu và chia sẻ những cảm nhận về ý nghĩa của đoạn thơ.</p>

<p>2. <b><i>Bài mới</i></b></p> <p>a. <b><u>Giới thiệu bài mới</u></b></p> <p>- GV treo bản đồ lên bảng và gọi 2 HS lên điền tiếp các tên địa danh vào bản đồ (đã được chuẩn bị ở nhà).</p> <p>Các em à, nói đến vùng đất tổ là nói đến đền Hùng thuộc tỉnh Phú Thọ. Khi đến đây, được đứng trên đền Thượng, nơi thờ các vua Hùng, chúng ta sẽ quan sát được phong cảnh đền Hùng thật đẹp và hùng vĩ cũng như thêm tự hào về giá trị truyền thống của dân tộc. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu bài Tập đọc Phong cảnh đền Hùng để thấy được cảnh đẹp của vùng đất này cũng như những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta nhé.</p> <p>- Giới thiệu và ghi tựa bài.</p> <p>b. <b><u>Các hoạt động chính</u></b></p> <p>❖ <i>Hoạt động 1: Luyện đọc</i></p> <p>- GV yêu cầu một HS lên đọc bài, cả lớp đọc thầm và chia đoạn.</p> <p>- GV treo tranh lên bảng.</p>	<p>- HS lên điền tên địa danh</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS khá giỏi đọc cả bài.</p> <p>- HS quan sát tranh minh họa và chia đoạn: Chia thành 3 đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến <b>chính giữa</b>. Đoạn 2: tiếp theo đến <b>xanh mát</b>. Đoạn 3: phần còn lại.</p> <p>- HS đọc từng đoạn nối tiếp và đọc phần chú giải trong SGK.</p> <p>- HS luyện đọc theo cặp.</p>	<p>- Xác định được vị trí các địa danh có trong văn bản điền vào bản đồ.</p> <p>- Đọc đúng, trôi chảy văn bản, giải thích nghĩa của các từ khó.</p>
---	---	---

<p>- Yêu cầu HS đọc nối tiếp đoạn đồng thời nêu câu dài và câu khó; đọc phần chú giải trong SGK.</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp.</p> <p>- GV đọc diễn cảm toàn bài với giọng ca ngợi, tự hào truyền thống dân tộc.</p> <p>- Gọi 1, 2 em đọc lại cả bài.</p> <p>❖ <i>Hoạt động 2 : Tìm hiểu bài</i>  Dựa vào việc GV đã giao HS chuẩn bị trước ở nhà, GV chia lớp thành 4 nhóm để thực hiện hoạt động đóng vai – thuyết minh về phong cảnh đền Hùng.</p> <p>- Mỗi nhóm sẽ cử ra 1 HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch, các bạn còn lại đóng vai khách tham quan.</p> <p>- Cho các nhóm thảo luận về kịch bản, mỗi nhóm đáp ứng nội dung trả lời 1 câu hỏi trong SGK.</p> <p>● <i>Hãy kể những điều em biết về các vua Hùng?</i></p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc</p> <p>- HS thảo luận nhóm, trao đổi về kịch bản.</p> <p>- HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch của các nhóm lên thuyết minh.</p> <p>- HS đóng vai khách tham quan của các nhóm ngồi tại chỗ. Có thể chia sẻ những hiểu biết của mình hoặc hỏi hướng dẫn viên du lịch trong quá trình bạn mình dẫn.</p> <p>Nhóm 1:  <i>Xin chào mừng các quý khách đã về thăm quan khu di tích lịch sử đền Hùng – Phú Thọ ngày hôm nay. Tôi là hướng dẫn viên du lịch khu di tích lịch sử đền Hùng, rất vui vì được đồng hành trong chuyến thăm quan cùng quý vị. Chắc hẳn ai trong số các quý khách ở đây cũng biết về các vua Hùng rồi đúng không ạ?</i></p> <p>- HS đóng vai hướng dẫn viên sẽ thuyết minh về các</p>	<p>Hiểu được nội dung chính của bài đọc: Ca ngợi vẻ đẹp của đền Hùng và vùng đất Tổ, đồng thời bày tỏ niềm thành kính thiêng liêng của mỗi con người đối với tổ tiên.</p> <p>-Có kĩ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông.</p> <p>- Có thái độ yêu nước, trân trọng giá trị dân tộc.</p>
---	---	--

<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm những từ ngữ miêu tả cảnh đẹp của thiên nhiên nơi đền Hùng?</li> </ul>	<p>vua Hùng.</p> <p>- HS đóng vai khách du lịch có thể chia sẻ những hiểu biết của mình hoặc đặt câu hỏi cho hướng dẫn viên.</p> <p><i>Theo truyền thuyết, con trai trưởng của Lạc Long Quân và Âu Cơ được tôn làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu (từ Ngã Ba Hạc về tới các vùng đất quanh núi Nghĩa Lĩnh, có thành phố Việt Trì và một phần đất thuộc huyện Lâm Thao, Phú Thọ ngày nay). Con trai của vua gọi là Lang, con gái của vua gọi là Mị Nương. Hùng Vương truyền tiếp được 18 đời trị vì, đều lấy hiệu là Hùng Vương.</i></p> <p>Nhóm 2:</p> <p>- HS đóng vai hướng dẫn viên sẽ thuyết minh về cảnh đẹp của thiên nhiên nơi đền Hùng.</p> <p>- HS đóng vai khách du lịch có thể bày tỏ cảm xúc về thiên nhiên nơi đền Hùng hoặc đặt câu hỏi cho hướng dẫn viên.</p> <p><i>Nơi quý khách đang</i></p>	
---	---	--

<p>● Bài văn đã gợi cho em nhớ đến một số truyền thuyết về sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Hãy kể tên các truyền thuyết đó.</p>	<p>dùng chân là đền Thượng, nằm trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. Kê bên đền Thượng là lăng của các vua Hùng. Quý khách có thể cảm nhận được thiên nhiên nơi đây thật đẹp và hùng vĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trước đền, những khóm hải đường đâm bông rực đỏ.</li> <li>+ Lăng của các vua Hùng kê bên đền Thượng, ẩn trong rừng cây xanh.</li> <li>+ Bên phải là đỉnh Ba Vì vòi vọi.</li> <li>+ Bên trái là dãy Tam Đảo như bức tường xanh sừng sững đỡ lấy mây trời cuộn cuộn.</li> <li>+ Phía xa là núi Sóc Sơn.</li> <li>+ Trước mặt là Ngã Ba Hạc.</li> </ul> <p>Nhóm 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đóng vai khách du lịch có thể chia sẻ sự hiểu biết của mình sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc qua một số truyền thuyết đã được nhắc đến trước đó.</li> </ul> <p>Những cảnh vật ở đền Hùng đã gợi nhớ truyền thuyết về sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân</p>	
--	--	--

<p>• Em hiểu câu ca dao sau như thế nào?  “Dù ai đi ngược về xuôi  Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười  tháng ba.”</p>	<p>tộc ta là:  - Đỉnh Ba Vì vôi vọi, nơi  Mị Nương Ngọc Hoa – con  gái Hùng Vương thứ 18 –  theo Sơn Tinh về trấn giữ  núi cao.  - Cảnh vật nơi này gợi nhớ  truyền thuyết Sơn Tinh,  Thủy Tinh.  - Núi Sóc Sơn, nơi in dấu  chân ngựa sắt Phù Đổng,  đánh thắng giặc Ân xâm  lược.  - Cảnh vật này gợi nhớ  truyền thuyết Thánh Gióng.  - HS đóng vai hướng dẫn  viên sẽ thuyết minh bổ  sung về các truyền thuyết  đó.  Ngoài ra, cột đá cao  năm gang, rộng ba tấc  dựng trước đền Thượng gợi  cho chúng ta về truyền  thuyết An Dương Vương  dựng để thử với các Vua  Hùng giữ vững giang sơn.  Nhóm 4:  Thưa quý khách, điểm  dừng chân cuối cùng trong  chuyến tham quan khu di  tích lịch sử đền Hùng ngày  hôm nay chính là đền  Giếng, nơi có giếng Ngọc  trong xanh, ngày xưa công</p>	
--	--	--



<p>❖ <i>Hoạt động 3 : Đọc diễn cảm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc nối tiếp đoạn. Cả lớp đọc thầm để tìm giọng đọc toàn bài.</li> <li>- Xác định giọng đọc cả bài.</li> <li>- GV trình chiếu toàn văn bản, hướng dẫn và điều chỉnh cách đọc.</li> <li>- Hướng dẫn đọc diễn cảm 1 đoạn: <ul style="list-style-type: none"> <li>• 1-2 HS đọc mẫu, cả lớp đọc thầm để tìm cách đọc diễn cảm. <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đọc mẫu (<i>nếu cần</i>)</li> <li>- HS luyện đọc diễn cảm theo cặp, GV giúp đỡ, sửa chữa.</li> <li>- Trò chơi “ Thi đọc diễn cảm” : chia lớp thành 3 nhóm mỗi nhóm lần lượt đọc từng đoạn trong bài. Nhóm nào đọc đúng, hay thì sẽ thắng.</li> <li>- GV nhận xét, uốn nắn cách đọc cho HS. GV tuyên dương những em đọc diễn cảm hay nhất .</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	<p>chúa Mị Nương thường xuống rửa mặt, soi gương.</p> <p>Như vậy, hành trình về với đất Tổ ngày hôm nay sẽ giúp quý khách hiểu rõ hơn vì sao dân gian ta có câu ca dao:</p> <p><i>“Dù ai đi ngược về xuôi Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba.”</i></p> <p>Câu ca dao nói đến một tục truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta: Ngày 10 tháng 3 (âm lịch) hàng năm là ngày giỗ Tổ Hùng Vương để tưởng nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước. Và ngày trẩy hội chung đông vui của cả nước. Bên cạnh đó, câu ca dao còn nhắc mọi người hãy nhớ tổ tiên, nguồn cội của mình, biết ơn người dựng nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc cả bài với giọng nhẹ nhàng xen lẫn tự hào.</li> <li>- Chú ý nhấn giọng ở các từ <i>chót vót, đập dờn, bức hoành phi, vòi vọi, sừng sững, cuộn cuộn, ngọc phả, lưng chừng...</i></li> </ul>	
---	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc mẫu</li>   <li>- HS luyện đọc theo cặp</li>   <li>- HS các nhóm thi đọc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đọc diễn cảm toàn bài với giọng tự hào, ca ngợi.</li> <li>-Có thái độ, biểu hiện yêu nước, tôn trọng giá trị truyền thống của dân tộc.</li>   <li>-Đọc diễn cảm văn bản với giọng tự hào, ca ngợi.</li> </ul>
--	--	---

<p>3. <b>Củng cố, mở rộng</b></p> <p>a. <b><u>Củng cố</u></b></p> <p>- Chúng ta vừa được tìm hiểu về phong cảnh thiên nhiên đền Hùng và những giá trị về cội nguồn của dân tộc.</p> <p>- Liên hệ : Em hãy kể một di tích lịch sử ở Ninh Bình có thờ các vị vua cũng đã có công dựng nước và giữ nước.</p> <table border="1" data-bbox="268 743 742 1265"> <thead> <tr> <th>Tên di tích</th> <th>Thời gian tổ chức</th> <th>Ý nghĩa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đền Vua Đinh Vua Lê</td> <td>Mùng 10 tháng 3 (âm lịch)</td> <td>Dâng hương tưởng nhớ các vị vua có công với nước với dân.</td> </tr> </tbody> </table> <p>b. <b><u>Dẫn dò</u></b></p> <p>- Về đọc lại bài nhiều lần. Chuẩn bị bài <i>Nghĩa thầy trò</i>.</p>	Tên di tích	Thời gian tổ chức	Ý nghĩa	Đền Vua Đinh Vua Lê	Mùng 10 tháng 3 (âm lịch)	Dâng hương tưởng nhớ các vị vua có công với nước với dân.		<p>-Biết liên hệ, mở rộng.</p>
Tên di tích	Thời gian tổ chức	Ý nghĩa						
Đền Vua Đinh Vua Lê	Mùng 10 tháng 3 (âm lịch)	Dâng hương tưởng nhớ các vị vua có công với nước với dân.						

<p align="center"><b>Bài kiểm tra đánh giá giờ Tập đọc <i>Phong cảnh đền Hùng</i></b></p>	
<p>Họ và tên:</p>	<p>Lớp:</p>
<p>Câu 1: Em hãy kể tên các địa danh xuất hiện trong bài tập đọc <i>Phong cảnh đền Hùng</i>?</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Câu 2: Phong cảnh thiên nhiên đền Hùng được miêu tả như thế nào?</p>	

(Đánh dấu ✓ vào các ô trống mà các em cho là đúng)

Những khóm hải đường đậm bông rực đỏ, đỉnh Ba Vì điệp điệp trùng trùng, giếng Ngọc sâu in bóng du khách.

Đỉnh Ba Vì cao vòi vọi, dãy Tam Đảo thấp thoáng trong mây mờ, những cảnh hoa đại cổ thụ tỏa hương thơm.

Những khóm hải đường đậm bông rực đỏ, đỉnh Ba Vì cao vòi vọi, dãy Tam Đảo như bức tường xanh sừng sững, những cảnh hoa đại cổ thụ tỏa hương thơm, giếng Ngọc trong xanh.

Đỉnh Ba vì cao vòi vọi, dãy Tam Đảo như bức tường xanh sừng sững, Ngã Ba Hạc nơi những dòng sông cuộn cuộn chảy.

Câu 3: Trong đền Thượng, dòng chữ vàng *Nam quốc sơn hà* uy nghiêm đề ở bức hoành phi treo chính giữa có nội dung gì?

Chỉ sông và núi nước Việt Nam

Chỉ con người và cảnh vật đền Hùng

Chỉ Tổ quốc Việt Nam

Chỉ phong cảnh đền Hùng

Câu 4: Thử tưởng tượng em là một vị khách du lịch đến thăm quan khu di tích lịch sử đền Hùng. Nêu cảm nhận của em khi:

- Đứng ở đền Thượng: .....

.....

.....

- Đứng ở đền Trung: .....

.....

.....

- Xuống đến đền Hạ: .....

.....

.....

Câu 5: Ngày 19 tháng 9 năm 1954, trong buổi nói chuyện với các cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên Phong chuẩn bị về tiếp quản thủ đô, Bác Hồ đã căn dặn: “Các

vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Với vai trò là một thiếu niên Việt Nam, em suy nghĩ như thế nào về câu nói này?

.....

.....

.....

.....

**Phiếu hướng dẫn chấm Bài kiểm tra đánh giá  
giờ Tập đọc *Phong cảnh đền Hùng***

Câu 1. Đền Thượng, núi Nghĩa Lĩnh, đỉnh Ba Vì, dãy Tam Đảo, núi Sóc Sơn, Ngã Ba Hạc, đền Trung, đền Hạ.

Câu 2. Những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, đỉnh Ba Vì cao vòi vọi, dãy Tam Đảo như bức tường xanh sừng sững, những cành hoa đại cổ thụ tỏa hương thơm, giếng Ngọc trong xanh.

Câu 3. Chỉ Tổ quốc Việt Nam

Câu 4. HS kết nối nội dung vừa học trong bài kết hợp với việc tưởng tượng mình là một vị trí khách du lịch đang tham quan khu di tích lịch sử đền Hùng để nêu cảm nhận.

Câu 5. HS nêu suy nghĩ của mình về lời căn dặn của Bác Hồ. Với vai trò là một thiếu niên Việt Nam, HS nêu được trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước.

## GIÁO ÁN SỐ 2:

### Tập làm văn *Tập viết đoạn văn đối thoại*

(TV5, tập hai, tuần 26)

#### I. Mục tiêu bài học

##### 1. Về năng lực đặc thù:

- Hình thành kỹ năng phân tích nhân vật trong kịch, kiến thức về viết đoạn đối thoại; qua đó có thể viết được đoạn đối thoại hoàn chỉnh.

- Biết dựa theo truyện Thái sư Trần Thủ Độ và những gợi ý để viết tiếp lời đối thoại, hoàn chỉnh đoạn hội thoại trong kịch.

- Biết đọc phân vai hoặc diễn lại màn kịch.

##### 2. Về năng lực chung:

- Góp phần hình thành năng lực giải quyết tình huống có vấn đề, năng lực giao tiếp.

##### 3. Về phẩm chất

- Có thái độ tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc qua cách cư xử gương mẫu, nghiêm minh. Góp phần vào việc hình thành và phát triển ở HS phẩm chất yêu nước, trách nhiệm.

- Hình thành cho HS thói quen lịch sự trong giao tiếp.

#### II. Chuẩn bị

1. GV: SGK, SGV, giáo án, phim, phiếu học tập, giấy A0 để các nhóm viết tiếp lời đối thoại cho màn kịch.

#### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Dựa vào các bức tranh dưới đây, em hãy phân tích bối cảnh và đặc điểm nhân vật:



- Bối cảnh:.....

.....

- Nhân vật:.....

.....

.....



- Bối cảnh:.....  
 .....  
 - Nhân vật:.....  
 .....  
 .....



- Bối cảnh:.....  
 .....  
 - Nhân vật:.....  
 .....  
 .....



- Bối cảnh:.....  
 .....  
 - Nhân vật:.....  
 .....  
 .....



- Bối cảnh:.....  
 .....  
 - Nhân vật:.....  
 .....  
 .....



- Bối cảnh:.....  
 .....  
 - Nhân vật:.....  
 .....  
 .....

## 2. HS: SGK

### III. Hoạt động dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của GV	Yêu cầu cần đạt
<p>1. <b>Kiểm tra bài cũ:</b></p> <p>-HS đọc phân vai đoạn đối thoại màn kịch giữa Trần Thủ Độ, phu nhân, phú nông (TV5, tập hai, trang 78)</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>2. <b>Bài mới</b></p> <p>a. <b><u>Giới thiệu bài mới</u></b></p> <p>- Giới thiệu và ghi tựa bài:</p> <p><i>Ở buổi học hôm trước, các em đã biết cách viết lời đối thoại cho màn kịch dựa theo truyện Thái sư Trần Thủ Độ. Qua màn kịch, các em đã hiểu hơn tính cách nghiêm minh, cương trực của ông. Tiết học hôm nay, các em lại được viết lời đối thoại cho một màn kịch giữa Thái sư Trần Thủ Độ, phu nhân và người quân hiệu, qua đó biết thêm một phẩm chất tốt của thái sư nhé.</i></p> <p>b. <b><u>Hướng dẫn HS làm bài tập</u></b></p> <p>❖ <b>Bài tập 1:</b></p> <p>- GV yêu cầu một HS lên đọc</p>	<p>- Gọi 2 nhóm đọc phân vai</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS đọc thầm.</p>	



<p>yêu cầu bài tập 1.</p> <p>- Cả lớp đọc thầm đoạn trích của truyện Thái sư Trần Thủ Độ trong SGK, trang 85.</p> <p>-GV: Để các em có thể hình dung rõ hơn về bối cảnh và các nhân vật trong màn kịch, cả lớp ta sẽ cùng nhau xem một trích đoạn của tập phim lịch sử “<i>Trần Thủ Độ và việc giữ vững kỷ cương, pháp luật nhà Trần</i>”.</p> <p>Sau đó, các nhóm đôi thảo luận và hoàn thiện vào phiếu học tập GV chuẩn bị sẵn.</p> <p>+ Các nhân vật trong đoạn trích là ai?</p> <p>+ Tóm tắt nội dung đoạn trích.</p> <p>+ Miêu tả về dáng điệu, nét mặt, thái độ của từng nhân vật.</p> <p>+ Dự đoán những hành động</p>	<p>-HS xem phim</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm và trình bày ý kiến</p> <p>+ Các nhân vật: Thái sư Trần Thủ Độ, Linh Từ Quốc Mẫu (phu nhân), người quân hiệu, mấy người lính....</p> <p>+ Tóm tắt nội dung: Linh Từ Quốc Mẫu phàn nàn với Trần Thủ Độ về việc bị người quân hiệu chặn kiệu, không cho qua cửa chính. Thái sư cho gọi người quân hiệu để làm rõ mọi chuyện và ban thưởng cho ông ta vì đã làm đúng chức trách của mình.</p> <p>+ Linh Từ Quốc mẫu tức giận khi bị quân hiệu chặn đường, khóc và than với vua về chuyện bị chặn đường. Quân hiệu nghiêm túc trong việc xử lí công việc, sợ hãi khi bị thái sư cho gọi, vui mừng khi được</p>	<p>-Có kĩ năng quan sát, phân tích được đặc điểm nhân vật, bối cảnh sự việc.</p>
---	--	--

<p>tiếp theo của từng nhân vật.</p> <p>❖ <i>Bài tập hai:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc đề bài, sau đó cho hoạt động theo nhóm 4 để thảo luận về cách viết tiếp lời đối thoại cho màn kịch.</li> <li>- HS vận dụng sáng tạo để viết một số lời đối thoại hoàn thiện màn kịch. Lưu ý cho HS về cách xưng hô, ngôn ngữ của nhân vật.</li> </ul> <p>❖ <i>Bài tập 3:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Các em vừa được trải nghiệm vai trò của một nhà sáng tác kịch. Để thấy những tác phẩm mà mình tạo ra có hay không, cô sẽ chia cho mỗi dãy một nhiệm vụ: đọc phân vai hoặc diễn kịch.</li> <li>- Các dãy sẽ chia thành các nhóm nhỏ để thực hiện nhiệm vụ + HS trong nhóm đọc phân vai sẽ tìm hiểu cách đọc sao cho phù hợp nhất (người dẫn, lính canh,</li> </ul>	<p>ban thưởng. Thái sư tức giận khi nghe phu nhân kể chuyện, rất nghiêm minh khi biết người quân hiệu làm đúng....</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm dựa vào hoạt động thảo luận sau khi xem phim trước đó và sự gợi ý trong SGK để viết lời thoại cho màn kịch.</li> <li>- HS thực hiện</li> <li>- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ đọc phân vai hoặc diễn kịch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết tiếp được lời đối thoại cho màn kịch.</li> <li>- Biết đọc phân vai hoặc diễn lại màn kịch.</li> </ul>
---	---	---

<p>người quân hiệu, phu nhân, Trần Thủ Độ, gia nô).</p> <p>+ HS thuộc nhóm diễn kịch nghiên cứu hành động, cử chỉ, điệu bộ để lột tả đúng các nhân vật.</p> <p>- GV nhận xét, khen nhóm thực hiện tốt.</p> <p>c. <b><u>Dặn dò</u></b></p> <p>- Về luyện đọc phân vai</p> <p>- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo.</p>		
---	--	--

<b>Bài kiểm tra đánh giá giờ TLV Tập viết đoạn đối thoại</b>	
<i>Họ và tên:</i>	<i>Lớp:</i>
<p>Câu 1: Khi xem phim truyện <i>Trần Thủ Độ và việc giữ nghiêm kỷ cương, pháp luật nhà Trần</i>, em cần tập trung vào những chi tiết nào?</p>	
<p>A. Ngoại hình, nét mặt, cách ăn mặc của các nhân vật.</p> <p>B. Ngôn ngữ, lời nói của các nhân vật.</p> <p>C. Bối cảnh diễn ra các sự kiện.</p> <p>D. Hành động của các nhân vật.</p>	
<p>Câu 2: Theo em, cần làm gì để viết tiếp lời cho đoạn đối thoại?</p>	
<p>A. Phân tích được bối cảnh.</p> <p>B. Phân tích được đặc điểm của nhân vật.</p> <p>C. Hiểu được nội dung của đoạn đối thoại.</p> <p>D. Phân tích được bối cảnh, đặc điểm nhân vật và hiểu được nội dung đoạn đối thoại.</p>	
<p>Câu 3: Hãy thử tưởng tượng em là Thái sư Trần Thủ Độ, sau khi biết việc Linh Từ Quốc Mẫu được người quân hiệu đặc cách cho đi cổng chính vào cung đã rất tức giận. Hãy viết tiếp đoạn lời đối thoại giữa Thái sư Trần Thủ Độ, Linh Từ Quốc Mẫu, người quân hiệu.</p>	
<p>Thái sư Trần Thủ Độ (em đóng vai): - <i>Sáng nay, tôi có nghe đảm người hầu bàn tán về việc bà được người quân hiệu cho phép đi qua cổng chính. Có chuyện đó không?</i></p>	

Phu nhân: - *Đúng vậy, ông ta đã nể tình tôi là phu nhân của Thái sư mà cho qua.*  
 Thái sư: - *Tôi không chấp nhận được việc vì nể tình riêng mà không màng phép nước.*  
 - *Bay đâu? Cho gọi tên quân hiệu!*  
 Người quân hiệu:.....  
 Thái sư:.....  
 Người quân hiệu:.....  
 Phu nhân:.....  
 .....

**Phiếu hướng dẫn chấm Bài kiểm tra đánh giá  
 giờ TLV Tập viết đoạn đối thoại**

Câu 1: Đáp án E  
 Câu 2: Đáp án D  
 Câu 3: Viết tiếp được lời đối thoại để hoàn chỉnh màn kịch. Đảm bảo đúng nội dung và yêu cầu, thể hiện được sự vận dụng kiến thức và kỹ năng một cách sáng tạo, hiệu quả.

### 3.6. Kết quả thực nghiệm

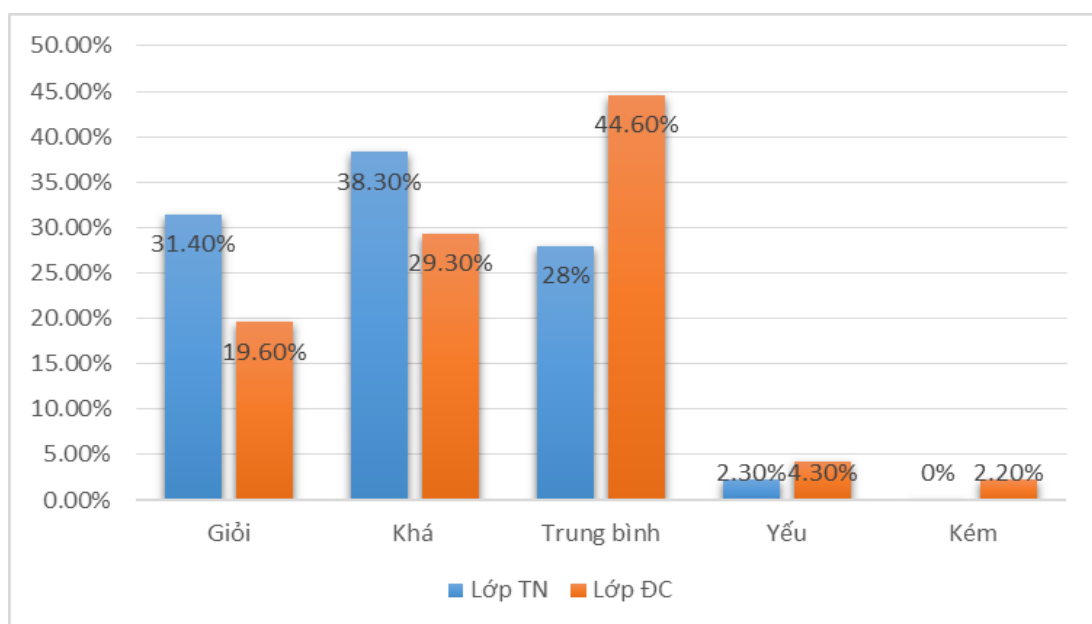
Sau khi cho lớp TN và ĐC thực hiện bài kiểm tra, kết quả TN được chúng tôi xây dựng như sau:

**Bảng 3.2. Bảng thống kê kết quả bài kiểm tra của HS lớp TN và ĐC trường Tiểu học Ninh Vân**

Lớp TN		Kết quả					Lớp ĐC		Kết quả				
		G	Kh	TB	Y	K			G	Kh	TB	Y	K
Tần số	5D	14	15	12	1	0	Tần số	5A	10	13	21	1	1
	5E	13	18	12	1	0		5B	8	14	20	3	1
Tần suất	5D	33.3 %	35.7 %	28.6 %	2.4 %	0 %	Tần suất	5A	21.7 %	28.3 %	45.6 %	2.2 %	2.2 %
	5E	29.5 %	41 %	27.2 %	2.3 %	0 %		5B	17.4 %	30.4 %	43.5 %	6.5 %	2.2 %

**Bảng 3.3. Bảng tổng hợp kết quả bài kiểm tra của HS lớp TN và ĐC trường Tiểu học Ninh Vân**

Lớp TN	Kết quả					Lớp ĐC	Kết quả				
	G	Kh	TB	Y	K		G	Kh	TB	Y	K
<b>Tần số</b>	27	33	24	2	0	<b>Tần số</b>	18	27	41	4	2
<b>Tần suất</b>	31.4%	38.3%	28.0%	2.3%	0%	<b>Tần suất</b>	19.6%	29.3%	44.6%	4.3%	2.2%



**Biểu đồ 3.1. Đồ thị biểu diễn kết quả học tập của HS lớp ĐC và TN trường Tiểu học Ninh Vân**

Dựa vào kết quả thống kê và tổng hợp ở trên, chúng tôi xác định được tỉ lệ tăng – giảm kết quả của lớp TN so với lớp ĐC như sau:

**Bảng 3.4. Bảng so sánh tỉ lệ tăng giảm kết quả giữa lớp TN và ĐC**

Kết quả \ Lớp	Lớp ĐC	Lớp TN	Tỉ lệ tăng – giảm
<b>Giỏi</b>	19.6%	31.4%	+ 11.8%
<b>Khá</b>	29.3%	38.3%	+ 9.0%
<b>Trung bình</b>	44.6%	28.0%	- 16.6%
<b>Yếu</b>	4.3%	2.3%	- 2.0%
<b>Kém</b>	2.2%	0%	-2.2 %

Nhìn vào bảng trên, tỉ lệ tăng – giảm thể hiện được sự thay đổi rõ rệt về kết quả của HS trong tổ chức HĐTN vào dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*. Tỉ lệ số HS đạt loại Giỏi, Khá tăng, tuy không cao nhưng nó phản ánh được sự khách quan, nghiêm túc. Trong một khoảng thời gian ngắn, chúng tôi tổ chức hoạt động dạy học giúp thay đổi kết quả học tập của HS đúng như kỳ vọng.

### **3.7. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm**

Vận dụng lí thuyết của HĐTN vào tổ chức dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn*, TV5, tập hai, chúng tôi đã cụ thể hoá trong chương 2 và tiến hành thực nghiệm sư phạm. Nhìn vào kết quả thực nghiệm, chúng tôi đã có những cơ sở ban đầu để đánh giá tính khả thi, hiệu quả của nghiên cứu, qua đó rút ra những nhận xét, đánh giá bước đầu.

#### *- Về việc tổ chức HĐTN trong DHTV ở Tiểu học*

HĐTN không còn là khái niệm xa lạ trong việc dạy học, nó trở thành một lí thuyết quan trọng để GV có thể vận dụng vào quá trình hình thành ở HS những kĩ năng cần thiết cho môn học. Tuy nhiên, khi nắm bắt tình hình thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng, việc vận dụng HĐTN trong dạy học các môn, cụ thể là đối với môn Tiếng Việt còn diễn ra chưa thường xuyên và đồng bộ.

Hiện nay, có rất nhiều các PPDH và HTTC dạy học có thể giúp HS tự chiếm lĩnh kiến thức, hình thành những kĩ năng cần có, HĐTN cũng là một phương thức quan trọng đáng để GV quan tâm, nghiên cứu và vận dụng. Tiếng Việt là một môn học quan trọng ở tiểu học, giúp các em hình thành các kĩ năng giao tiếp đọc, viết, nói và nghe, đồng thời là môn học công cụ giúp các em có thể khám phá những môn học, lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Do đó, vận dụng HĐTN vào DHTV góp phần giúp GV và HS giảm bớt áp lực trong việc đạt được mục tiêu bài học.

#### *- Về việc tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn*. TV5, tập hai*

Trước khi dạy học TN, chúng tôi đã tiến hành các bước khảo sát, điều tra, phỏng vấn nhanh nhằm nắm bắt tình hình, thực tế dạy học môn Tiếng Việt nói chung và dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* nói riêng. Để việc phối hợp giữa GV và HS lớp TN được nhịp nhàng, chúng tôi đã có những thao tác làm việc với GV và HS rất cụ thể, từ bước trình bày ý tưởng đến bước giảng dạy.

Về phía GV, khi triển khai dạy TN chúng tôi nhận thấy mọi người đều tuân thủ theo giáo án TN, vận dụng tốt các HĐTN trong dạy học các bài. Sau mỗi giờ dạy, GV dạy TN đều chia sẻ, trao đổi với chúng tôi về những thuận lợi và khó khăn của giờ dạy đó. GV đánh giá giờ dạy TN đã có những thay đổi đáng kể như thái độ học tập của HS, các bước các hoạt động diễn ra khá tự nhiên và phù hợp, kết quả sau khi cho HS làm bài kiểm tra cũng phản ánh được sự tiến bộ rõ rệt ở HS.

Về phía HS, các em đã đảm bảo tốt các nhiệm vụ học tập và có hứng thú trong các giờ TN. Đặc biệt, vì đối tượng là HS cuối cấp tiểu học có sự nhanh nhạy trong nắm bắt vấn đề nên khi trao đổi và làm việc với các em, chúng tôi gặp được những thuận lợi nhất định, giờ dạy TN cũng trở nên suôn sẻ.

Đối với giờ Tập đọc Phong cảnh đền Hùng, những nhiệm vụ GV yêu cầu chuẩn bị ở nhà, các em cũng có sự đầu tư khá kỹ lưỡng. Đặc biệt, một số em còn sưu tập trước những nội dung liên quan để phục vụ cho giờ dạy TN như: các bài thuyết minh về đền Hùng, lời dẫn của hướng dẫn viên du lịch,... Khi tiến hành dạy TN, những HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch được cả nhóm chuẩn bị khá kỹ lưỡng từ lời dẫn đến hành động, nhóm đóng vai khách du lịch rất sôi nổi trong việc được đặt câu hỏi hoặc chia sẻ sự chuẩn bị và những hiểu biết của mình.

Đối với giờ TLV *Tập viết đoạn đối thoại*, HS thực sự thích thú với hoạt động xem phim. HS không còn xa lạ với việc xem video hỗ trợ trong giờ học, tuy nhiên các em có thể tận mắt chứng kiến, quan sát bối cảnh và nhân vật đang được nhắc tới trong bài. Điều này giúp các em được trải nghiệm một cách trực quan, sinh động mặt khác là cơ sở để các em thực hiện những nhiệm vụ tiếp theo là viết lời đối thoại và đóng vai diễn lại màn kịch vừa hoàn thiện đó.

Chúng tôi đánh giá tổng thể kết quả thực nghiệm có tính khả thi và chất lượng. GV và HS nhiệt tình, nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan cho giờ TN. Với thành công bước đầu của đề tài, chúng tôi hy vọng và tin tưởng vào quy trình và cách thức mà chúng tôi đã đề xuất có khả năng áp dụng rộng rãi không chỉ trong dạy học các bài thuộc chủ điểm *Nhớ nguồn* mà còn đối với những nhóm bài phù hợp của môn Tiếng Việt ở tiểu học.

### Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, chúng tôi tiến hành tổ chức và đánh giá kết quả TN. Để có được kết quả TN trên, chúng tôi đã xác định từ mục đích, đối tượng, địa bàn, nội dung và cách thức TN, lập các tiêu chí đánh giá, phương pháp đánh giá đến việc xử lý kết quả, nhằm đưa ra những kết luận cần thiết về nội dung nghiên cứu và đánh giá tính khả thi của những vấn đề đã nêu trong luận văn.

Việc tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* là việc làm có ý nghĩa về lí luận và thực tiễn.

Các cách thức, quy trình và hình thức trải nghiệm đề xuất ở chương 2 có tính khả thi phù hợp lí thuyết trải nghiệm, đặc biệt phù hợp với thực tiễn dạy học hiện nay.

Kết quả TN chương 3 cho phép chúng tôi đi đến kết luận: tổ chức HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn*, TV5, tập hai là một hướng nghiên cứu đúng đắn và có thể triển khai hiệu quả đối với DHTV trên phạm vi rộng rãi.



## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

HĐTN trong dạy học không còn là vấn đề mới mẻ đối với GV và HS. Tuy nhiên, việc vận dụng HĐTN vào dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học là một việc làm rất cần thiết. HĐTN góp phần hình thành hứng thú và động lực học tập cho HS. Nhờ trải nghiệm, HS được tham gia trực tiếp bằng đa dạng các phương pháp và hình thức nhằm tạo không khí học tập vui vẻ, thoải mái, không nhàm chán bởi một và chỉ một PPDH nào. Ngoài ra, những năng lực và phẩm chất cần thiết dần được hình thành và phát triển. Thông qua HĐTN, HS chủ động trong việc chiếm lĩnh tri thức, có kế hoạch cho các nhiệm vụ bài học, tự tin trong các hoạt động giao tiếp, thuyết trình hay làm việc nhóm; góp phần hình thành ở các em một cách tự nhiên nhất thái độ tích cực đối với môn học.

Vấn đề phát triển phẩm chất và năng lực người học đặt ra những thách thức to lớn cho việc dạy học hiện nay. Nghiên cứu tổ chức, vận dụng HĐTN trong dạy học chủ điểm *Nhớ nguồn* là một hướng tiếp cận đổi mới PPDH mà chúng tôi có thể tin tưởng rằng nó sẽ giúp cho người học thông qua trải nghiệm tự chiếm lĩnh được tri thức, hình thành những phẩm chất và năng lực cần có. Vai trò, ý nghĩa của HĐTN mang lại khá nhiều những thuận lợi cho quá trình dạy học.

### 2. Khuyến nghị

Trong quá trình nghiên cứu và TN, chúng tôi đã gặp rất nhiều thuận lợi nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số khó khăn nhất định. Để khắc phục những tồn tại này, chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị sau:

Về phía các cấp quản lí giáo dục, cần thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, các chuyên đề về HĐTN vận dụng trong dạy học các môn để GV có cơ hội tham gia, học hỏi, nâng cao trình độ, chuyên môn.

Về phía GV, cần được thường xuyên tập huấn, cập nhật các phương pháp và HTTC dạy học tích cực, tiên tiến nhằm đổi mới cách thức giảng dạy cho phù hợp với môn học, bài học. Cần hiểu đúng và nghiên cứu kĩ về HĐTN, luôn có sự chuẩn bị kĩ từ giáo án, phương tiện đồ dùng dạy học đến các phiếu giao việc cho HS trước khi lên lớp. Trong quá trình dạy học, GV cần chú trọng tới việc huy động được vốn

sống của các em từ đó giúp liên hệ với bài học; sử dụng đa dạng các cách thức đánh giá nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan trong đánh giá phẩm chất và năng lực người học.

Về phía HS, cần có những thói quen tích cực trong tiếp cận những phương pháp và hình thức dạy học mới, cụ thể như: chủ động làm việc với phiếu giao việc, phiếu học tập nhằm chuẩn bị tốt cho bài học; tích cực tham gia các hoạt động nhóm như trao đổi thảo luận nhằm tăng tương tác làm việc với các thành viên khác, tạo động lực học tập hiệu quả.

Về phía các trường Tiểu học, nên có những buổi thảo luận, sinh hoạt chuyên đề về tổ chức HĐTN trong dạy học các môn và Tiếng Việt tạo cơ hội trao đổi chuyên môn, có những đánh giá kịp thời trong việc vận dụng vào dạy học.

Về phía các trường cao đẳng, đại học có đào tạo sinh viên ngành sư phạm Tiểu học, cần đưa vào chương trình đào tạo những nội dung HĐTN trong DHTV để sinh viên có cơ hội thực thành, thực tập, có khả năng vận dụng vào giảng dạy tốt ngay sau khi ra trường.

Về phía các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường (phụ huynh HS, các ban ngành, đoàn thể...), cần có sự quan tâm, hỗ trợ trong HĐTN cho HS. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các em không chỉ được trải nghiệm trong lớp học mà còn được tham gia vào các HĐTN ngoài trường học, ở các địa điểm khác.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *PPDH tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2009), *Hoạt động - Giao tiếp - Nhân cách*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Hoàng Anh, Vũ Kim Thanh (1966), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
4. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết (2012), *Phương pháp DHTV nhìn từ tiểu học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.87.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (tái bản lần thứ 10, 2015), *TV5*, tập 1, Nxb GD Việt Nam.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (tái bản lần thứ 10, 2015), *TV5*, tập hai, Nxb GD Việt Nam.
9. Bộ GD&ĐT (tái bản lần thứ 10, 2015) *TV5*, tập 1, Nxb GD Việt Nam.
10. Bộ GD&ĐT (tái bản lần thứ 10, 2015) *TV5*, tập hai, Nxb GD Việt Nam.
11. Cục nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các HĐTN trong trường tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
12. Bùi Ngọc Diệp (2015), *HTTC các HĐTN sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 113/02.
13. Nguyễn Thị Dung, Lương Thị Hương Lan (2016), *Vận dụng phương pháp giao tiếp xây dựng đề bài TLV giúp HS tiểu học trải nghiệm sáng tạo khi làm bài*, Tạp chí trường Đại học Hải Phòng, số tháng 11 năm 2016.
14. Nguyễn Thị Dung (2017), *HĐTN sáng tạo của HS lớp 4 khi đọc hiểu văn bản*, Tạp chí Giáo dục, số 406, tháng 5/2017.
15. Nguyễn Thị Dung, Dương Hương Giang (2018), *Tổ chức một số HĐTN cho HS lớp 4, 5 trong DHTV gắn với thực tiễn địa phương ở thành phố Hải Phòng*, Tạp chí Giáo dục, số 433, tháng 7/2018.

16. Nguyễn Thị Dung (2016), *HĐTN trong thực tiễn DHTV ở tiểu học*, Hội thảo Sau Đại học – Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Phan Phương Dung, Đặng Kim Nga (2011), *Hoạt động giao tiếp với DHTV ở tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
18. Phó Đức Hòa (2018), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
19. Phạm Thị Thu Hương (2018), *Độc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
20. Phạm Thị Thu Hương, Đoàn Thị Thanh Huyền, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Thị Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Liên (chủ biên), Nguyễn Thị Bằng, Tường Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh (2016), *Tổ chức HĐTN sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
22. Karl.Marx (1960), *Tư bản quyển 1*, Nxb Sự thật.
23. Nguyễn Thị Hồng Nam, Trịnh Thị Hương, Trần Minh Hùng (2019), *Tổ chức HĐTN cho HS lớp 10 môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
24. Lê Phương Nga (2011), *Bồi dưỡng HS giỏi Tiếng Việt ở Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
25. Lê Phương Nga (2013), *Phương pháp DHTV ở tiểu học II*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
26. Lê Phương Nga, Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2013), *Phương pháp DHTV ở Tiểu học I*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
27. Đào Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Hằng (2018), *Học tập trải nghiệm – lí thuyết và vận dụng vào thiết kế, tổ chức HĐTN trong môn học ở trường phổ thông*, Tạp chí giáo dục, số 433, tr36-40.

28. Trần Thị Hạnh Phương (2017), *Tổ chức HĐTN sáng tạo - biện pháp bồi dưỡng năng lực Ngữ văn cho HS trong nhà trường THPT*, Tạp chí Giáo dục, số 126, tháng 10/2017.
29. Đinh Thị Kim Thoa (2005), *Tài liệu tập huấn kỹ năng xây dựng và tổ chức các HĐTN sáng tạo trong trường trung học*, Hà Nội.
30. Đinh Kim Thoa, Bùi Ngọc Diệp (2014), *Tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường trung học theo định hướng phát triển năng lực HS*, Bộ GD&ĐT (Tài liệu tập huấn)
31. Đỗ Ngọc Thống (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
32. Đỗ Ngọc Thống (2019), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
33. Nguyễn Minh Thuyết (2016), *Tiếng Việt lớp 5 (tập 1)*, Nxb Giáo dục, Việt Nam.
34. Nguyễn Trí (2007), *Dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới*, Nxb Giáo dục, Việt Nam.
35. Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, Hà Nội (1992), *Từ điển Tiếng Việt*.
36. Viện ngôn ngữ học (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa.
37. Nguyễn Quốc Vương, Lê Xuân Quang (2017), *Hướng dẫn tổ chức HĐTN cho HS tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### **Tiếng Anh**

38. Aaron D. Clevenger (2014-2015), *Experiential Education as a Framework for Student Affairs' Educator Role*, Journal of Student Affairs, Vol. XXIV.
39. Beard, C, & Wilson, J. P (2006), *Experiential learning a best practice handbook for educators and trainers* (2nd ed.), London: Kogan Page.

40. Fried, J. (2006). Rethinking learning. In R. Keeling (Ed.), *Learning reconsidered 2: Implementing a campuswide focus on the student experience* (pp. 3-9). Washington, D.C: ACPA
41. Kolb, D.A (1984), *Experiential learning: experience as the source of learning and development*, Englewood Cliffs: Prentice-Hall.
42. Kolb, D.A (2011), *Experiential learning: experience as the source of learning and development*, Prentice-Hall PRT.
43. Scott D Wurdinger, Julie A Carlson (2009), *Teaching for Experiential Learning: Five Approaches That Work*, Inbunden Engelska.

**Các trang mạng:**

44. <http://www.aee.org/>
45. [http://cte.gmu.edu/Teaching/experiential\\_learning.html/](http://cte.gmu.edu/Teaching/experiential_learning.html/)
46. <http://internships.about.com/od/internships101/p/TypesExperEd.htm>
47. [http://www.experientiallearning.ucdavis.edu/module1/el1\\_40-5stepdefinitions.pdf](http://www.experientiallearning.ucdavis.edu/module1/el1_40-5stepdefinitions.pdf)
48. <http://www.aee.org/>
49. <http://www.icel.org.uk/>
50. <http://www.aee.org/publications/jee>
51. <http://www.nsee.org/>
52. <http://www.wilderdom.com/experiential/>
53. <http://www.cael.org/>
54. <http://www.nsee.org/8-principles>

## PHỤ LỤC

### PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO GV

(Thực trạng dạy học TV)

Họ và tên GV: .....

GV dạy khối lớp: .....

Trường Tiểu học:.....

*(Dưới đây là các câu hỏi khảo sát, thầy/cô vui lòng: khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D các ý mà thầy/cô lựa chọn hoặc viết vào những chỗ để trống. Rất mong được sự hợp tác, giúp đỡ của thầy/cô!)*

**Câu 1.** Thầy/cô đã có kinh nghiệm dạy học lớp 5 bao nhiêu năm?

.....

**Câu 2.** Thầy/cô có biết đến HĐTN trong DHTV không? Bằng cách nào thầy/cô biết?

.....

.....

**Câu 3.** Thầy/cô tự nhận xét, đánh giá giờ dạy Tiếng Việt của mình như thế nào?

A. HS không chủ động trong việc chiếm lĩnh kiến thức, GV phải hoàn toàn hỗ trợ.

B. HS chưa thường xuyên chủ động trong việc chiếm lĩnh kiến thức, GV phải hỗ trợ nhiều.

C. HS chủ động tham gia các hoạt động mà GV tổ chức. Tuy nhiên, GV còn phải hỗ trợ.

D. HS tích cực tham gia vào các hoạt động để tự chiếm lĩnh kiến thức, được chia sẻ, trao đổi, thảo luận ý kiến của bản thân. GV gần như không phải hỗ trợ.

**Câu 4.** Mức độ vận dụng HĐTN vào dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn?

A. Không vận dụng

B. Ít vận dụng

C. Thường vận dụng vào một phân môn cụ thể

D. Bài nào cũng vận dụng

**Câu 5.** Thầy/cô sử dụng các HTTC dạy học nào trong dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn, SGK TV5, Tập hai sau đây:

- A. HS hoạt động cá nhân
- B. HS hoạt động cặp đôi
- C. HS làm việc nhóm
- D. HS làm việc chung cả lớp dưới sự hướng dẫn của GV
- E. Tùy từng hoạt động cụ thể

**Câu 5.** Thầy/cô tổ chức cho HS tham gia các hoạt động nào trong dạy học các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn, SGK TV5, Tập hai sau đây:

- A. Hoạt động nhóm
- B. Hoạt động trò chơi học tập
- C. Hoạt động đóng vai, đóng kịch
- D. Hoạt động tham quan, trải nghiệm thực tế
- E. Hoạt động CLB
- F. Hoạt động hội thi, cuộc thi

**Câu 6.** Thầy/ cô hãy chia sẻ kinh nghiệm tổ chức HĐTN trong quá trình dạy các bài thuộc chủ điểm Nhớ nguồn, SGK TV5, Tập hai.

.....

.....

.....

.....

.....

### PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO HS

(Thực trạng dạy học TV)

Họ và tên: .....

HS lớp 5:.....

Trường Tiểu học:.....

*(Dưới đây là các câu hỏi khảo sát, các em hãy: khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D các ý mà em lựa chọn hoặc viết vào những chỗ để trống. Rất mong được sự*



*hợp tác, giúp đỡ của các em!)*

**Câu 1.** Em có thích các giờ học Tiếng Việt không?

A. Có

B. Không

*(Nếu chọn A, xin mời trả lời từ câu 2, bỏ qua câu 3. Nếu chọn B, xin mời trả lời từ câu 3)*

**Câu 2.** Lí do em **CÓ** thích các giờ học Tiếng Việt là gì?

A. Vì nội dung các bài học trong giờ Tiếng Việt rất hay và ý nghĩa.

B. Vì kiến thức môn Tiếng Việt dễ tiếp thu hơn các môn khác.

C. Vì GV có phương pháp dạy tốt, gây được hứng thú học tập cho HS, HS được tham gia vào nhiều hoạt động học tập phong phú.

**Câu 3.** Lí do em **KHÔNG** thích các giờ học Tiếng Việt là gì?

A. Vì nội dung kiến thức môn Tiếng Việt khó tiếp thu hơn các môn khác.

B. Vì phải ghi chép nhiều.

C. Vì PPDH của GV không gây được hứng thú học tập cho HS, các bài đều có cách dạy như nhau dễ nhàm chán.

**Câu 4.** Trong giờ Tiếng Việt, GV thường tổ chức cho HS tham gia các hình thức, hoạt động nào sau đây?

A. GV hỏi, HS trả lời.

B. Được làm việc nhóm, thảo luận, trao đổi ý kiến.

C. Được tham gia vào các trò chơi học tập.

D. Được đóng vai, diễn kịch.

E. Được đi tham quan, trải nghiệm thực tế.

**Câu 5.** Em tham gia vào các hoạt động trong giờ Tiếng Việt như thế nào?

A. Rất hào hứng, vui vẻ.

B. Hào hứng, vui vẻ

C. Bình thường

D. Nhàm chán, không thích thú.

*Cảm ơn em đã dành thời gian cho khảo sát, chúc em học tập tốt!*

**PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO HS LỚP THỰC NGHIỆM  
VÀ LỚP ĐỐI CHỨNG**

**(Trước khi dạy thực nghiệm)**

Họ và tên: .....

HS lớp 5:.....

Trường Tiểu học:.....

*(Dưới đây là các câu hỏi khảo sát, các em hãy: khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D các ý mà em lựa chọn hoặc viết vào những chỗ để trống. Rất mong được sự hợp tác, giúp đỡ của các em!)*

Câu 1. Em có thích học môn Tiếng Việt không?

- A. Rất thích
- B. Thích
- C. Bình thường
- D. Không thích

Câu 2. Em thấy không khí giờ học Tiếng Việt của lớp em như thế nào?

- A. Rất sôi nổi, hào hứng
- B. Bình thường
- C. Tẻ nhạt, khô khan

Câu 3. Em thường xuyên tham gia hoạt động trong giờ Tiếng Việt dưới hình thức nào?

- A. Thực hiện cá nhân các nhiệm vụ GV yêu cầu.
- B. Làm việc nhóm đôi với bạn ngồi cạnh
- C. Thảo luận, làm việc nhóm

Câu 4. Trong giờ Tập đọc, em được thường xuyên tham gia vào các hoạt động nào dưới đây?

- A. Luyện đọc từ khó, câu khó, nối tiếp đoạn, đọc cả bài.
- B. Tham gia các trò chơi học tập để tìm hiểu bài
- C. Đóng vai các nhân vật trong bài
- D. Tham gia cuộc thi luyện đọc diễn cảm

Câu 5. Trong các giờ TLV, em được thường xuyên tham gia các hoạt động nào dưới đây?

- A. Phân tích yêu cầu đề bài trước khi viết
- B. Trực tiếp quan sát đối tượng trước khi viết
- C. Phân tích các đặc điểm của đối tượng trước khi viết
- D. Thực hành giao tiếp trong quá trình viết
- E. Trình bày và đánh giá sản phẩm viết

*Chúc các em học tập tốt!*

### **PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO HS LỚP THỰC NGHIỆM**

**(Sau khi dạy thực nghiệm)**

Họ và tên: .....

HS lớp 5:.....

Trường Tiểu học:.....

*(Dưới đây là các câu hỏi khảo sát, các em hãy: khoanh tròn vào chữ cái A, B, C, D các ý mà em lựa chọn hoặc viết vào những chỗ để trống. Rất mong được sự hợp tác, giúp đỡ của các em!)*

Câu 1. Em cảm thấy giờ học thực nghiệm như thế nào?

- A. Rất hấp dẫn, vui vẻ.
- B. Hấp dẫn
- C. Bình thường
- D. Không hấp dẫn

Câu 2. Em có ấn tượng với những hoạt động nào trong giờ học thực nghiệm?

- A. Hoạt động đóng vai hướng dẫn viên du lịch và khách tham quan
- B. Hoạt động thi đọc diễn cảm
- C. Hoạt động xem phim truyện, phim tài liệu
- D. Hoạt động phân vai diễn lại màn kịch

Câu 3. Trong giờ học thực nghiệm, em có thường xuyên được tham gia vào các hoạt động trên không?

- A. Rất thường xuyên
- B. Thường xuyên
- C. thỉnh thoảng
- D. Không bao giờ

Câu 4. Trong giờ thực nghiệm, GV đã giúp em thực hiện nhiệm vụ như thế nào?

- A. GV đã đưa ra những yêu cầu rõ ràng, tổ chức các HĐTN rất thú vị.
- B. GV tổ chức các hoạt động phù hợp, đưa ra những yêu cầu cho HS thực hiện.
- C. GV không quan tâm đến các hoạt động của HS, chỉ chú trọng tới việc cung cấp kiến thức.

Câu 5. Trong giờ học thực nghiệm, em đã được tham gia vào những hoạt động nào mà chưa từng được GV tổ chức ở các giờ khác:.....

.....

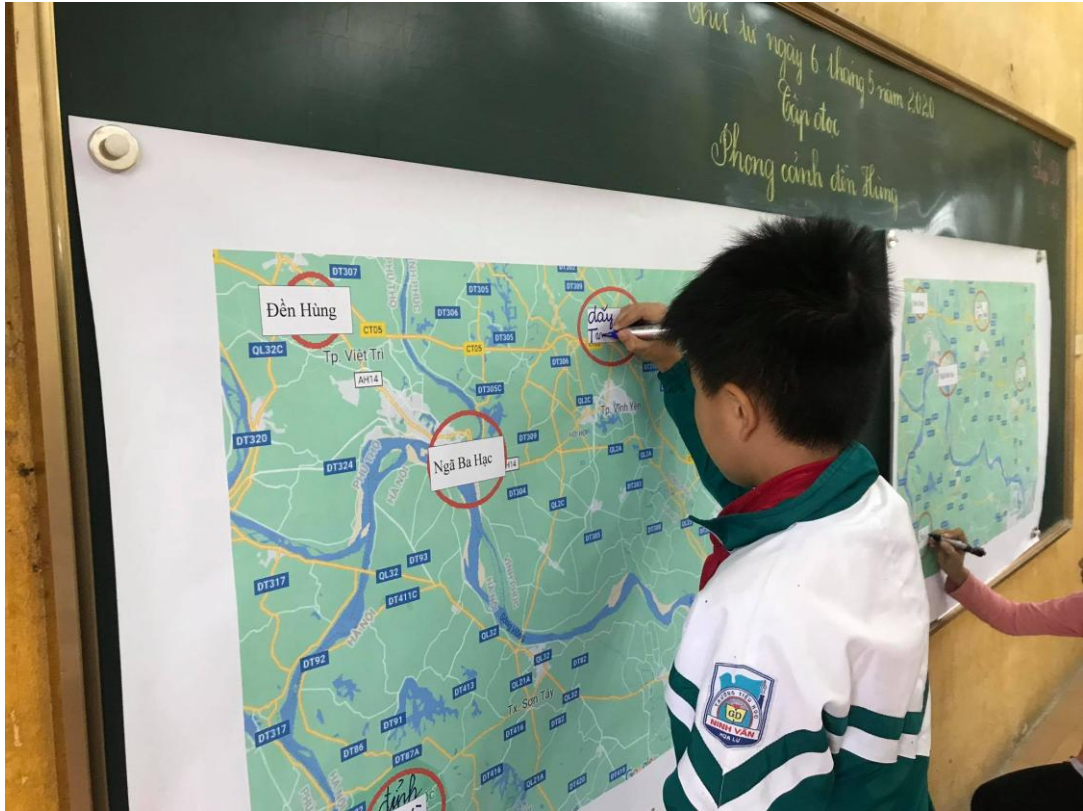
.....



**HĐTN trong giờ Tập đọc Phong cảnh đền Hùng**



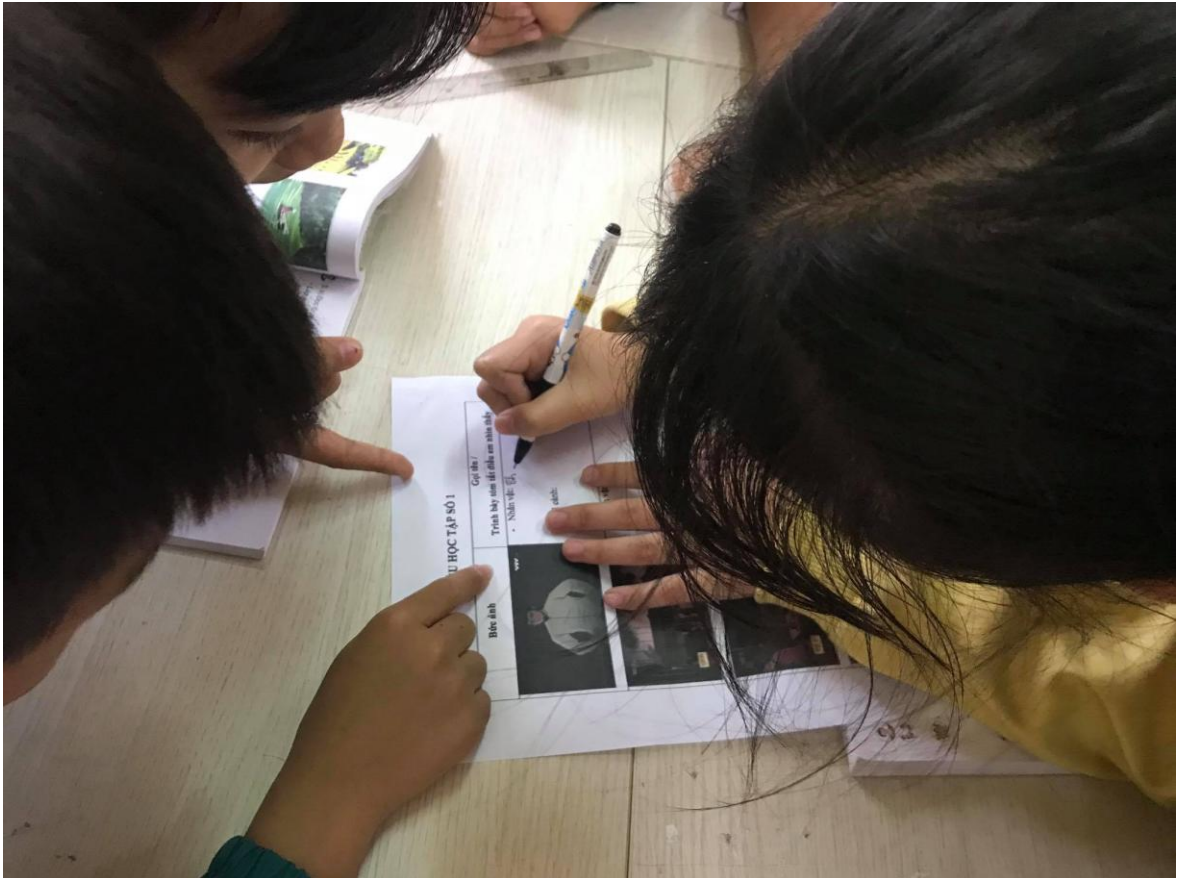
**HĐTN trong giờ Tập đọc Phong cảnh đền Hùng**



**HĐTN trong giờ Tập đọc Phong cảnh đền Hùng**



**HĐTN trong giờ Tập đọc Phong cảnh đền Hùng**



**HĐTN trong giờ TLV Tập viết đoạn đối thoại**



**HĐTN trong giờ TLV Tập viết đoạn đối thoại**



**HĐTN trong giờ TLV Tập viết đoạn đối thoại**



**HĐTN trong giờ TLV Tập viết đoạn đối thoại**



**XÁC NHẬN LUẬN VĂN ĐÃ CHỈNH SỬA  
THEO GÓP Ý CỦA HỘI ĐỒNG**

**Nội dung 1:** Chỉnh sửa tên đề tài *Hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa TV5 (tập hai)* thành *Hoạt động trải nghiệm trong dạy học chủ điểm Nhớ nguồn ở sách giáo khoa Tiếng Việt 5 (tập hai)* (trang bìa).

**Nội dung 2:** Chỉnh sửa một số lỗi diễn đạt, dùng từ:

+ Bỏ ngoặc kép đoạn: *Chúng tôi quan niệm về HĐTN như sau: “HĐTN là HĐGD, trong đó dưới sự tổ chức và hướng dẫn của nhà giáo dục,..”* thành: *Chúng tôi quan niệm về HĐTN như sau: HĐTN là HĐGD, trong đó dưới sự tổ chức và hướng dẫn của nhà giáo dục,..* (trang 14).

+ Một mặt, *HĐTN giúp hình thành... Mặt khác,...* thành *HĐTN góp phần hình thành...* (trang 115).

+ *Phương thức Công hiến* thành *Phương thức Cống hiến* (trang 36).

+ *Phong cảnh đền hùng* thành *Phong cảnh đền Hùng* (trang 57).

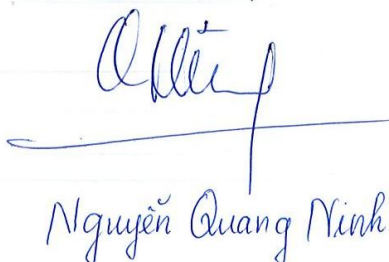
HỌC VIÊN CAO HỌC  
(kí và ghi rõ họ tên)



**Đỗ Hồng Linh**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

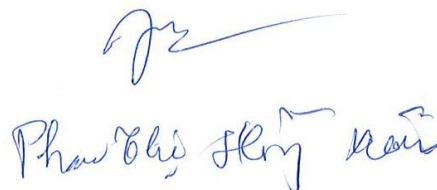
(kí và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Ninh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

(kí và ghi rõ họ tên)



Phó Chủ tịch Hội đồng